

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Đỗ Thị Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG
VICEM HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Thu Huyền

Mã SV: 1113401024

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phản ánh thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng.
- Đánh giá những ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu sổ sách kế toán năm 2012 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng.

Địa chỉ: Trảng Kênh - Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: ThS. Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thị Thu Huyền

ThS. Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP | 3 |
| 1.1. Phân loại hoạt động và cách xác định lợi nhuận từng hoạt động trong doanh nghiệp | 3 |
| 1.2. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp | 4 |
| 1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh | 4 |
| 1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4 |
| 1.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán..... | 6 |
| 1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 8 |
| 1.2.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ | 15 |
| 1.2.1.5. Kế toán chi phí bán hàng..... | 18 |
| 1.2.1.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 21 |
| 1.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính | 24 |
| 1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 24 |
| 1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính | 26 |
| 1.2.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác | 28 |
| 1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác..... | 28 |
| 1.2.3.2. Kế toán chi phí khác..... | 30 |
| 1.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh | 32 |
| 1.2.4.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 32 |
| 1.2.4.2. Kế toán chi phí thuế TNDN | 34 |
| 1.2.4.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối | 37 |
| 1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp | 39 |
| 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung | 39 |
| 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái..... | 40 |

| | |
|---|-----------|
| 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 40 |
| 1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ..... | 42 |
| 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính | 43 |
| CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG..... | 44 |
| 2.1. Đặc điểm tình hình chung của Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng | 44 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển | 44 |
| 2.1.2. Chức năng nhiệm vụ | 46 |
| 2.1.2.1. Chức năng | 46 |
| 2.1.2.2. Nhiệm vụ | 46 |
| 2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý công ty..... | 46 |
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty..... | 50 |
| 2.2. Tình hình thực tế về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng | 55 |
| 2.2.1. Tình hình thực tế hàng hóa và hoạt động bán hàng | 55 |
| 2.2.1.1. Đặc điểm mặt hàng kinh doanh của công ty | 55 |
| 2.2.1.2. Phương thức bán hàng..... | 55 |
| 2.2.1.3. Phương thức thanh toán hàng bán..... | 56 |
| 2.2.1.4. Phương pháp tính giá hàng xuất kho..... | 56 |
| 2.2.2. Phương pháp hạch toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty | 56 |
| 2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng..... | 56 |
| 2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ | 66 |
| 2.2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 79 |
| 2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác..... | 84 |
| 2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng . | 92 |
| 2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... | 92 |
| 2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính | 99 |
| 2.2.3.3. Kế toán chi phí bán hàng..... | 104 |
| 2.2.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 111 |
| 2.2.3.5. Kế toán chi phí khác..... | 117 |
| 2.2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 123 |

| | |
|---|-----|
| CHƯƠNG III. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG | |
| | 133 |
| 3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng | |
| | 133 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 133 |
| 3.1.2. Nhược điểm..... | 136 |
| 3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng..... | 137 |
| KẾT LUẬN | 143 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 145 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP | 3 |
| Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ | 9 |
| Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp | 10 |
| Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ | 11 |
| Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp | 11 |
| Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hàng đổi hàng không tương tự chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ | 12 |
| Sơ đồ 1.6: Kế toán bán hàng đại lý (hàng chịu thuế GTGT)..... | 12 |
| Sơ đồ 1.7: Kế toán chiết khấu thương mại | 13 |
| Sơ đồ 1.8: Kế toán giảm giá hàng bán..... | 13 |
| Sơ đồ 1.9: Kế toán hàng bán bị trả lại | 13 |
| Sơ đồ 1.10: Kế toán giá vốn hàng bán..... | 14 |
| Sơ đồ 1.11: Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 17 |
| Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí bán hàng..... | 20 |
| Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 23 |
| Sơ đồ 1.14: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 25 |
| Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí tài chính | 27 |
| Sơ đồ 1.16: Kế toán thu nhập khác..... | 29 |
| Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí khác..... | 31 |
| Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 33 |
| Sơ đồ 1.19a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành | 36 |
| Sơ đồ 1.19b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại | 36 |
| Sơ đồ 1.20: Kế toán lợi nhuận chưa phân phối..... | 38 |
| Sơ đồ 20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 39 |
| Sơ đồ 21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái ... | 40 |
| Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ ... | 41 |

| | |
|---|-----------|
| Sơ đồ 23: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ | 42 |
| Sơ đồ 24: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.... | 43 |
| CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG..... | 44 |
| Sơ đồ 01: Cơ cấu tổ chức công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng. | 47 |
| Sơ đồ 02: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng | 51 |
| Sơ đồ 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.... | 54 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|-----|
| Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT..... | 59 |
| Biểu số 2.2: Bảng kê hóa đơn bán hàng | 60 |
| Biểu số 2.3: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 61 |
| Biểu số 2.4: Trích Sổ chi tiết TK 511 | 62 |
| Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua | 63 |
| Biểu số 2.6: Trích Bảng cân đối phát sinh công nợ..... | 64 |
| Biểu số 2.7: Trích Sổ Cái TK 511 | 65 |
| Biểu số 2.8: Phiếu chi | 70 |
| Biểu số 2.9: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 71 |
| Biểu số 2.10: Trích Sổ Cái TK 521 | 72 |
| Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT..... | 74 |
| Biểu số 2.12: Phiếu nhập kho | 75 |
| Biểu số 2.13: Phiếu chi | 76 |
| Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 77 |
| Biểu số 2.15: Trích Sổ Cái TK 531 | 78 |
| Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 82 |
| Biểu số 2.17: Trích Sổ Cái TK 515 | 83 |
| Biểu số 2.18: Biên bản thanh lý TSCĐ | 87 |
| Biểu số 2.19: Hóa đơn GTGT..... | 88 |
| Biểu số 2.20: Phiếu thu..... | 89 |
| Biểu số 2.21: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 90 |
| Biểu số 2.22: Trích Sổ Cái TK 711 | 91 |
| Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT..... | 94 |
| Biểu số 2.24: Phiếu xuất kho | 95 |
| Biểu số 2.25: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 96 |
| Biểu số 2.26: Trích Sổ chi tiết TK 632..... | 97 |
| Biểu số 2.27: Trích Sổ Cái TK 632 | 98 |
| Biểu số 2.28: Giấy báo Nợ..... | 101 |
| Biểu số 2.29: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 102 |
| Biểu số 2.30: Trích Sổ Cái TK 635 | 103 |
| Biểu số 2.31: Hóa đơn GTGT..... | 107 |
| Biểu số 2.32: Phiếu chi | 108 |
| Biểu số 2.33: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 109 |

| | |
|---|-----|
| Biểu số 2.34: Trích Sổ Cái TK 641 | 110 |
| Biểu số 2.35: Trích Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương | 114 |
| Biểu số 2.36: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 115 |
| Biểu số 2.37: Trích Sổ Cái TK 642 | 116 |
| Biểu số 2.38: Biên bản thanh lý TSCĐ | 120 |
| Biểu số 2.39: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 121 |
| Biểu số 2.40: Trích Sổ Cái TK 811 | 122 |
| Biểu số 2.41: Phiếu kế toán | 126 |
| Biểu số 2.42: Phiếu kế toán | 126 |
| Biểu số 2.43: Phiếu kế toán | 127 |
| Biểu số 2.44: Phiếu kế toán | 127 |
| Biểu số 2.45: Trích Sổ Nhật ký chung..... | 128 |
| Biểu số 2.46: Trích Sổ Cái TK 911 | 129 |
| Biểu số 2.47: Trích Sổ Cái TK 821 | 130 |
| Biểu số 2.48: Trích Sổ Cái TK 421 | 131 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi rõ rệt. Tuy nhiên, tình hình hiện nay của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa ổn định lại do tình trạng lạm phát giá cả. Vì thế mà các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả đi rất nhiều, thậm chí có những doanh nghiệp thành lập chưa có chỗ đứng trên thị trường đã phải phá sản, dẫn đến tình trạng thất nghiệp của người làm công ăn lương trong xã hội. Nhưng bên cạnh đó, không thể không kể đến những doanh nghiệp hàng ngày vẫn đạt được những hiệu quả cao, đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của các doanh nghiệp này từ khâu sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu thụ. Và trong đó, một trong những khâu quan trọng không thể bỏ qua đó là công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp. Nó góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả hơn. Và công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng là một đơn vị sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển, tình hình tài chính tương đối ổn định. Tuy nhiên, trước những thách thức của nền kinh tế thị trường, ban lãnh đạo công ty không ngừng nâng cao trình độ quản lý nhất là quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, sau khi đi sâu tìm hiểu thực tế về công tác này tại công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng, em đã chọn nghiên cứu đề tài ***“Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng”*** với mong muốn tìm hiểu thực tế nhằm nâng cao vốn kiến thức cho bản thân và đóng góp một phần nhỏ vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

Bài viết của em gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chương II: Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban giám đốc, của cán bộ công nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo nhiệt tình của thầy giáo - Thạc sĩ Phạm Văn Tường, em đã nắm bắt được phần nào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung từ thầy cô, bạn đọc để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Ths. Phạm Văn Tường cùng ban lãnh đạo công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. PHÂN LOẠI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH LỢI NHUẬN TỪNG HOẠT ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP.

❖ **Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp:**

Các hoạt động trong doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Hoạt động SXKD: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

❖ **Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\begin{array}{r} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{HĐ} \\ \text{SXKD} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng, QLDN} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi} \\ \text{nhuận} \\ \text{HĐTC} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{HĐTC} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận kế} \\ \text{toán trước thuế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{HĐ SXKD} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{HĐTC} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Tổng lợi nhuận kế} \\ \text{toán trước thuế} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

1.2. NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

❖ **Khái niệm:**

- *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu bán hàng*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Các phương thức bán hàng:*

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức hàng đổi hàng:* Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ:* Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp, ...

1.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

❖ *Khái niệm:*

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ngiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

* **Công thức tổng quát:**

Trị giá vốn hàng xuất kho = Số lượng x Đơn giá hàng xuất kho

* **Có 4 phương pháp:**

✓ **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước xuất trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền**

❖ **Bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

❖ **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ Tài khoản sử dụng:

✓ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118 - Doanh thu khác

✓ TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Tài khoản dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- TK 521 “Chiết khấu thương mại”
- TK 531 “Hàng bán bị trả lại”
- TK 532 “Giảm giá hàng bán”
- TK 3331 “Thuế GTGT theo PP trực tiếp”
- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất, nhập khẩu”

❖ *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế TTĐB phải nộp = giá tính thuế TTĐB x Thuế suất (%)

❖ *Thuế xuất khẩu*: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế XK phải nộp = giá tính thuế XK x Thuế suất (%)

➤ Tài khoản dùng để hạch toán giá vốn:

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”

❖ Chứng từ sử dụng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Phiếu xuất, Phiếu thu, Giấy báo có.

- Các chứng từ khác có liên quan.

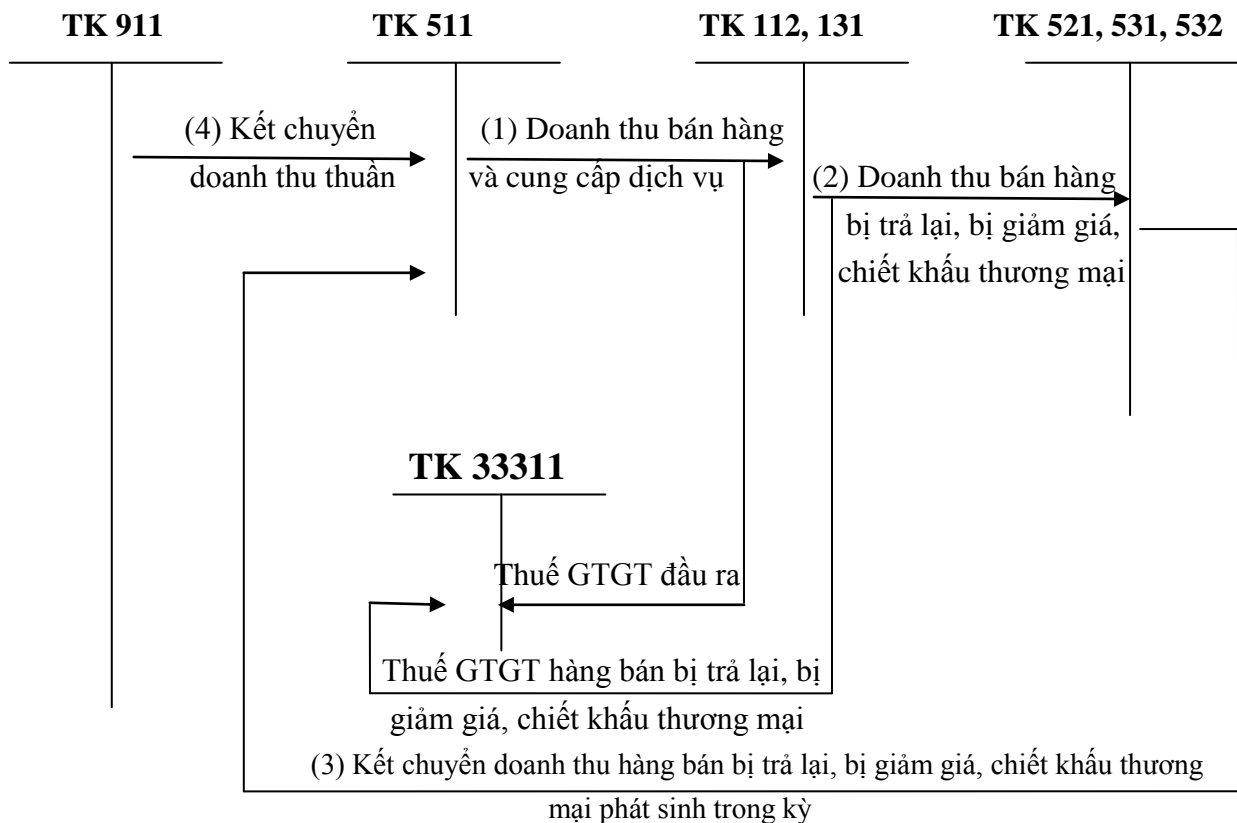
❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ Cái TK 511, 512, 531, 521, 532, 632

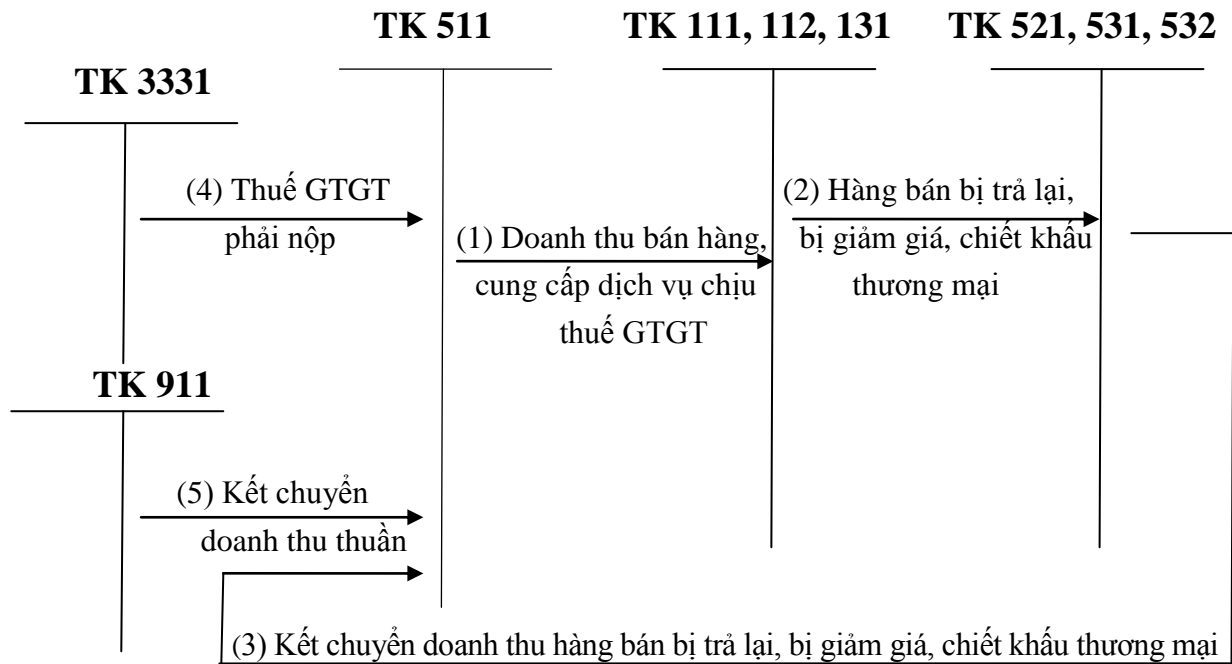
❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỊU THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ



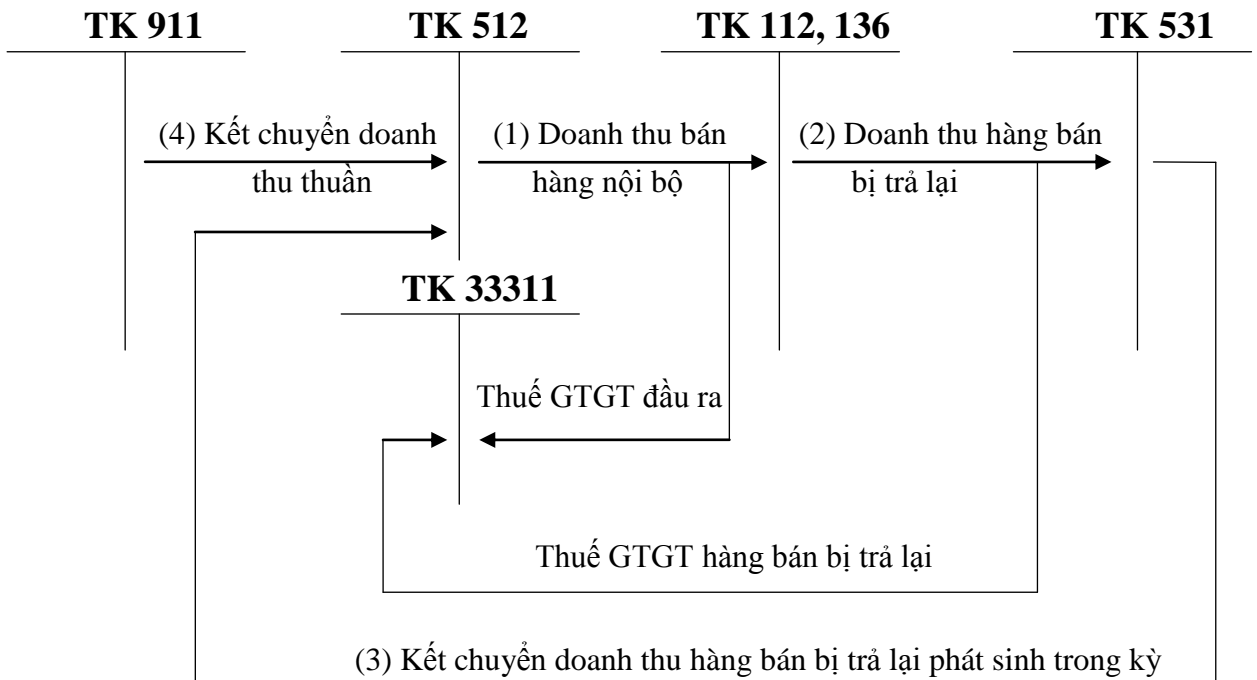
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỊU THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

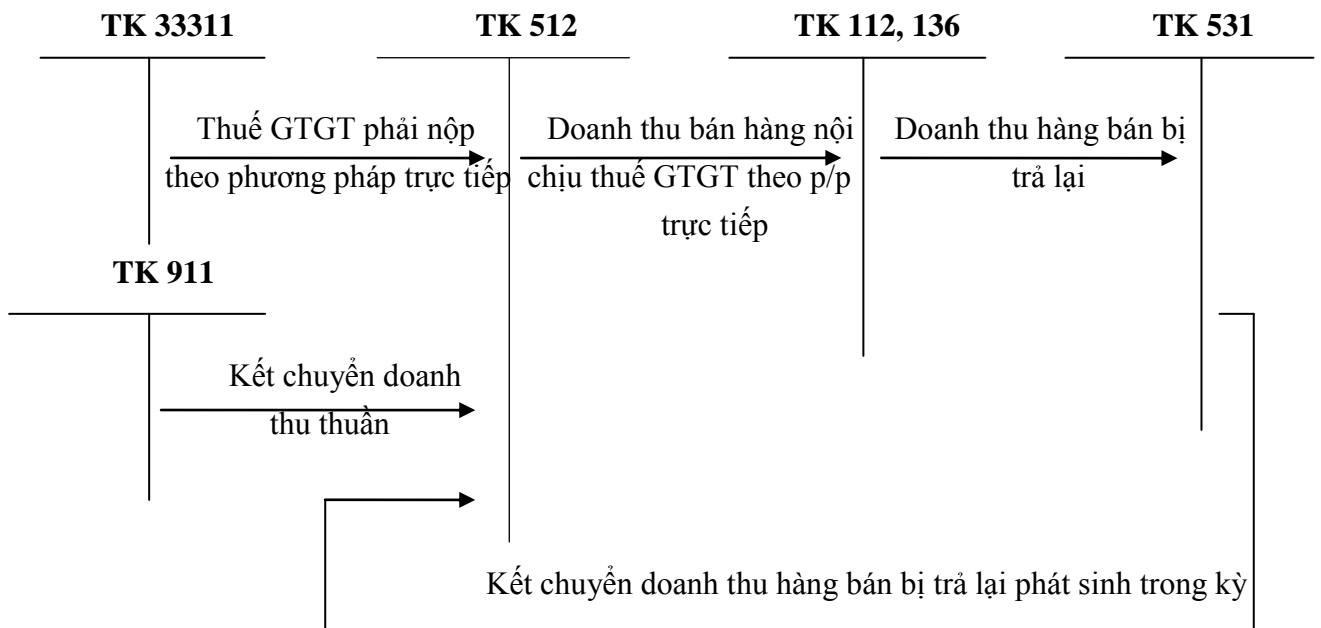


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG NỘI BỘ CHỊU THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ

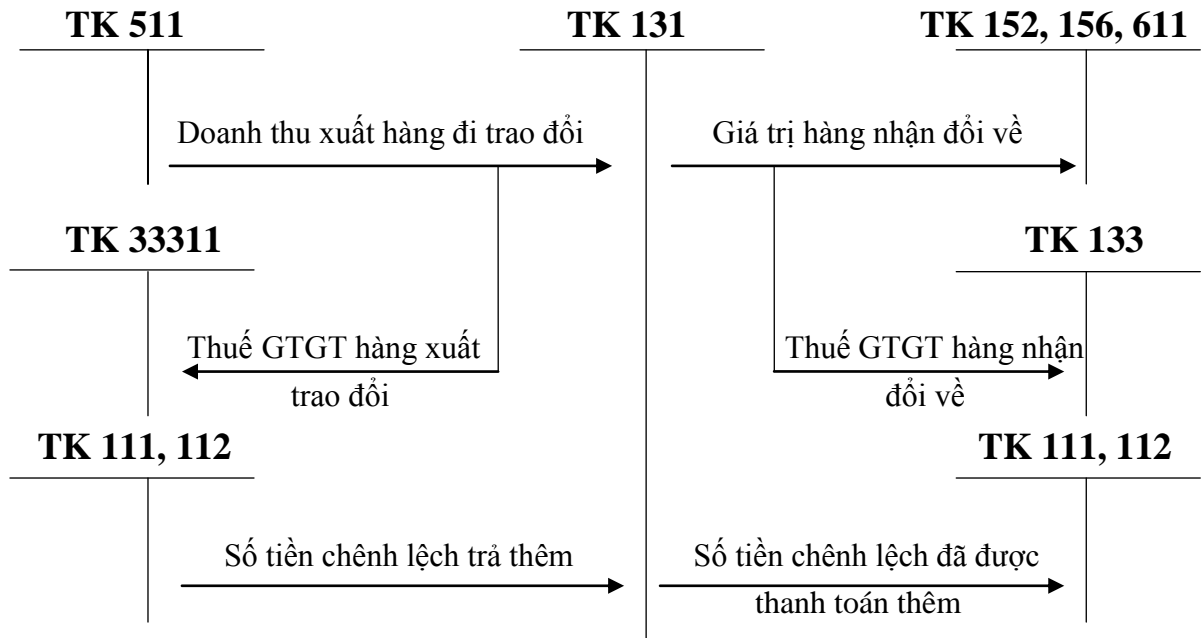


Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG NỘI BỘ CHỊU THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

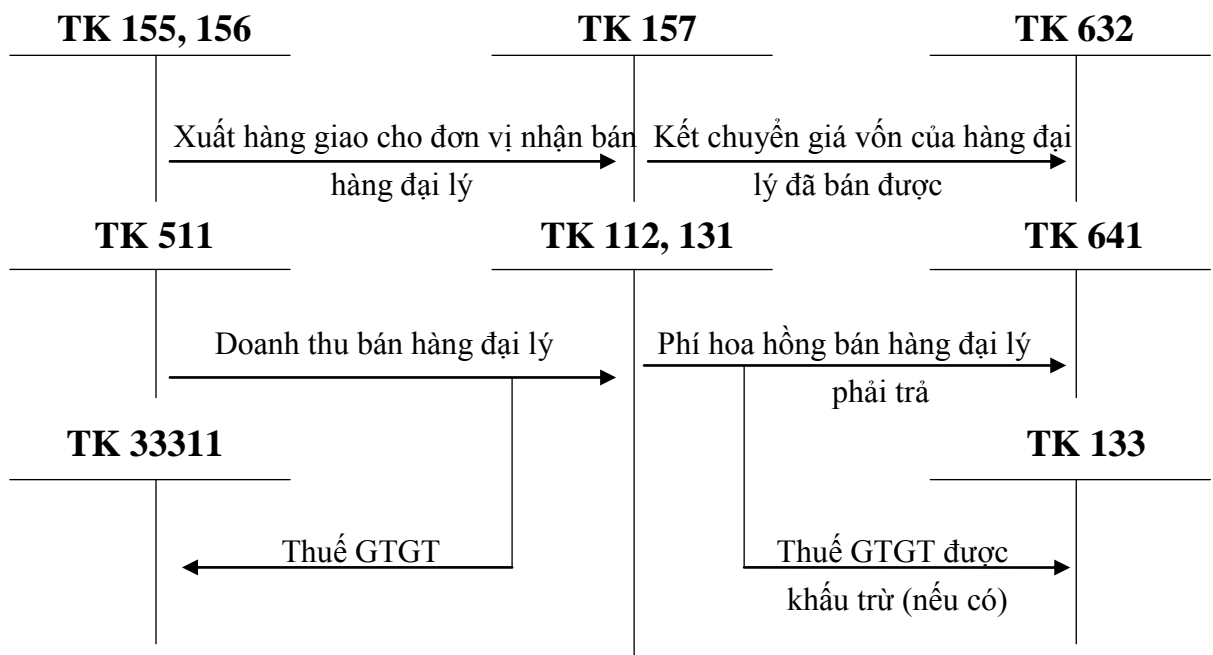


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN DOANH THU HÀNG ĐỔI HÀNG KHÔNG TƯƠNG TỰ CHỊU THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ

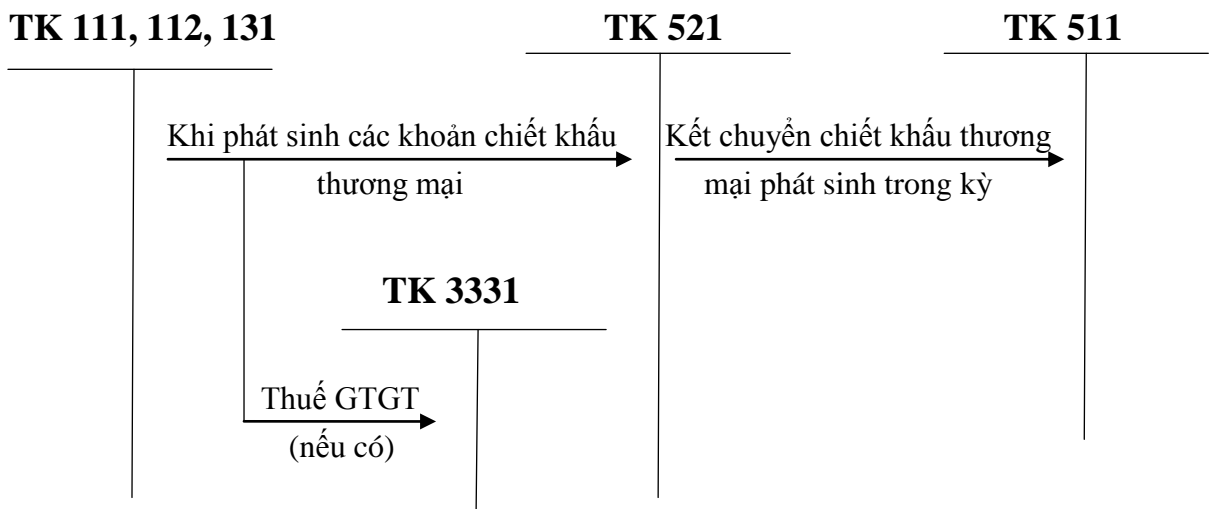


Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN BÁN HÀNG ĐẠI LÝ (Hàng chịu thuế GTGT)

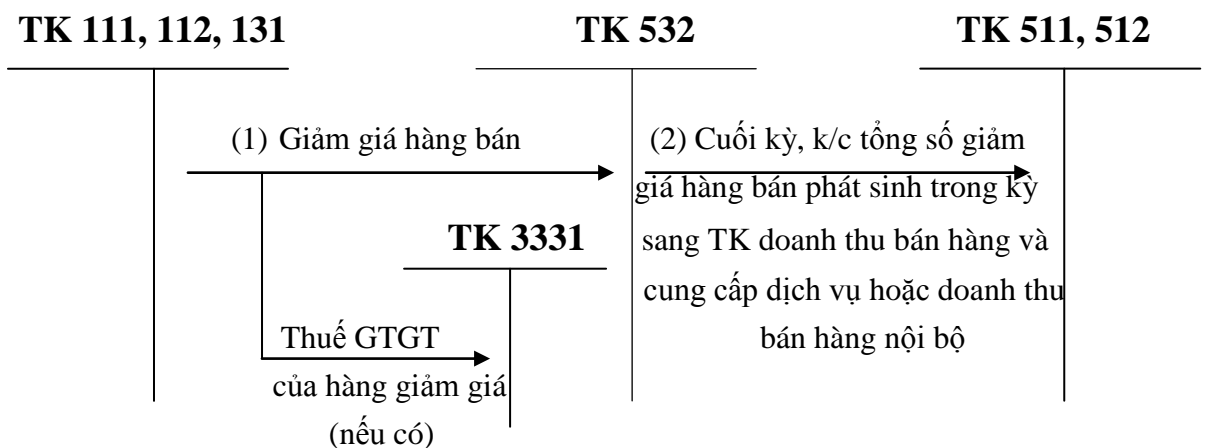


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

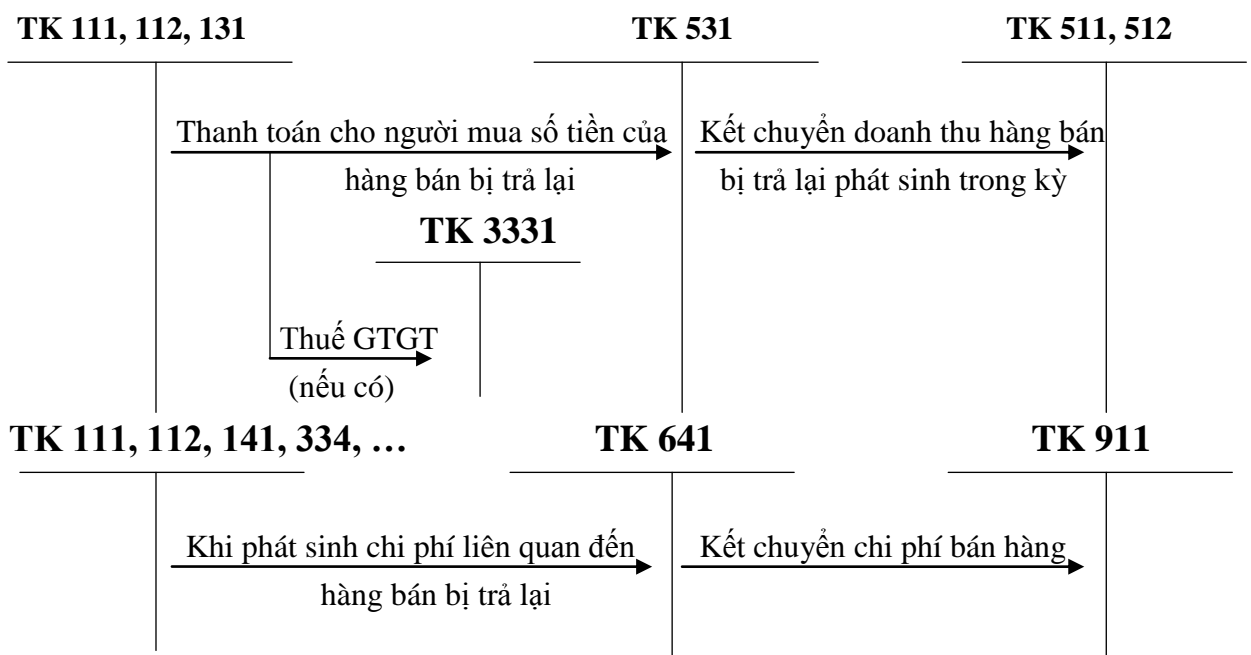
Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI



Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

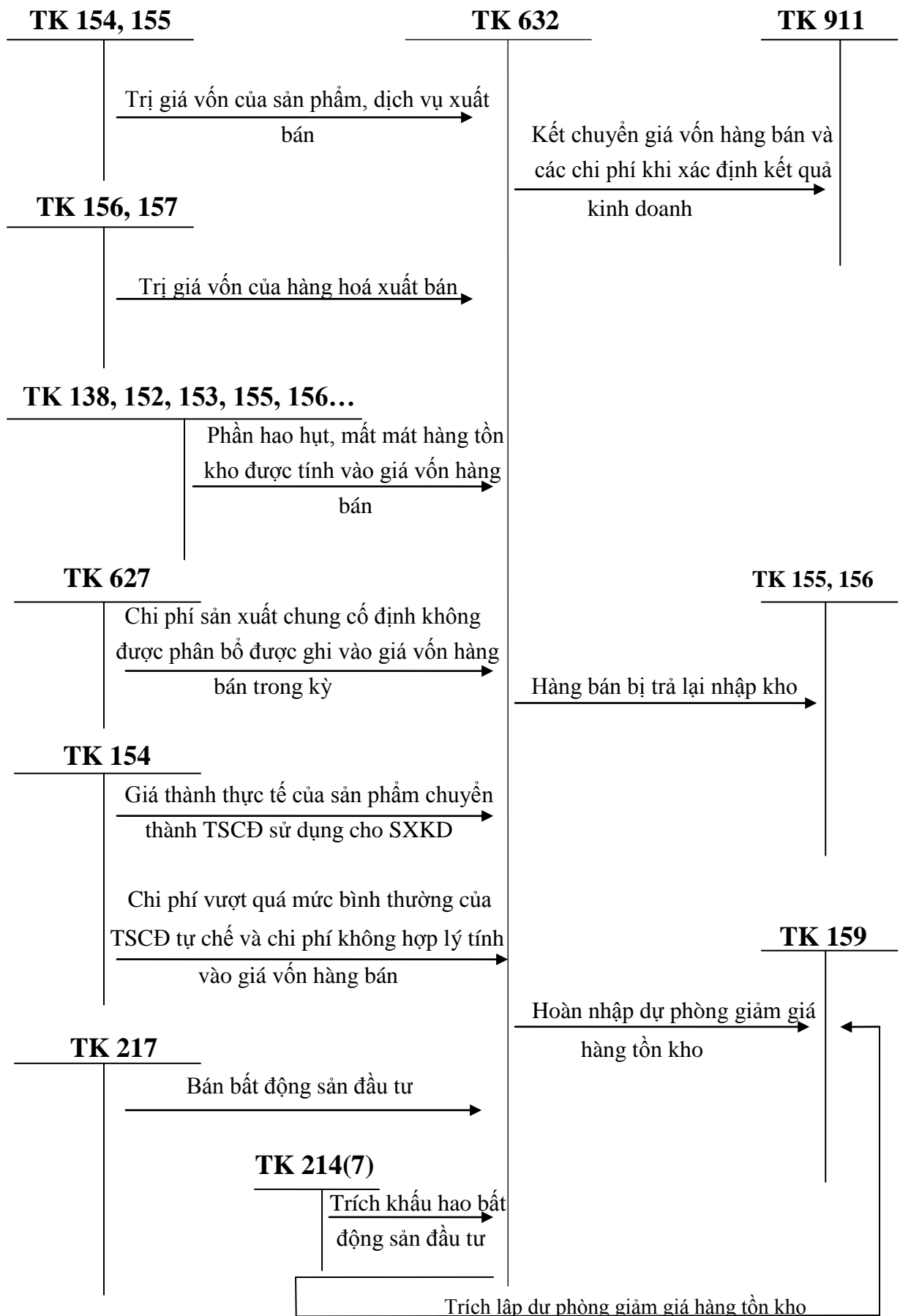


Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN



1.2.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK, việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ chỉ khác phương pháp KKTX trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ. Còn việc hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu giống phương pháp KKTX.

❖ Tài khoản sử dụng:

Giống phương pháp KKTX tuy nhiên TK 632 có kết cấu như sau:

➤ Đối với doanh nghiệp thương mại:

✓ Bên Nợ:

- Trị giá vốn hàng hóa đã xuất bán trong kỳ
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).

✓ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đó gửi bán nhưng chưa xác định được là đã bán
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước)
- Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán vào bên Nợ TK 911

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

➤ Đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

✓ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đó hoàn thành.

✓ Bên Có:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ đã hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

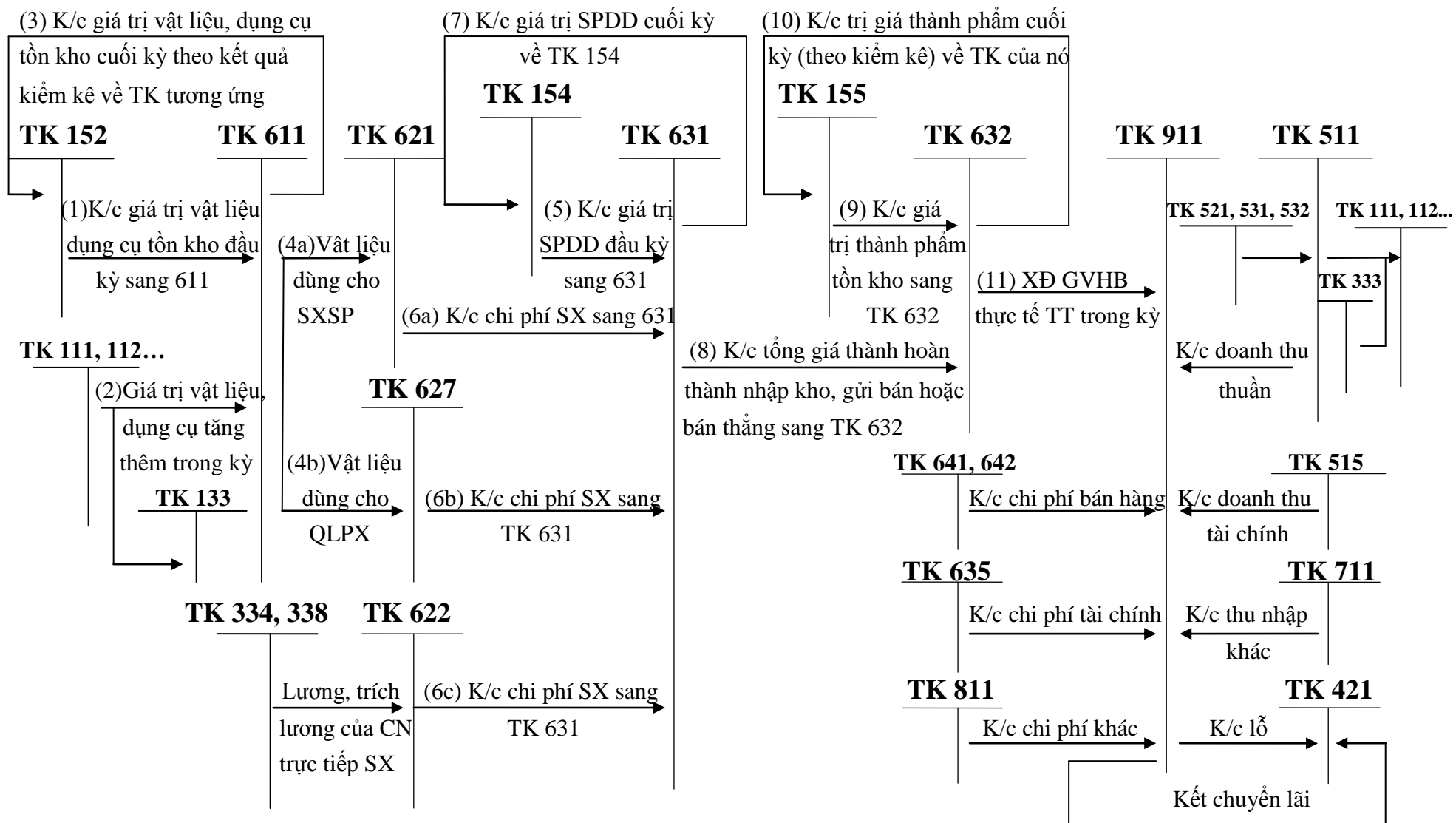
✓ **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sau đây là sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.11: KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



1.2.1.5. Kế toán chi phí bán hàng

❖ **Khái niệm:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chủ yếu sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên, đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương.
- Chi phí vật liệu, bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm, hàng hóa.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, kho, bến bãi, bốc dỡ vận chuyển, chi phí điện nước...
- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 641 “Chi phí bán hàng”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 6411 “Chi phí nhân viên”
- TK 6412 “Chi phí vật liệu, bao bì”
- TK 6413 “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
- TK 6414 “Chi phí khấu hao TSCĐ”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- TK 6415 “Chi phí bảo hành”
- TK 6417 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6418 “Chi phí bằng tiền khác”

❖ **Kết cấu:**

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, phiếu kế toán

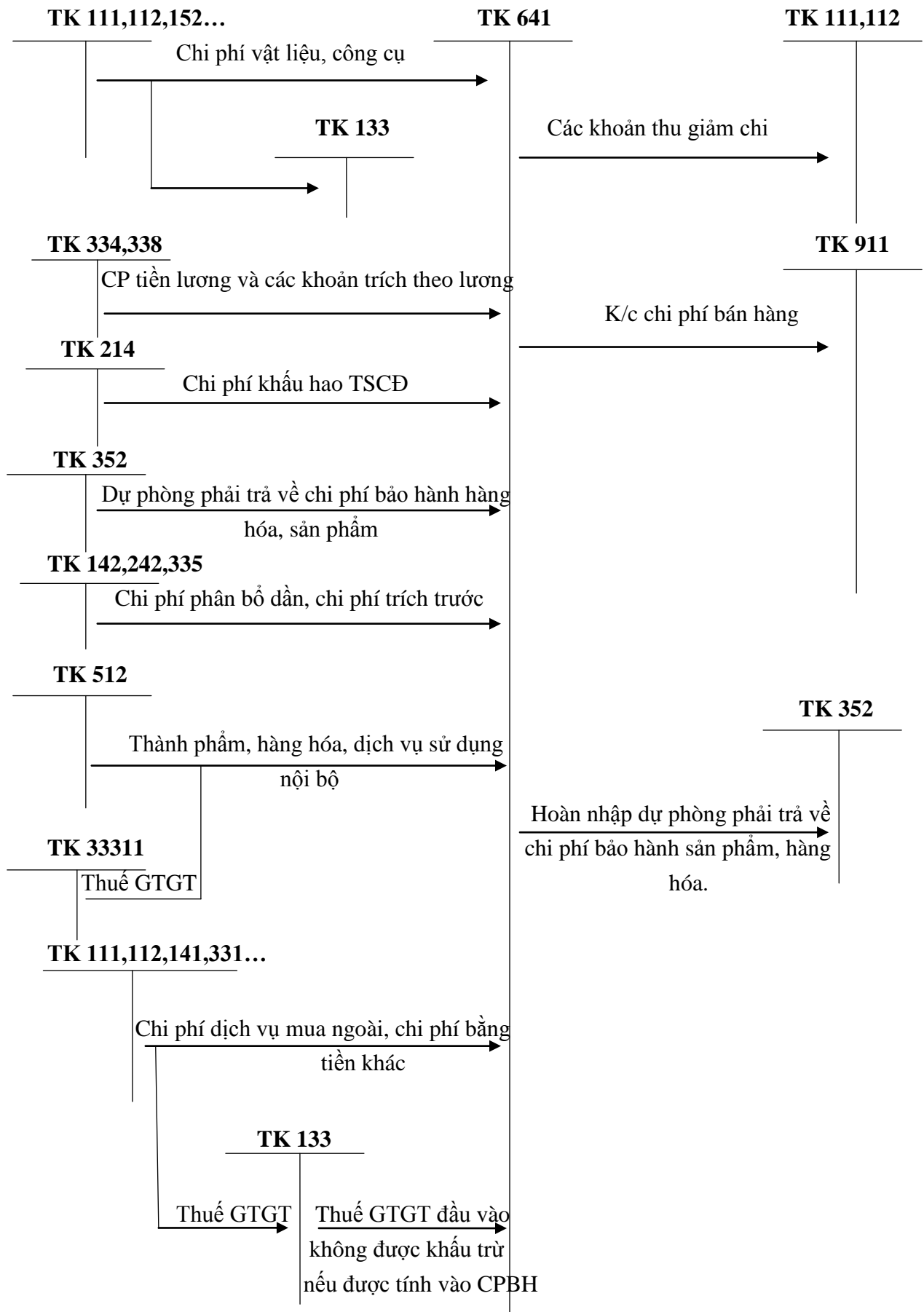
❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 641.

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.12: KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG



1.2.1.6. *Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:*

❖ *Khái niệm:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Theo quy định của chế độ hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ... dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...
- Thuế, phí và lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...
- Chi phí dự phòng: khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp như: tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ; tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần; chi phí trả cho nhà thầu phụ.
- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421 “Chi phí nhân viên quản lý”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- TK 6422 “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424 “Chi phí khấu hao TSCĐ”
- TK 6425 “Thuế, phí và lệ phí”
- TK 6426 “Chi phí dự phòng”
- TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428 “Chi phí bằng tiền khác”

❖ **Kết cấu:**

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, phiếu kế toán

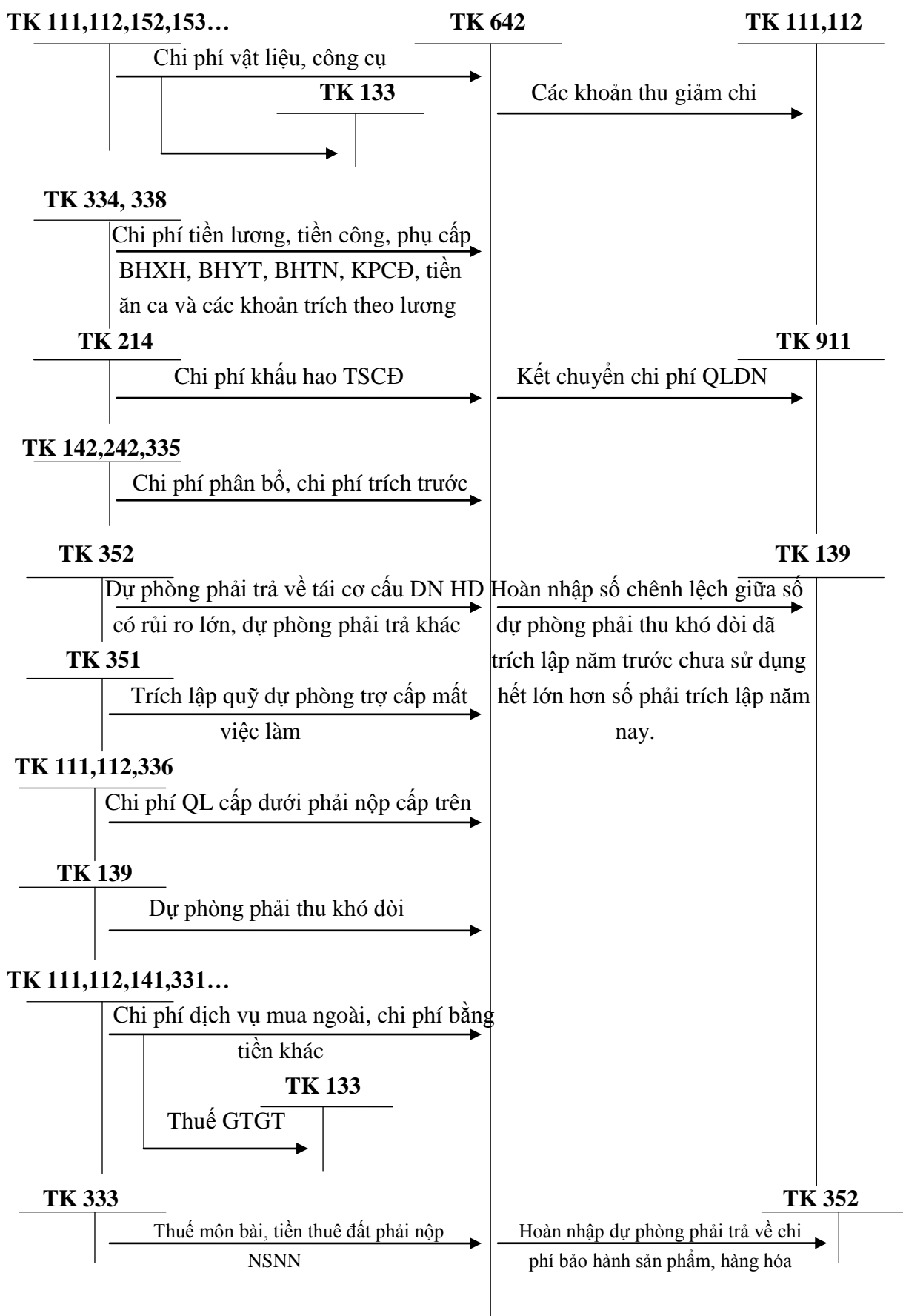
❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 642

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.13: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



1.2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, ...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia
- ✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- ✓ Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- ✓ Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

❖ *Chứng từ sử dụng:*

Phiếu thu, phiếu kế toán, giấy báo Có.

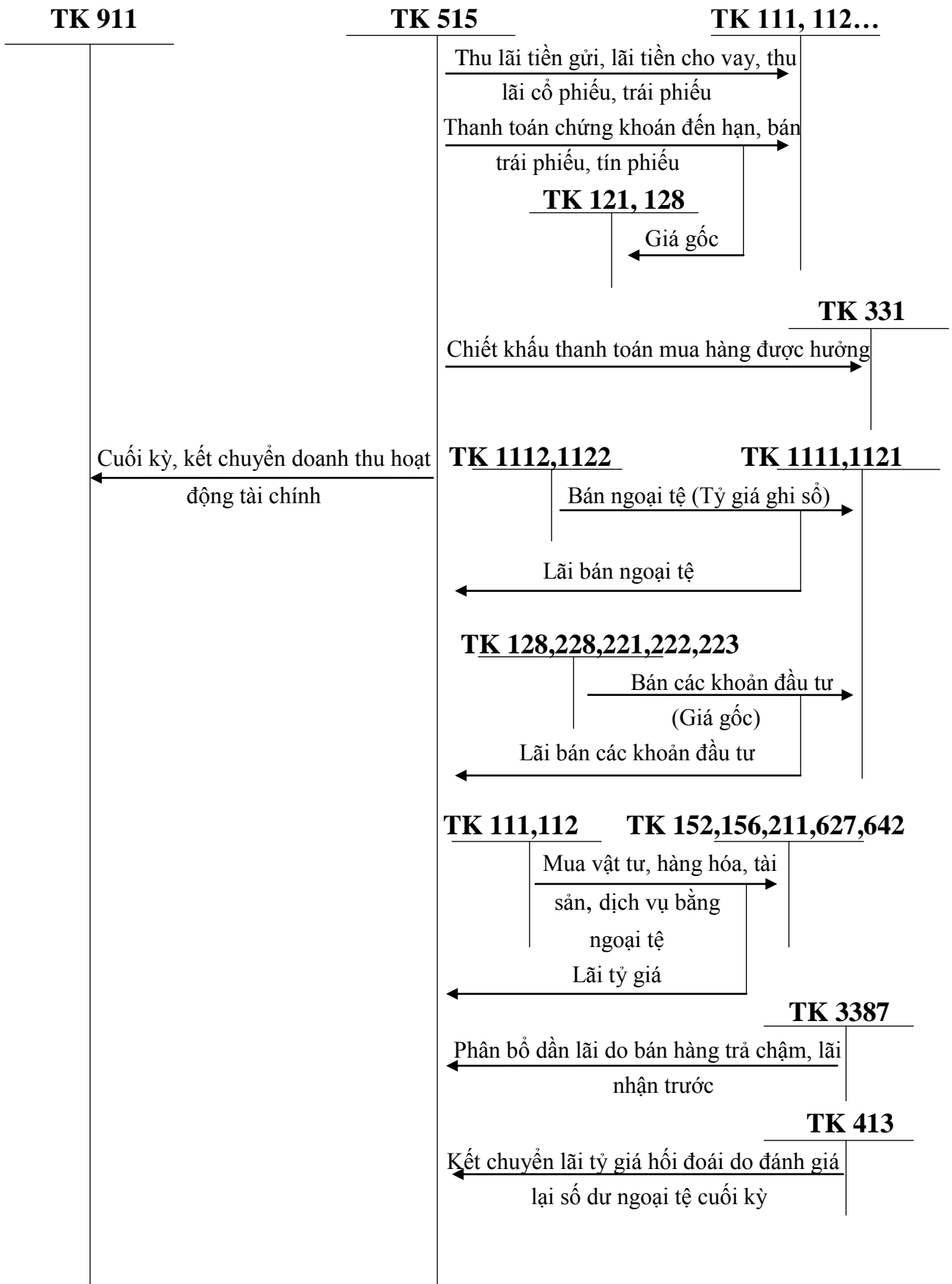
❖ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.14: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Các chi phí tài chính chủ yếu: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, lỗ tỷ giá hối đoái.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 635 “Chi phí tài chính”

❖ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi, phiếu kế toán

❖ Sổ sách sử dụng:

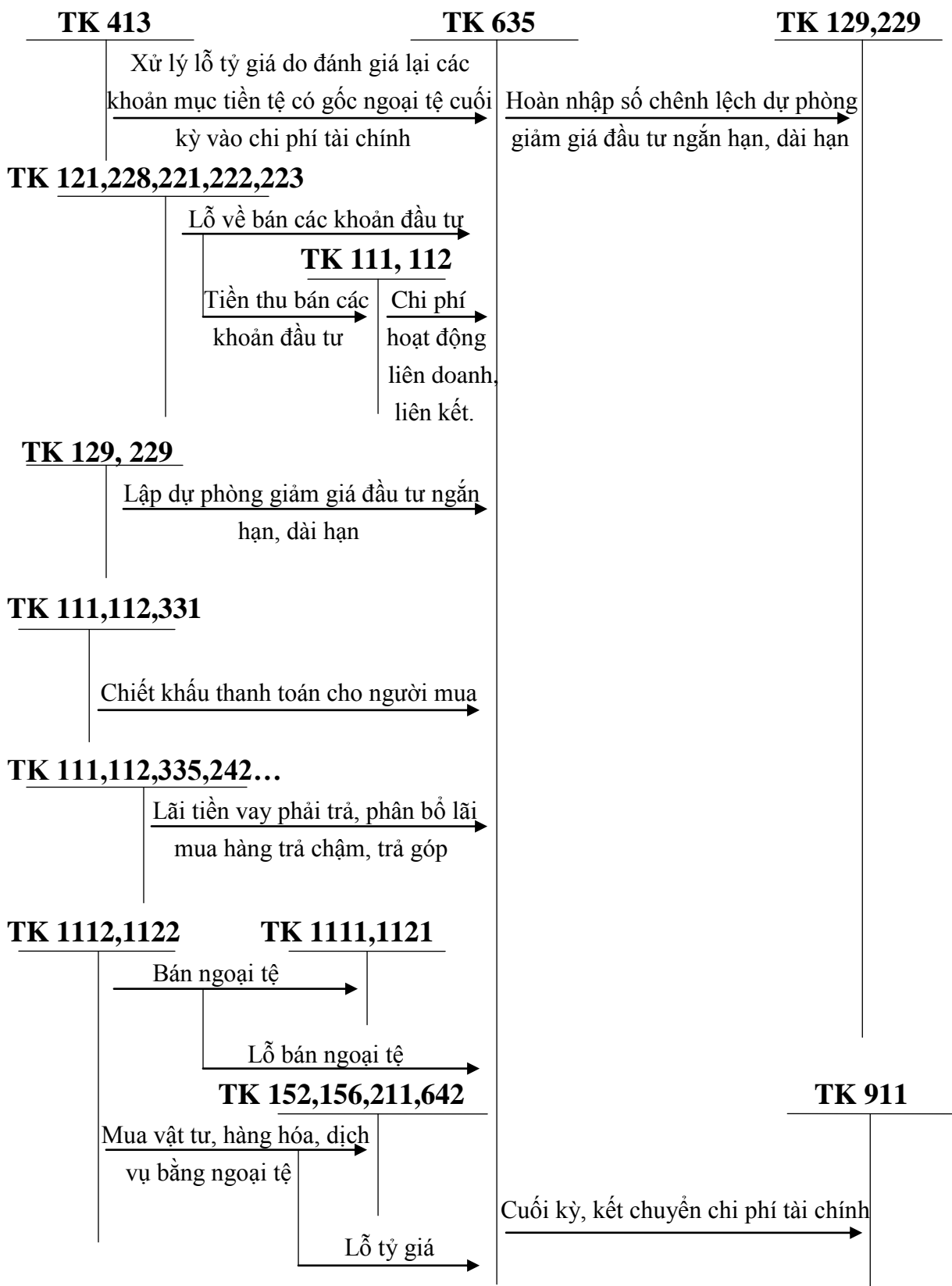
- Sổ Nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Sổ Cái TK 635

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

Sơ đồ 1.15: KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH



1.2.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác:

❖ Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 711 “Thu nhập khác”

❖ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng:

Phiếu thu, phiếu kế toán

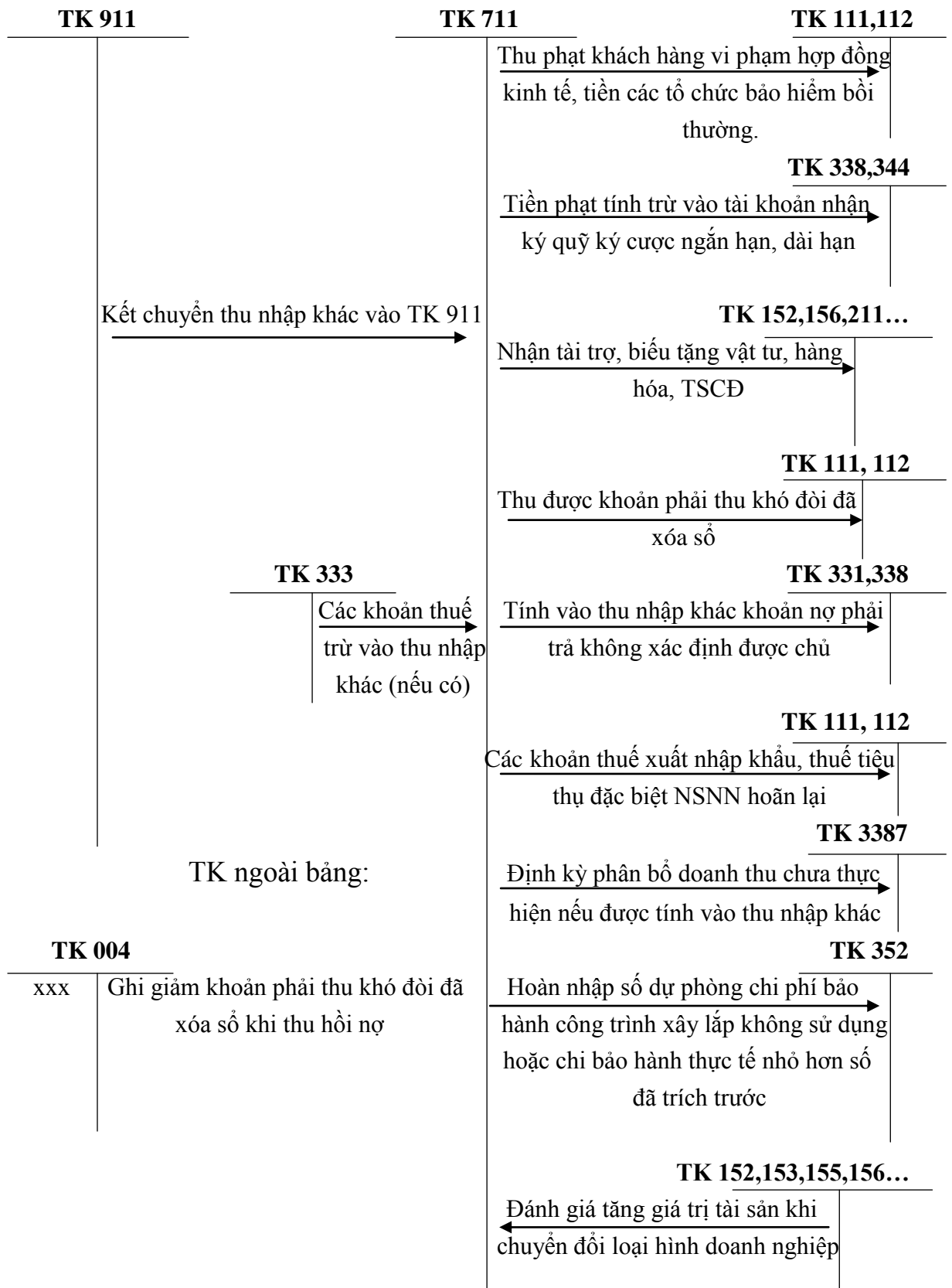
❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 711

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Sơ đồ hạch toán:*

Sơ đồ 1.16: KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



1.2.3.2. Kế toán chi phí khác

❖ Nội dung chi phí khác của doanh nghiệp:

- ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- ✓ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- ✓ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- ✓ Bị phạt thuế, truy thu thuế.
- ✓ Các khoản chi phí khác.

❖ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 811 “Chi phí khác”

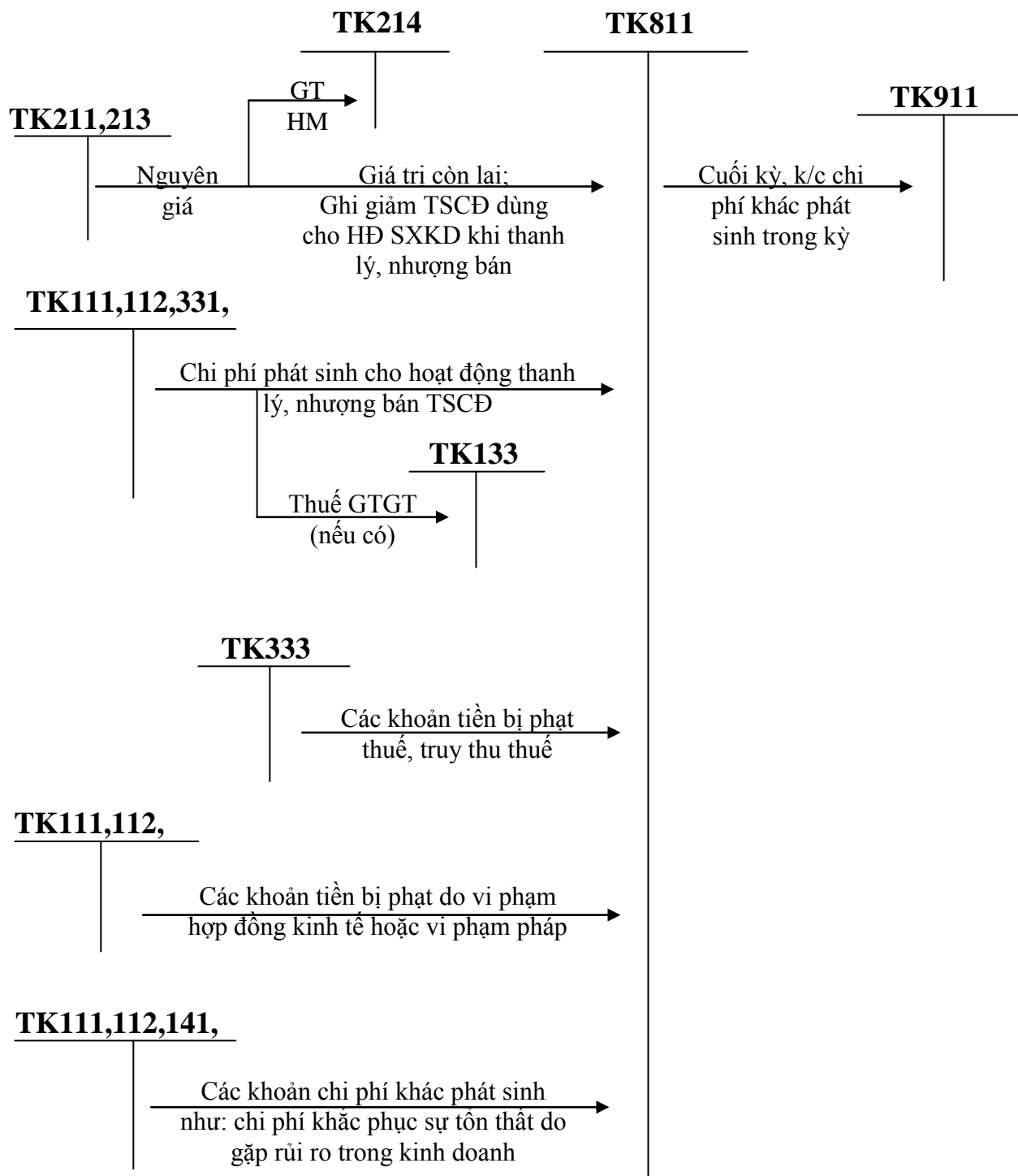
❖ Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi, Phiếu kế toán

❖ Sơ đồ hạch toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí khác



1.2.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.4.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

❖ **Kết cấu:**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

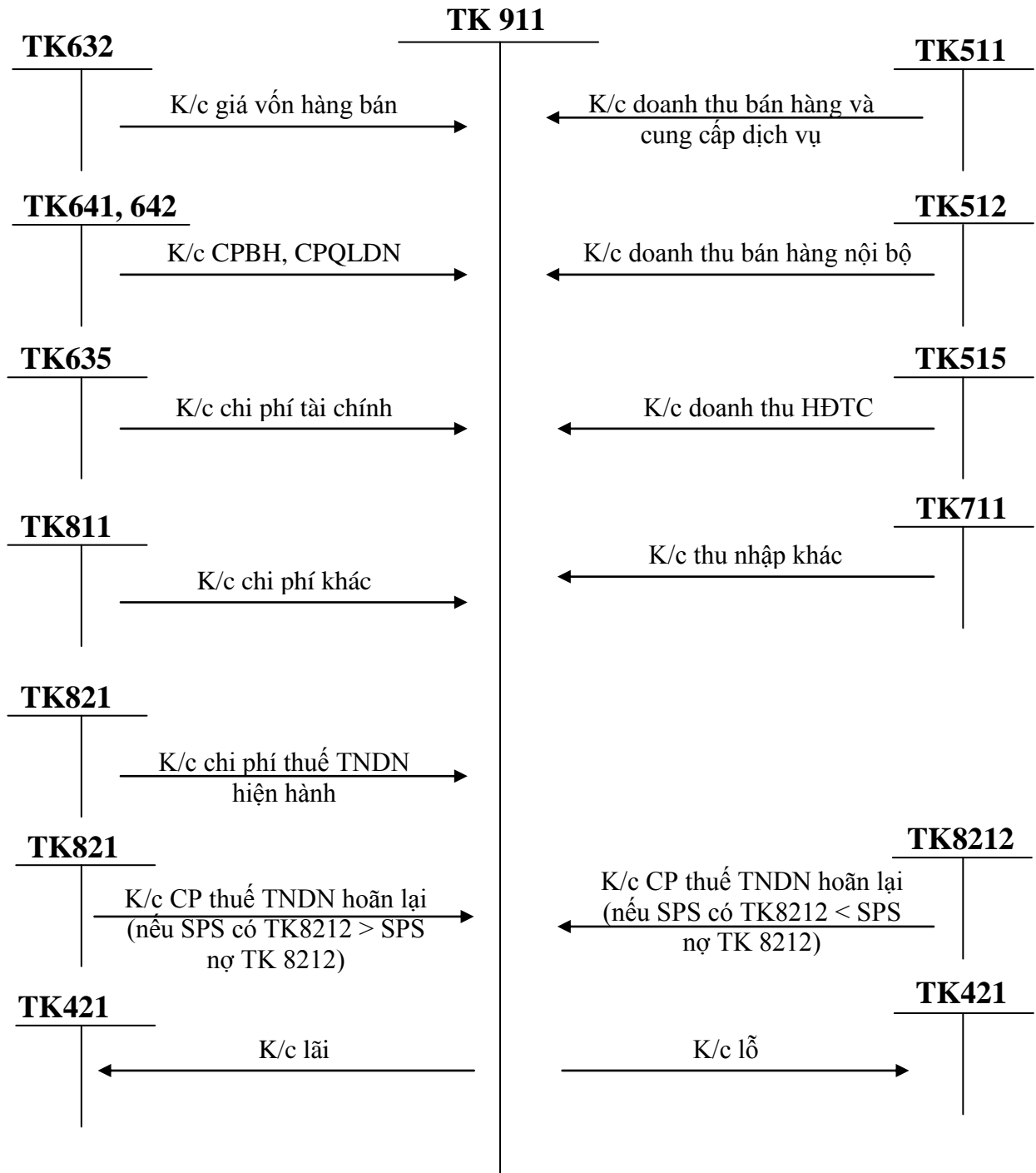
❖ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.4.2. Kế toán chi phí thuế TNDN

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211 “Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

❖ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911;
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

❖ Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

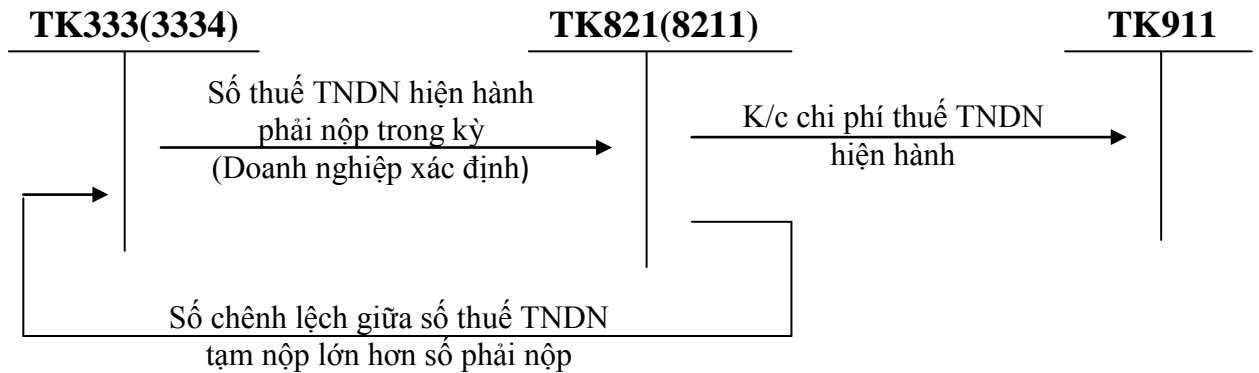
❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 821

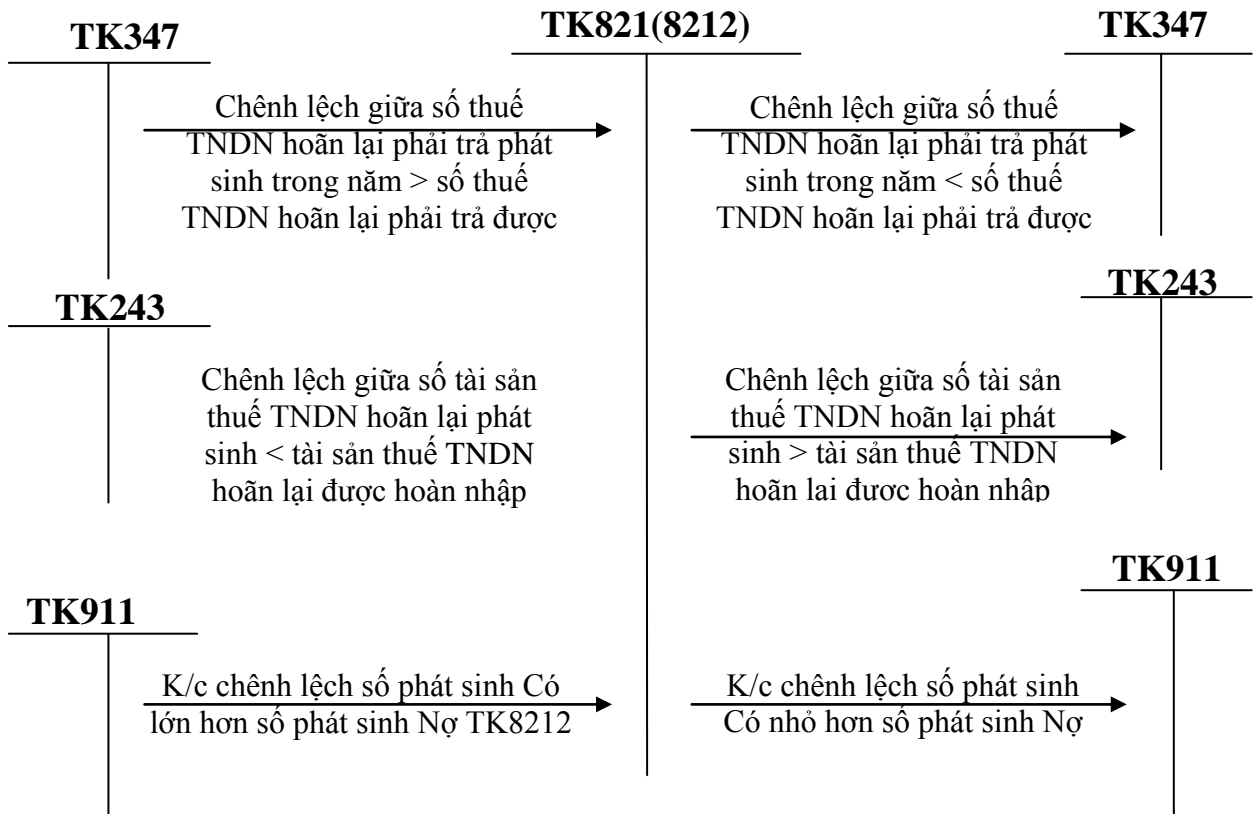
❖ Sơ đồ hạch toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.19.a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.19.b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.2.4.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Các tài khoản cấp 2:

- TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”
- TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”

❖ **Kết cấu:**

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Số dư bên Nợ:

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Số dư bên Có:

Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

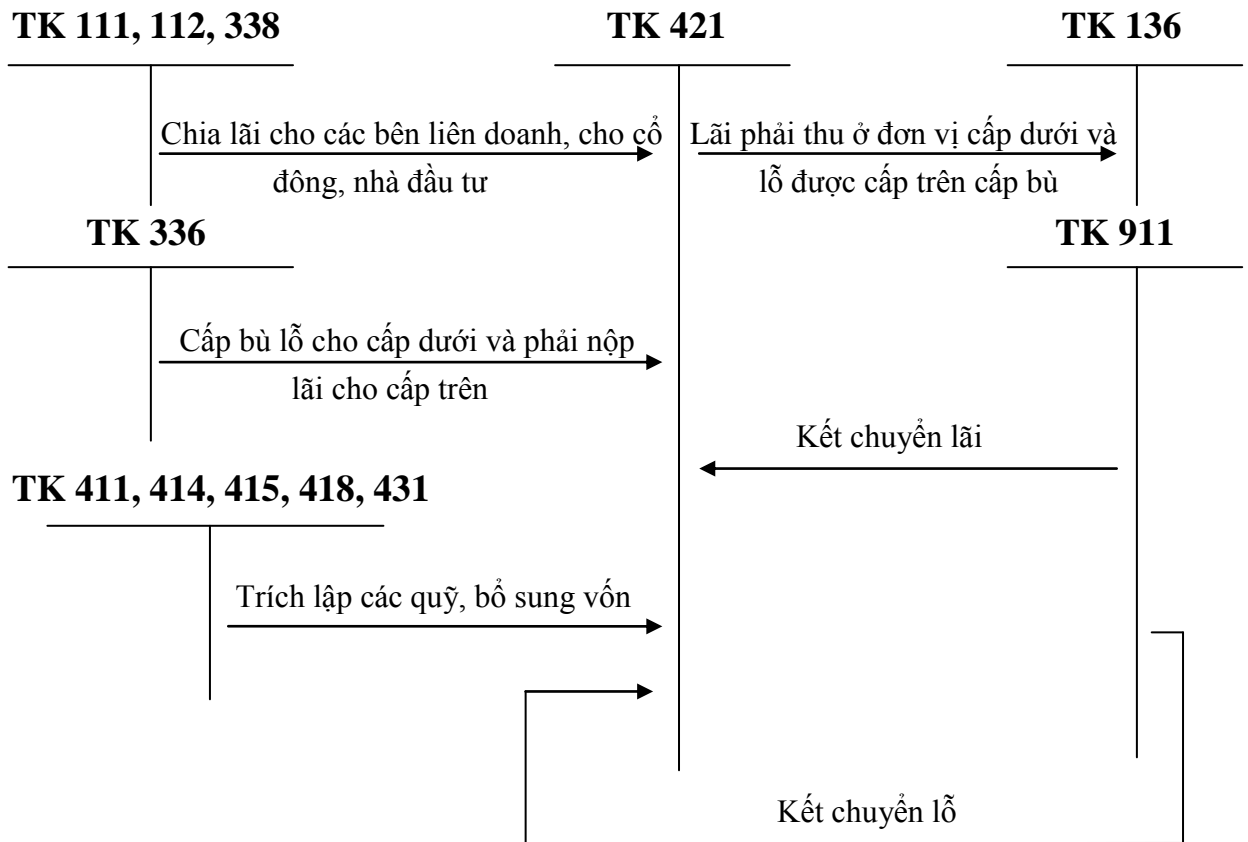
❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 421.

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.20: Kế toán lợi nhuận chưa phân phối

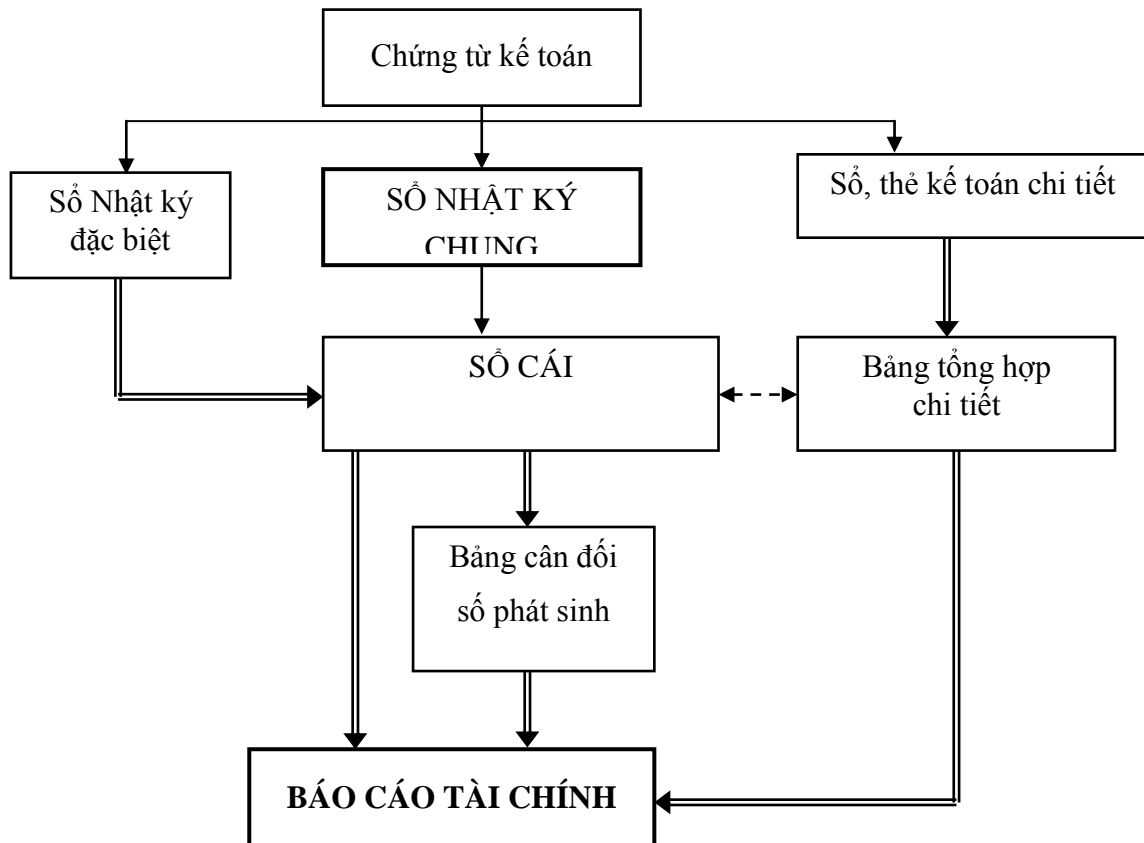


1.3. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

- ❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- ❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 20: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

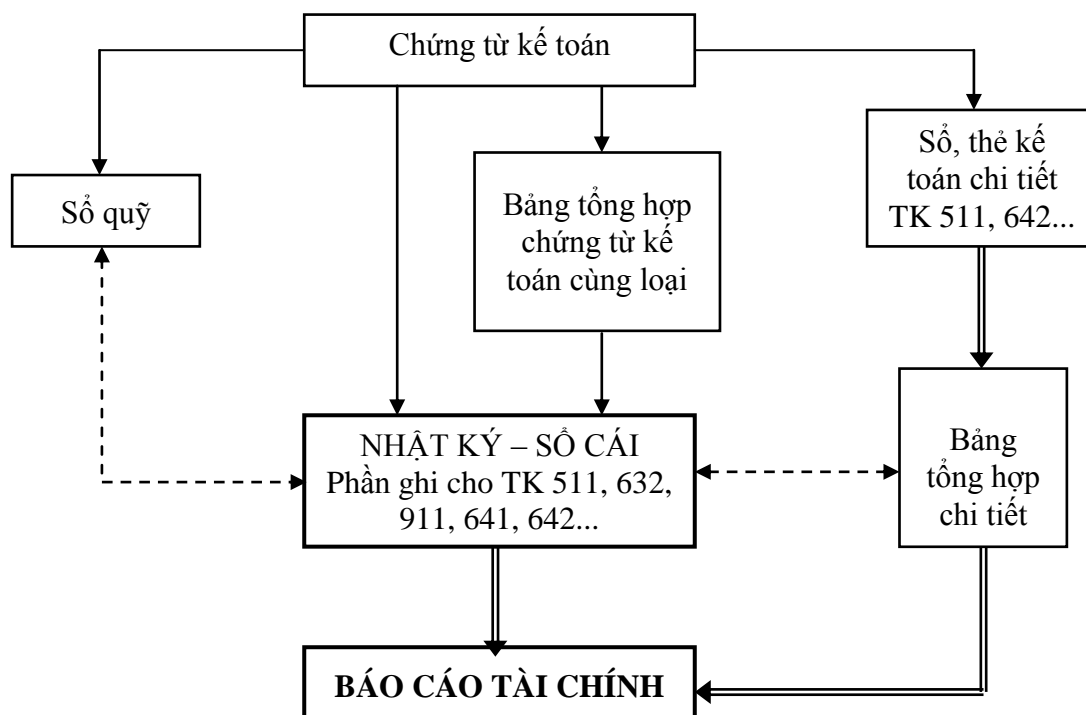
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ Đặc điểm:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký - Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 21: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Đặc điểm:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

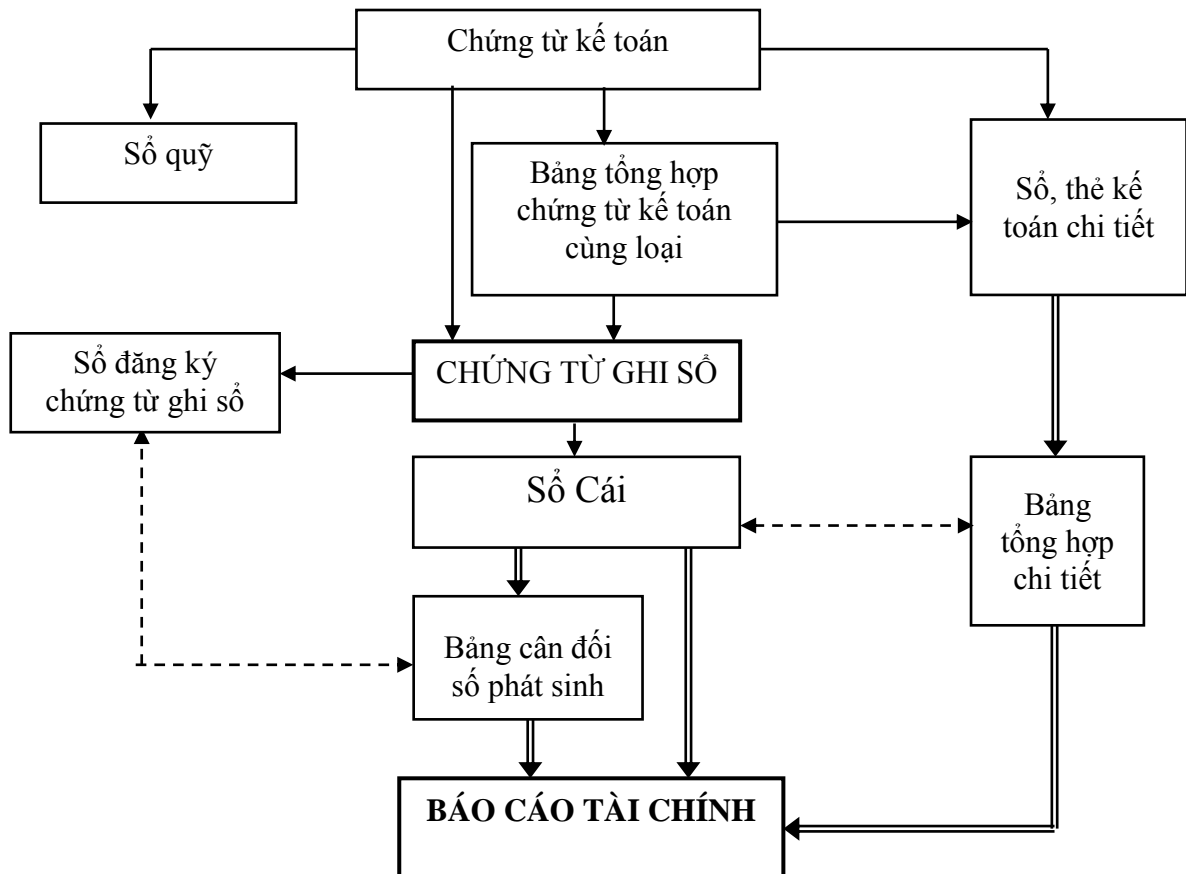
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái; Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 22: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

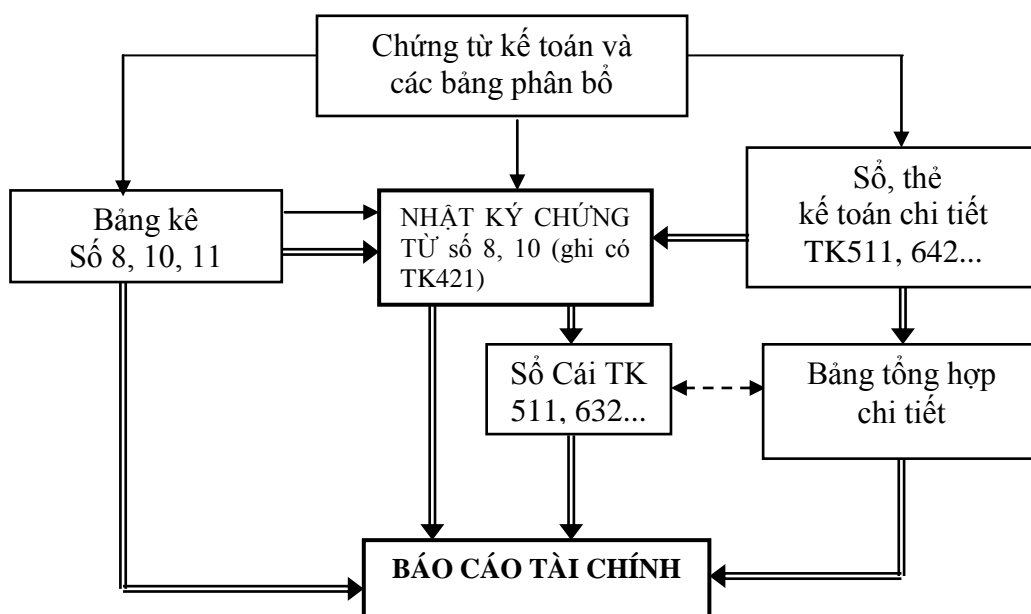
❖ *Đặc điểm:*

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ *Các loại sổ:* Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ Cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán:*

Sơ đồ 23: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

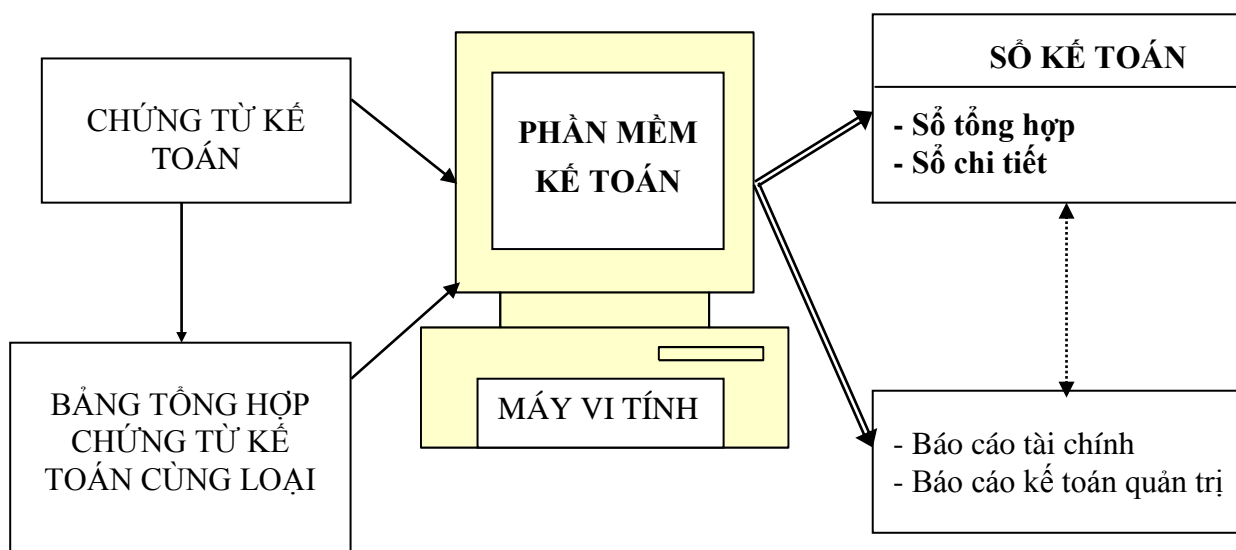
❖ *Đặc điểm:*

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ *Các loại sổ:*

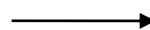
Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 24: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

2.1. Đặc điểm tình hình chung của Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam được thành lập theo quyết định số 353/BXD-TCLĐ ngày 09/08/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh số 108194 ngày 15/09/1993 của Trọng tài kinh tế Nhà nước thành phố Hải Phòng.

- Tên của đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Tiền thân của công ty xi măng Hải Phòng là nhà máy xi măng Hải Phòng được khởi công xây dựng vào ngày 25 tháng 12 năm 1899 trên vùng ngã ba sông Cấm và kênh đào Hạ Lý Hải Phòng. Đây là nhà máy xi măng lớn đầu tiên tại Đông Dương được người Pháp khởi công xây dựng. Trong thời kỳ Pháp thuộc xi măng Hải Phòng là cơ sở duy nhất ở Đông Dương sản xuất xi măng phục vụ chính cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân.

+ Đến năm 1955, chính phủ cách mạng tiếp quản và đưa vào sử dụng, sản lượng cao nhất trong thời kỳ Pháp thuộc là 39 vạn tấn.

+ Đến năm 1961, nhà máy khởi công xây dựng mới 2 dây chuyền lò quay.

+ Đến năm 1964 với toàn bộ dây chuyền 7 lò quay nhà máy đã sản xuất được 592055 tấn xi măng, là mức cao nhất trong những năm hòa bình xây dựng.

+ Năm 1969 với sự giúp đỡ của nước bạn Rumani nhà máy sửa chữa và xây dựng được 3 lò nung mới. Thời kỳ này sản lượng cao nhất là 67 vạn tấn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Tháng 8 năm 1993, theo quyết định của nhà nước sáp nhập nhà máy xi măng Hải Phòng với số vốn điều lệ là 76.911.593 triệu với ngành nghề sản xuất, kinh doanh xi măng, vận tải, sửa chữa, khai thác đá.

+ Năm 1997 do dây chuyền sản xuất xi măng đã quá lạc hậu, bụi xi măng làm ảnh hưởng đến môi trường Thành phố, Công ty được Chính phủ Quyết định cho chuyển đổi sản xuất, đầu tư xây dựng Nhà máy mới tại vùng đất Tràng Kênh – Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

+ Ngày 30/11/2005 lò nung Clinker của Nhà máy xi măng Hải Phòng mới hoàn thành đưa vào sản xuất.

+ Ngày 24/01/2006 lò nung nhà máy cũ dừng hoạt động.

+ Ngày 12/05/2006, hệ thống nghiền đóng bao của nhà máy mới hoàn thành đưa vào sản xuất, dây chuyền nhà máy mới đi vào hoạt động đồng bộ.

+ Ngày 31/05/2006, theo thông báo số 866/XMHP-KH ngày 27/05/2006, Công ty xi măng Hải Phòng quyết định chấm dứt toàn bộ hoạt động sản xuất tại Nhà máy cũ tại số 01 đường Hà Nội - TP Hải Phòng.

Hiện nay, công ty đang triển khai thực hiện các phương án để mở rộng thị trường nhằm tiêu thụ hết công suất 1,4 triệu tấn/năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|-----|-------------------------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần về BH và CCDV | 907,687,187,960 | 1,371,990,420,390 | 1,695,718,827,942 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 667,812,865,293 | 1,063,836,805,499 | 1,368,842,907,367 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 239,874,322,667 | 308,153,614,891 | 326,875,920,575 |
| 4 | Doanh thu HĐTC | 4,998,625,274 | 2,015,331,871 | 2,133,699,692 |
| 5 | Chi phí tài chính | 102,807,103,081 | 99,434,663,259 | 118,455,868,008 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 126,345,688,312 | 155,899,645,688 | 128,920,580,800 |
| 7 | Chi phí QLDN | 19,686,698,860 | 46,868,707,063 | 71,254,851,876 |
| 8 | Lợi nhuận thuần | (3,966,542,312) | 7,965,930,752 | 10,378,319,583 |
| 9 | Lợi nhuận khác | 3,966,542,312 | 6,207,622,534 | 5,044,657,876 |
| 10 | Tổng LN kế toán trước thuế | - | 14,173,553,286 | 15,422,977,459 |

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên xi măng Hải Phòng)

Qua đó, ta có thể thấy doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán của Công ty tăng lên rõ rệt qua các năm. Điều đó chứng tỏ hoạt động sản xuất sản phẩm của công ty ngày càng có hiệu quả và cần phát huy hơn nữa trong thời gian tới.

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ

2.1.2.1. Chức năng

Sản xuất, cung ứng xi măng đen VICEM PCB30, PCB40 biểu tượng “Con rồng xanh” cho các công trình xây dựng, các đại lý bán buôn, bán lẻ trên khu vực thành phố Hải Phòng và các tỉnh, thành phố lân cận.

Sản phẩm của công ty mang tính chất đặc trưng, vì vậy công ty chủ yếu tập trung nâng cao dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.1.2.2. Nhiệm vụ:

Đảm bảo giá thành, chất lượng và số lượng sản phẩm cung cấp. Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Không ngừng bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ CNV của công ty.

Mở rộng và phát triển kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Luôn trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ CNV với phương châm “An toàn là trên hết”.

Đặc biệt chú trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn ISO, đảm bảo mọi công tác phòng cháy chữa cháy, thực hiện an toàn lao động.

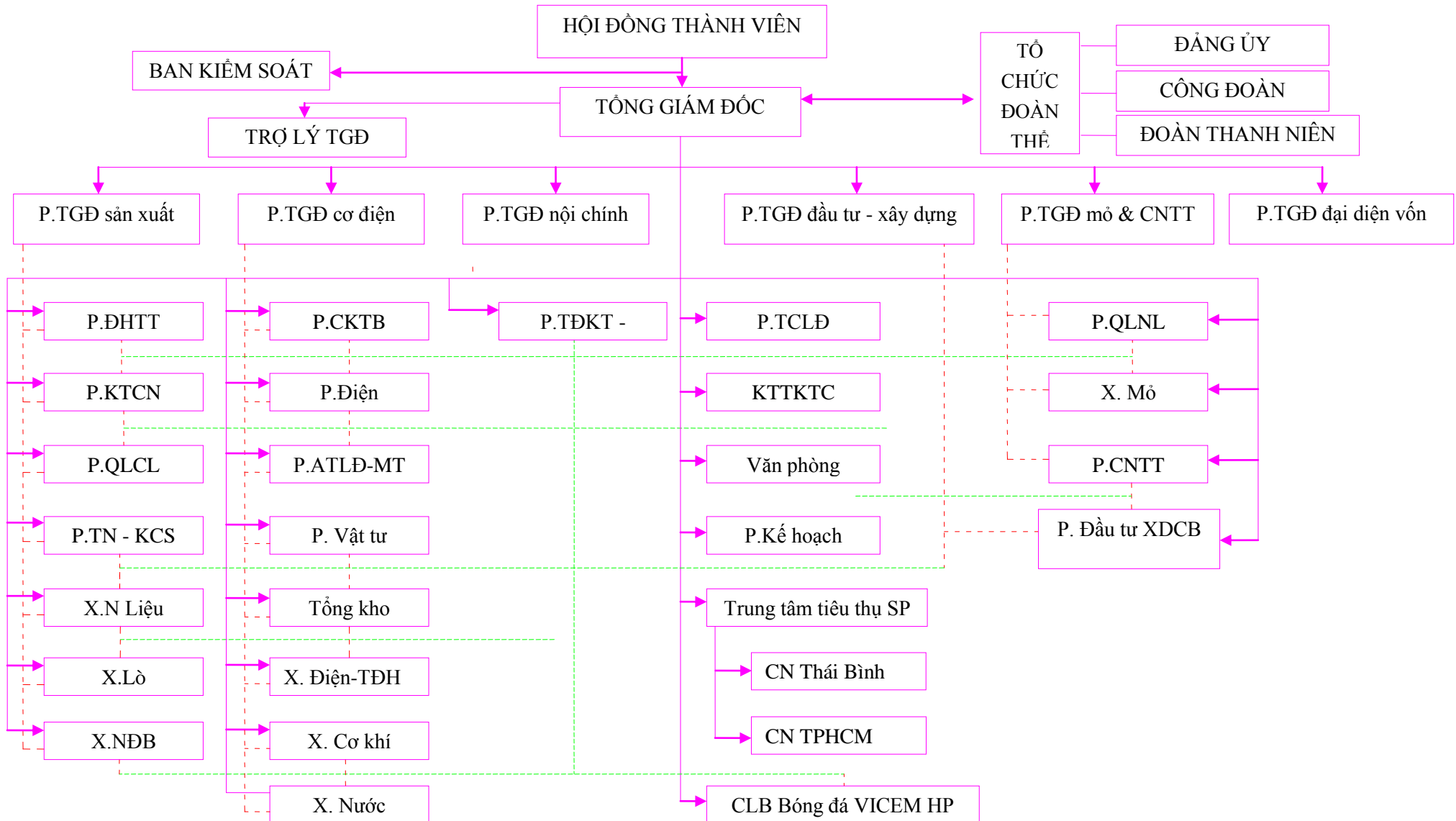
Chú trọng đầu tư trang thiết bị an toàn, thân thiện với môi trường để bảo vệ môi trường, đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý công ty

Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng đã tổ chức tốt mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể, sau đây là sơ đồ bộ máy quản lý của công ty:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 01: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

- Hội đồng thành viên: Nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
 - Ban kiểm soát: Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty, kiểm tra bất thường, can thiệp vào hoạt động công ty khi cần.
 - Ban giám đốc:
 - + Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động hàng ngày khác của công ty. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - + Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị. Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
 - + Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty như bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề xuất cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên bổ nhiệm.
- Ngoài ra còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác và tuân thủ một số nghĩa vụ của người quản lý công ty theo Luật pháp quy định.
- Các phòng ban:
 - + Phòng điều hành trung tâm: Quản lý tài sản lao động, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức vận hành cục bộ riêng lẻ hay đồng bộ các thiết bị máy móc của từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất chính.
 - + Phòng kỹ thuật công nghệ: Giúp TGD quản lý chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để tổ chức sản xuất các chủng loại xi măng.
 - + Phòng thí nghiệm KCS: Là phòng thí nghiệm để kiểm tra, đánh giá chất lượng sản xuất xi măng trên dây chuyền sản xuất của công ty. Quản lý chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng các bán thành phẩm, các chủng loại xi măng xuất xưởng, giải quyết tranh chấp chất lượng hàng hóa.
 - + Phòng điện: Giúp TGD và P.TGD cơ điện quản lý chuyên sâu về kỹ thuật cơ điện trong xây dựng lắp đặt mới, sửa chữa bảo dưỡng, vận hành MMTB cơ - điện nhằm đảm bảo các thiết bị cơ điện hoạt động bình thường,

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ổn định, chạy dài ngày phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng an toàn lao động - môi trường: Giúp Ban lãnh đạo công ty về công tác vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và môi trường.

+ Phòng vật tư: Tham mưu cho Ban lãnh đạo về hoạt động mua sắm và tiếp nhận vật tư thiết bị, phụ tùng và nguyên nhiên liệu vật liệu, hàng hóa đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Phòng thi đua khen thưởng - bảo vệ quân sự (BVQS): Tham mưu cho Đảng bộ - TGD công ty xây dựng các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an, bảo vệ tài sản của công ty, xây dựng và tổ chức hoạt động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Phòng tổ chức lao động: Có chức năng quản lý tổ chức lao động, đào tạo pháp chế, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động nhằm phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng kế toán thống kê tài chính: Là phòng nghiệp vụ có chức năng quản lý tài chính và giám sát mọi hoạt động kinh tế, tài chính trong công ty, tổ chức chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế. Kiểm soát kinh tế Nhà nước tại công ty thông qua công tác thống kê, kế toán các hoạt động kinh tế của đơn vị, giúp TGD chỉ đạo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

+ Phòng kế hoạch: Tổng hợp tham mưu cho lãnh đạo công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Đôn đốc và giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch cao nhất.

+ Văn phòng: Là phòng tham mưu giúp Ban giám đốc quản lý tổ chức thực hiện các lĩnh vực công tác: Văn thư - lưu trữ, quản trị, văn hóa thông tin.

+ Trung tâm tiêu thụ sản phẩm (Chi nhánh Thái Bình, Chi nhánh TP HCM): Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho TGD và chịu sự điều hành trực tiếp của P.TGD về công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm.

- 4 phân xưởng chính:

+ Phân xưởng nguyên liệu: Quản lý toàn bộ tài sản, vật tư, lao động tổ chức vận hành các thiết bị từ trạm đá vôi, đá sét, hệ thống thiết bị vận chuyển đến kho đồng nhất, hệ thống cấp phụ gia điều chỉnh nguyên vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Phân xưởng mỏ: Khai thác và chế biến cung cấp các loại đá như đá hộc, đá nhỏ.

+ Phân xưởng lò: Quản lý thiết bị tại công đoạn lò, tham gia sản xuất ra sản phẩm Clinker theo kế hoạch của công ty giao, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Phân xưởng nghiền đóng bao: Quản lý toàn bộ tài sản, lao động để phối hợp với phòng điều hành trung tâm tổ chức vận hành hệ thống thiết bị từ khâu vận chuyển Clinker, thạch cao, phụ gia tới thiết bị nghiền, vận chuyển xi măng bột vào két chứa đồng, đóng bao xi măng đồng thời phối hợp với phòng kinh doanh để tổ chức xuất hàng ra bán.

- 3 phân xưởng phụ trợ:

+ Phân xưởng cơ khí: Có chức năng gia công, chế tạo, sửa chữa phục hồi các máy móc thiết bị thuộc lĩnh vực cơ khí nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, an toàn đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phân xưởng điện tự động hóa: Quản lý toàn bộ tài sản và tổ chức vận hành, sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống cung cấp điện, hệ thống máy lạnh và hệ thống đo lường điều khiển đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị hoạt động đồng bộ, an toàn với năng suất chất lượng và hiệu quả cao.

+ Phân xưởng nước sửa chữa công trình: Quản lý toàn bộ tài sản hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của CBCNV trong nội bộ công ty. Tổ chức sửa chữa nhỏ vật kiến trúc trong công ty, sửa chữa lò nung Clinker và thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp mặt bằng toàn công ty.

- Tổng kho: Quản lý, cấp phát, thu hồi vật tư, bảo quản thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu và các mặt hàng khác phục vụ cho SXKD.

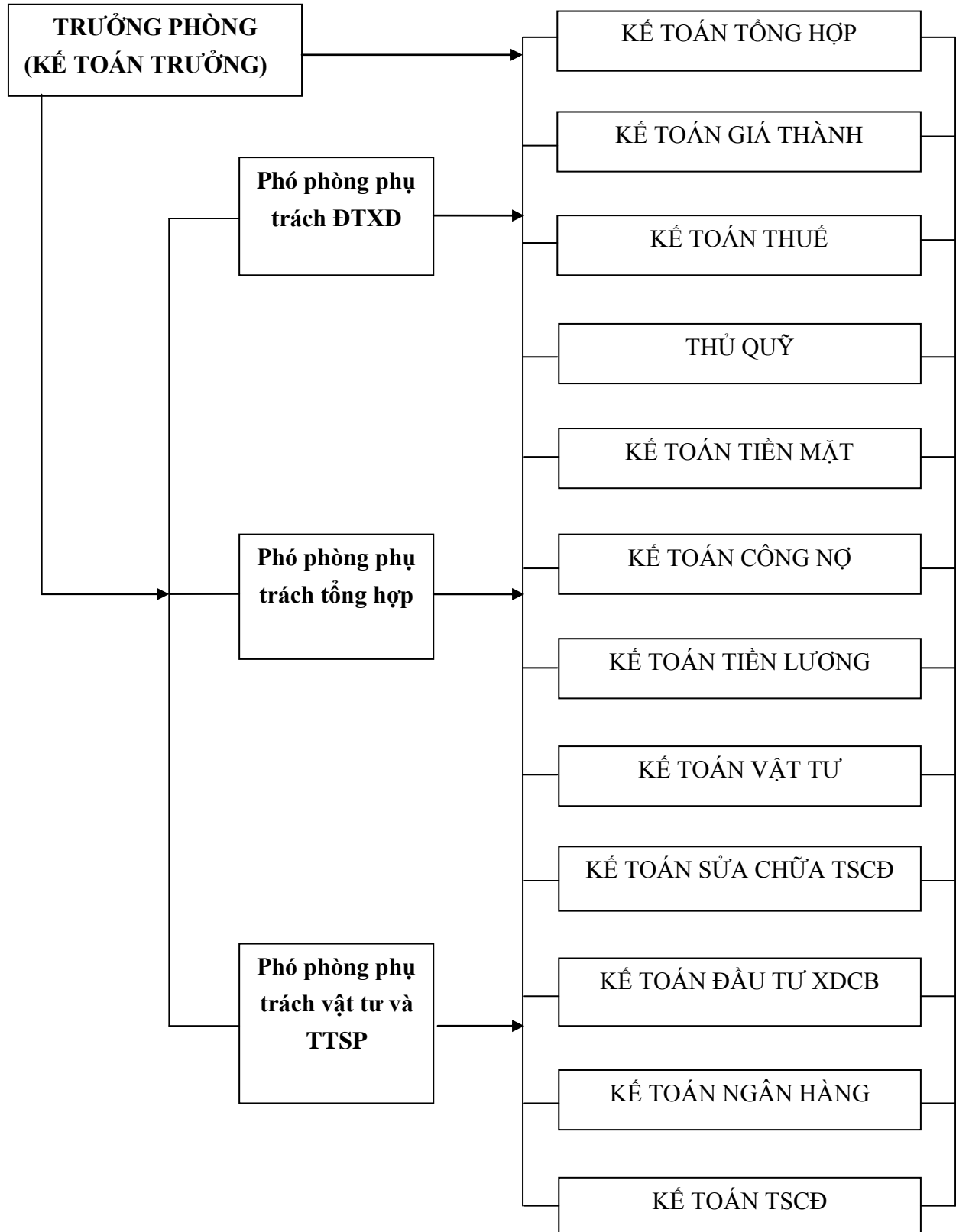
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:

Do hoạt động trên địa bàn rộng, quy mô sản xuất lớn tổ chức sản xuất kinh doanh thành nhiều bộ phận xí nghiệp, chi nhánh với nhiệm vụ chính là: sản xuất, cung ứng xi măng, bao bì và khai thác đá nên công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung, rất phù hợp với điều kiện của công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 02: CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trưởng phòng kế toán:

* *Nhiệm vụ và trách nhiệm:*

- + Tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị.
- + Giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.
- + Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị.
- + Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán.
- + Lập báo cáo tài chính.

* *Kế toán trưởng có quyền:*

- + Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán.
- + Yêu cầu các bộ phận có liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc.
- + Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị.
 - Phó phòng phụ trách ĐTXD: phụ trách các khoản đầu tư, xây dựng công trình của công ty.
 - Phó phòng phụ trách tổng hợp: phụ trách theo dõi toàn bộ các phần hành kế toán, tổng hợp, lập báo cáo tài chính.
 - Phó phòng phụ trách vật tư và TTSP: phụ trách nhập, xuất vật tư phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm.
 - Kế toán tổng hợp: tổng hợp kế toán toàn công ty, tập hợp chi phí tính giá thành, kê khai quyết toán thuế, theo dõi tài sản cố định.
 - Kế toán thuế: kiểm tra và quản lý hóa đơn đầu vào, đầu ra, lập bảng kê hóa đơn GTGT, lập báo cáo thuế, theo dõi thuế VAT được khấu trừ, hạch toán tất cả các khoản thuế phải nộp, đã nộp, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
 - Thủ quỹ: quản lý quỹ tiền mặt, tiến hành các nghiệp vụ thu, chi căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi đã có đầy đủ chữ ký và chứng từ quy định.
 - Kế toán tiền mặt: theo dõi các khoản thu chi của doanh nghiệp, lập phiếu thu, phiếu chi.
 - Kế toán công nợ: theo dõi công nợ chi tiết cho từng khách hàng, từng công trình và hạng mục công trình, theo dõi các khoản nợ khó đòi, nợ quá hạn, báo cáo lên cấp trên xử lý và giải quyết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

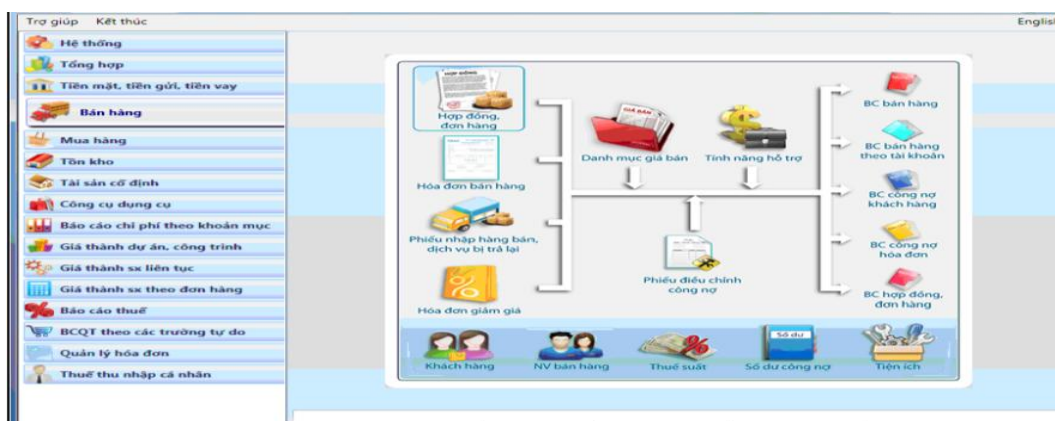
- Kế toán sửa chữa TSCĐ: quản lý, theo dõi TSCĐ của công ty, sửa chữa TSCĐ của công ty, sửa chữa TSCĐ khi bị cũ.
 - Kế toán TSCĐ: theo dõi việc mua sắm mới, thanh lý TSCĐ trong toàn doanh nghiệp.
 - Kế toán đầu tư XDCCB: theo dõi, quản lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
 - Kế toán giá thành: tập hợp các khoản chi phí, tính giá thành sản phẩm.
 - Kế toán ngân hàng: theo dõi công nợ với ngân hàng, theo dõi và thanh toán vốn vay, tiền gửi ngân hàng, mua quản lý và cấp phát hóa đơn cho công ty. Viết phiếu thu, phiếu chi, mở sổ theo dõi tiền mặt.
 - Kế toán tiền lương và nguyên vật liệu: theo dõi hạch toán hàng tồn kho, thống kê toàn công ty, theo dõi thu nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, căn cứ vào bảng chấm công và đơn giá tiền lương để tính toán tiền lương cho toàn công ty.
- ❖ **Hình thức kế toán áp dụng tại công ty:**
- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
 - Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: Đồng.
 - Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:
- + Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.
- + Khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng cả phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.
- + Phương pháp kê khai thường xuyên được áp dụng đối với những vật tư dễ kiểm đếm, theo dõi chi tiết cho từng vật tư mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất vật tư.
- + Phương pháp kiểm kê định kỳ được áp dụng để theo dõi những vật tư dễ ngoài bạt bãi như đá, đất sét... Định kỳ tiến hành kiểm tra số lượng vật tư tại bãi.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
 - Hình thức sổ kế toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

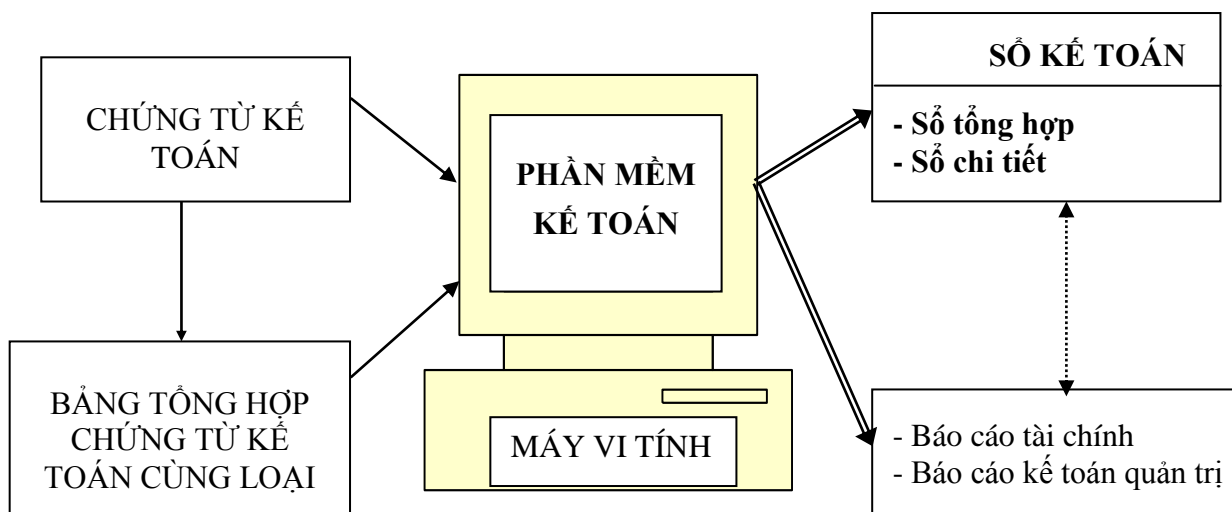
Hiện nay Công ty xi măng Vicem Hải Phòng đang sử dụng **phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2002**. Sổ sách áp dụng theo hình thức kế toán **Nhật ký chung**. Việc ứng dụng kế toán máy không những làm giảm nhẹ được khối lượng tính toán mà còn tăng được hiệu quả của công tác kế toán nói riêng, công tác quản lý tài chính nói chung. Kế toán chỉ cần thực hiện một số công việc như:

- + Phân loại, bổ sung thông tin chi tiết vào chứng từ gốc.
 - + Nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy.
 - + Kiểm tra, phân tích số liệu trên các sổ, báo cáo kế toán để có thể đưa ra quyết định phù hợp.
- Máy tính sẽ tự động tính toán, ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp, chuyển số liệu từ các sổ kế toán sang các báo cáo kế toán.

Giao diện phần mềm kế toán Fast



Sơ đồ 03: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

| | |
|-------------------------------------|--------------|
| Nhập số liệu hàng ngày | —————→ |
| In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm | ══════════→ |
| Đối chiếu, kiểm tra | ←═══════════ |

- Về chứng từ kế toán: Công ty thuộc đối tượng tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ do vậy kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng, một số chứng từ đầu vào khác như: Hóa đơn vận chuyển, hóa đơn tiền điện nước,...

- Công ty lập báo cáo tài chính bao gồm:

- + Bảng Cân đối kế toán
- + Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2. Tình hình thực tế về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng

2.2.1. Tình hình thực tế hàng hóa và hoạt động bán hàng

2.2.1.1. Đặc điểm mặt hàng kinh doanh của công ty:

Công ty sản xuất, kinh doanh các chủng loại xi măng và Clinker như:

- Xi măng thông dụng: PCB30, PCB40
- Xi măng Portland hỗn hợp: PCB30
- Xi măng đặc biệt: Xi măng Portland bèn Sulfat, Xi măng Portland ít tỏa nhiệt.

2.2.1.2. Phương thức bán hàng:

Trong hoạt động tiêu thụ hàng hóa ở công ty thì ngoài việc tìm kiếm được khách hàng còn phải chọn được phương thức bán hàng hợp lý. Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng đã sử dụng phương thức bán hàng chủ yếu là: bán hàng theo hợp đồng, bán hàng trực tiếp và bán hàng gửi đại lý

Công ty đã cung ứng xi măng cho khách hàng ở địa bàn các tỉnh Thái Bình, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phú, Hà Giang, Tuyên Quang và thành phố Hải Phòng.

2.2.1.3. Phương thức thanh toán hàng bán

Về phương thức thanh toán tiền hàng đã được ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc đã được thỏa thuận giữa hai bên về mua bán hàng hóa. Công ty áp dụng phương thức thanh toán chủ yếu là: phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua Ngân hàng.

2.2.1.4. Phương pháp tính giá hàng xuất kho

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

2.2.2. Phương pháp hạch toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các TK cấp 2:

+ TK 5111 “Doanh thu bán hàng hóa”

+ TK 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm”

+ TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

+ TK 5118 “Doanh thu khác”

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản cấp 3, cấp 4 để phù hợp với yêu cầu quản lý và hạch toán của công ty.

TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

Các TK liên quan khác: TK 111, TK 112, TK 131...

❖ Chứng từ sử dụng:

- Các chứng từ kế toán sử dụng là hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, phiếu thu,...

Hóa đơn GTGT gồm có 3 liên:

- Liên 1: Màu tím (Lưu tại gốc)
- Liên 2: Màu đỏ (Giao cho khách hàng)
- Liên 3: Màu xanh (Hạch toán nội bộ)

Kế toán viên viết hóa đơn bán hàng đã có chữ ký của thủ trưởng đơn vị, sau đó kế toán và người mua hàng cùng ký vào hóa đơn đó. Kế toán giao người mua hàng liên 2. Hai liên còn lại, liên 1 giữ tại gốc, liên 2 luân chuyển trong

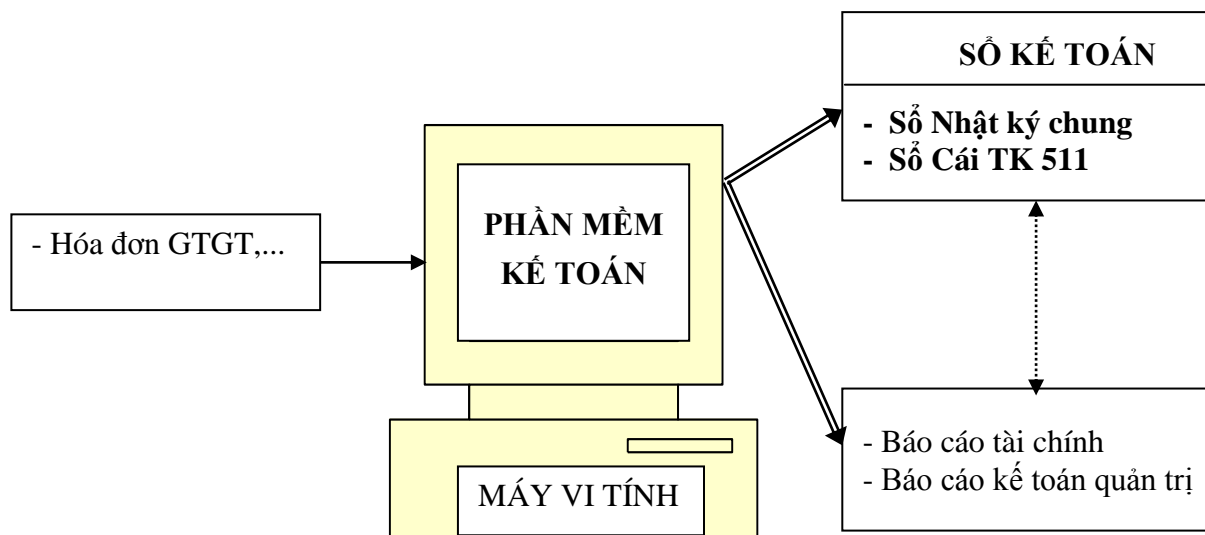
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

công ty để kế toán căn cứ ghi sổ kế toán các tài khoản có liên quan.

❖ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 511

❖ **Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng:**

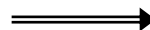


Ghi chú:

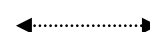
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



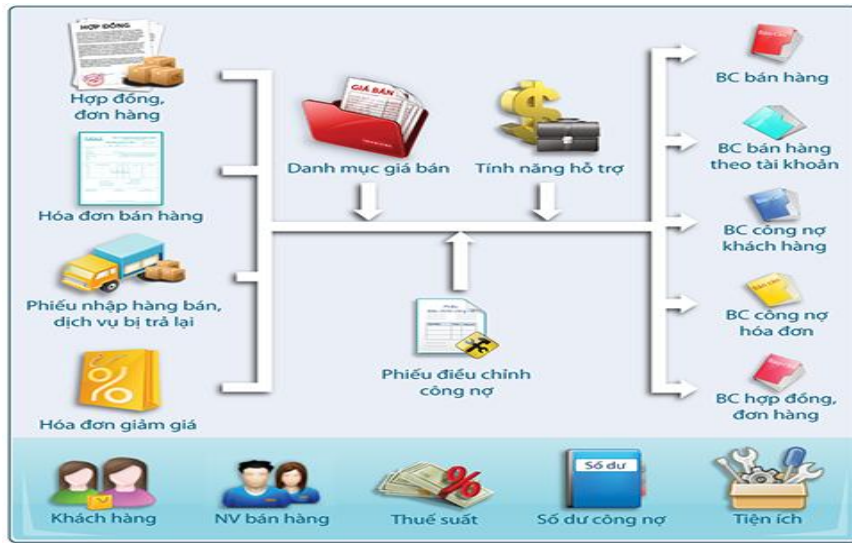
❖ **Ví dụ:** Ngày 06/12/2012, xuất bán xi măng bao đen PCB30 cho Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng số lượng 299 tấn, đơn giá 1.136.364 đồng/ tấn (chưa có VAT 10%), chưa thu tiền của Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng. Giá vốn của xi măng đen PCB30 là 845.807 đồng/ tấn.

Kế toán lập **Hóa đơn GTGT 000221 (Biểu số 2.1)**

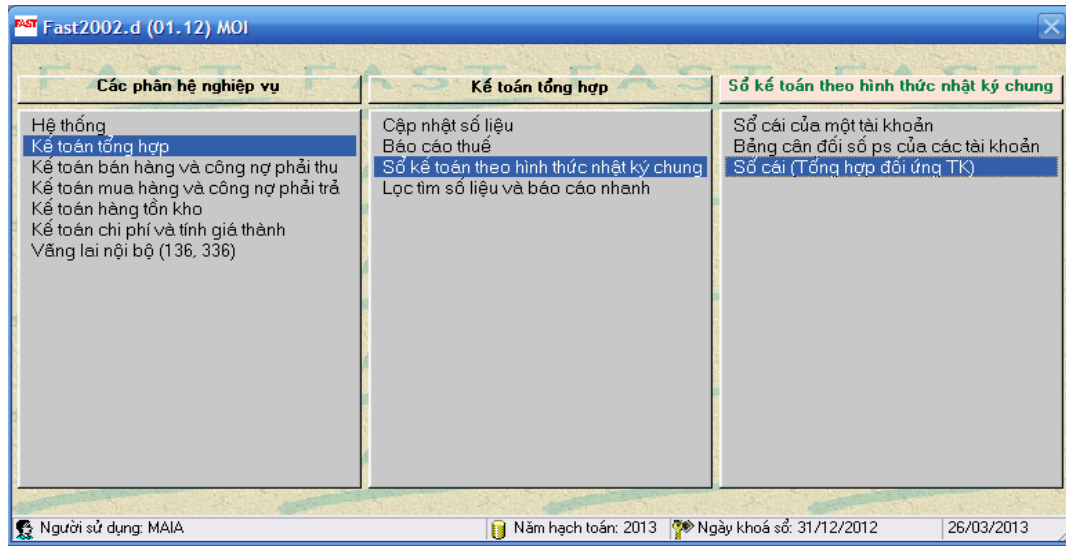
Kế toán căn cứ vào Hóa đơn nhập số liệu vào máy phần **Bảng kê hóa đơn bán hàng (Biểu số 2.2)**. Từ Bảng kê hóa đơn bán hàng kế toán làm căn cứ vào máy lên **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3)**, **Sổ chi tiết tài khoản 511 (Biểu số 2.4)**, **Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 2.5)**, lên **Bảng Cân đối phát sinh công nợ (Biểu số 2.6)**, **Sổ Cái TK 511 (Biểu số 2.7)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình phân hệ bán hàng và công nợ phải thu



Màn hình nhập vào Số Cái TK 511



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Hạch toán nội bộ
Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/12P
Số: 0000221

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**
Mã số thuế: **0200155219**
Địa chỉ: **TRÀNG KÊNH, THỊ TRẤN MINH ĐỨC, HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG**
Điện thoại: **031.3875356** Fax: 031.3875356
Số tài khoản: Tại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần phát triển kỹ thuật xây dựng**

Mã số thuế: **0100106200**

Địa chỉ: **243A La Thành - Đống Đa - Hà Nội**

Hình thức thanh toán:

Số TK:

| STT | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|--------------------------|------------|-------------|-----------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Xi măng bao đen PCB30 | Tấn | 299.00 | 1,136,364 | 339,772,836 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| <i>Cộng tiền hàng:</i> | | | | | 339,772,836 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | | <i>Tiền thuế GTGT:</i> 33,977,284 |
| <i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i> | | | | | 373,750,120 |
| <i>Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi đồng chẵn</i> | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Bảng kê hóa đơn bán hàng

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày: 31/12/2012

| Chứng từ | | Diễn giải | Mã BP ĐVT | Mã kho Mã NX | Số lượng | Giá bán | Doanh thu |
|-------------|-----------|---------------------------------|-----------|--------------|----------|-----------|-----------------------|
| Ngày, tháng | Số | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HĐ0000221 | Xuất xi măng bao đen PCB30 | Tấn | 131 | 299.00 | 1,136,364 | 339,772,836 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HĐ0000278 | Xuất xi măng bột đen PCB40 | Tấn | 112 | 260.00 | 895,454 | 232,818,040 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/12 | HĐ0000821 | Xuất xi măng OPC đen | Tấn | 112 | 155.00 | 948,685 | 147,046,175 |
| | | Tổng cộng tiền hàng | | | | | 27,399,668,968 |
| | | Tổng cộng tiền thuế GTGT | | | | | 2,739,966,897 |
| | | Tổng thanh toán | | | | | 30,139,635,865 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------------|---------------|----------------|---|-----------------|-------------|----------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HD 0000221 | 06/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP PT kỹ thuật XD | | | 632 | 252,896,293 | |
| | | | | | | 155 | | 252,896,293 |
| | | | | | | 131 | 373,750,120 | |
| | | | | | | 511 | | 339,772,836 |
| | | | | | | 333 | | 33,977,284 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | |
| 15/12 | HD 0000278 | 15/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP XM Vicem Bút | | | 632 | 131,100,060 | |
| | | | | | | 155 | | 131,100,060 |
| | | | | | | 112 | 256,099,844 | |
| | | | | | | 511 | | 232,818,040 |
| | | | | | | 333 | | 23,281,804 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | |
| 31/12 | PKT | 31/12 | K/C doanh thu thuần | | | 511 | 1,698,524,698,366 | |
| | | | | | | 911 | | 1,698,524,698,366 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Trích Sổ chi tiết TK 511

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511261 - Doanh thu bán xi măng bột PCB30

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số dư đầu kỳ

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|-----------|------------------------------------|----------------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HĐ0000221 | Công ty CP phát triển kỹ thuật XD | Doanh thu bán thành phẩm | 131 | | 339,772,836 |
| 06/12 | HĐ0000222 | Công ty CP LILAMA | Doanh thu bán thành phẩm | 111 | | 176,136,420 |
| 06/12 | HĐ0000223 | Công ty TNHH Quyết Tiến | Doanh thu bán thành phẩm | 131 | | 272,727,360 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | HĐ0000286 | Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng | Doanh thu bán thành phẩm | 111 | | 353,409,204 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng | Kết chuyển CKTM | 521 | 10,602,276 | |
| 31/12 | PKT | | Kết chuyển doanh thu thuần | 911 | 22,874,427,709 | |
| | | | Tổng cộng | | 22,858,029,985 | 22,858,029,985 |

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thu Trang

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số S31-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 13114

Đối tượng: Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng

Loại tiền: VNĐ

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Thời hạn được chiết khấu | Số phát sinh | | Số dư | |
|--------------------|-----------|-------------|--------------------------|------------|--------------------------|--------------------|----|--------------------|----|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | | |
| 06/12 | HĐ0000221 | 06/12 | Doanh thu bán thành phẩm | 511 | | 339,772,836 | | 339,772,836 | |
| 06/12 | HĐ0000221 | 06/12 | Thuế GTGT | 333 | | 33,977,284 | | 33,977,284 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | x | x | 373,750,120 | | x | x |
| | | | Số dư cuối kỳ | x | x | x | x | 373,750,120 | |

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Trích Bảng cân đối phát sinh công nợ

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
MST: 0200155219

BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH CÔNG NỢ
Từ ngày: 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

| STT | Mã khách | Diễn giải | Tài khoản | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Số dư cuối kỳ | |
|-----------|----------------|---------------------------------------|--------------|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|
| | | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | NB20010 | Chi nhánh Công ty Thăng Long | 13124 | | | 5,911,070 | 5,911,070 | | |
| 2 | NM20102 | CN Công ty CP LILAMA 69-2 | 13122 | | | 1,198,670 | | 1,198,670 | |
| 3 | NM20107 | Công ty Cổ phần LILAMA | 13122 | | | 839,630 | | 839,630 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 9 | NM10010 | Công ty Cổ phần XM Hà Tiên 1-360 | 13111 | 4,497,400,000 | | | | 4,497,400,000 | |
| 10 | NM20059 | Công ty Cổ phần PT kỹ thuật XD | 13114 | | | 373,750,120 | | 373,750,120 | |
| 11 | NB40360 | Công ty TNHH Tuấn Đạt | 13124 | 180,540,000 | | | | 180,540,000 | |
| 12 | NB40420 | Công ty TNHH Vĩnh Phước | 13114 | 1,946,466,800 | | | | 1,946,466,800 | |
| 13 | NM40335 | Công ty TNHH Tiến Đức | 13124 | | 9,900,000 | | | | 9,900,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 22 | NM40328 | Công ty TNHH Quyết Tiến | 13124 | | | 300,000,096 | | 300,000,096 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | Tổng cộng | | 22,526,525,024 | 2,179,141,117 | 398,674,214 | 394,661,194 | 22,530,538,044 | 2,179,141,117 |

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Trích SỔ CÁI TK 511

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|-----------|-------------|---|-------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số PS trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HĐ0000221 | 06/12 | Xuất bán TP cho Công ty CP PT kỹ thuật XD | 131 | | 339,772,836 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HĐ0000278 | 15/12 | Xuất bán TP cho Công ty CP XM Vicem Bút | 112 | | 256,099,844 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | K/C doanh thu thuần | 911 | 1,698,524,698,366 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 1,698,524,698,366 | 1,698,524,698,366 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KTTKTC
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.2.2. *Kế toán các khoản giảm trừ*

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ của công ty đã có nhiều thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh kinh tế hiện tại nhưng vẫn tồn tại một số lượng hàng bán bị trả lại khiến doanh thu bị giảm. Nguyên nhân có thể do hàng hóa trong khâu bảo quản, vận chuyển bị hỏng, kém chất lượng do yếu tố môi trường hoặc không đúng chủng loại, sai sót mẫu mã so với hợp đồng.

Để giảm những tổn thất do hàng bán bị trả lại, công ty đã áp dụng nhiều biện pháp như giảm giá sản phẩm cho những hợp đồng kế tiếp, giảm giá hàng bán cho những hàng hóa sai quy cách, mẫu mã so với hợp đồng kinh tế. Tỷ lệ giảm giá sẽ phụ thuộc vào khối lượng mà khách hàng mua. Giảm giá hàng bán được ghi nhận khi người bán và người mua đồng ý giảm giá cho khối lượng hàng hóa đã bán và người mua chấp nhận mua khi người bán đồng ý giảm giá hàng bán.

Với những khách hàng mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn, Công ty bán giảm giá cho khách hàng đó theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán, hoặc các cam kết mua, bán hàng. Phương thức này để kích thích tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của Công ty.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

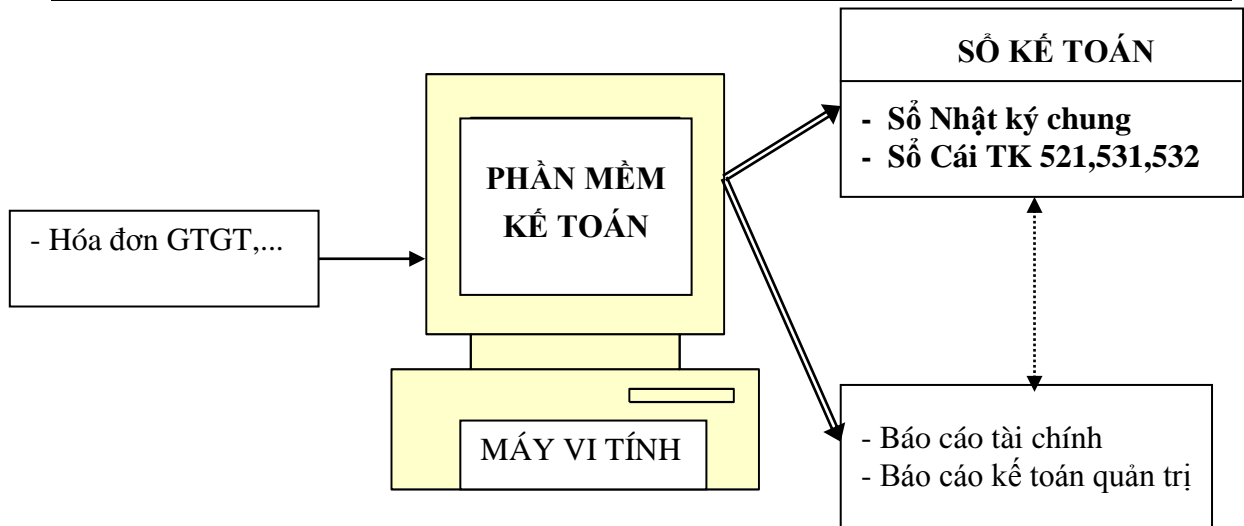
- + TK 521 “Chiết khấu thương mại”
- + TK 531 “Hàng bán bị trả lại”
- + TK 532 “Giảm giá hàng bán”

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái TK 521, 531, 532
- + Sổ sách chứng từ có liên quan

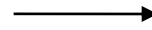
❖ *Quy trình hạch toán kế toán các khoản giảm trừ:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú:

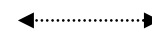
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



❖ ***Ví dụ:*** Ngày 18/12/2012, xuất bán xi măng bao đen PCB30 cho Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng với số lượng là 311 tấn, giá bán là 1.136.364 đồng/tấn (chưa có VAT 10%), giá vốn là 845.807 đồng/tấn. Do Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng là khách hàng thường xuyên nên công ty đã đồng ý chiết khấu 3% và đã thanh toán bằng tiền mặt.

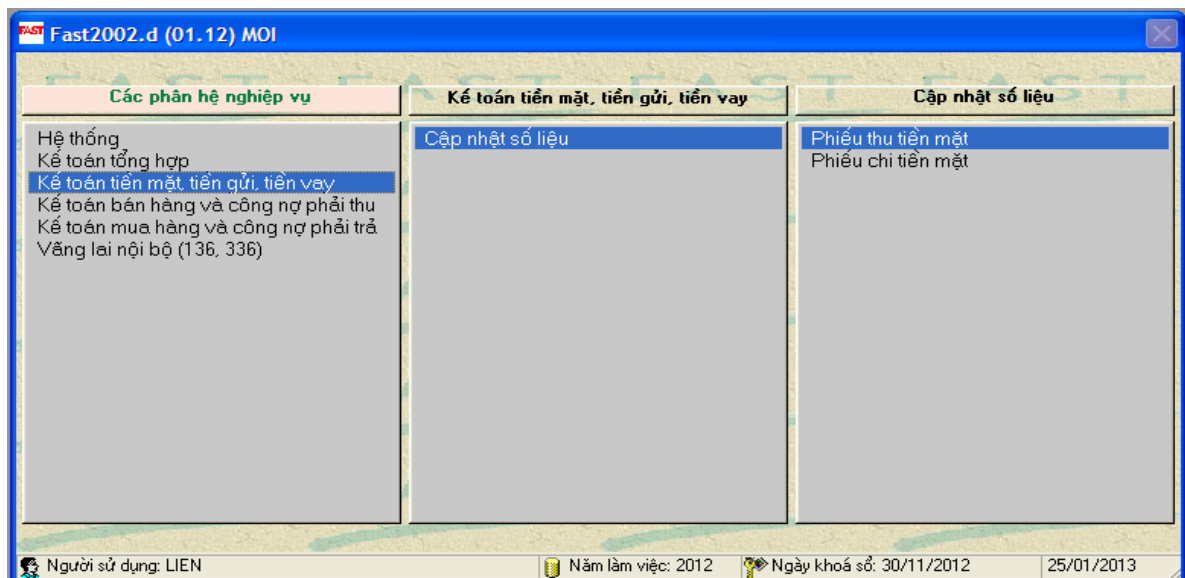
Kế toán vào **Phiếu chi 25 (Biểu số 2.8)**, rồi từ Phiếu chi kế toán vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9)**, **Sổ Cái TK 521 (Biểu số 2.10)**.

Phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

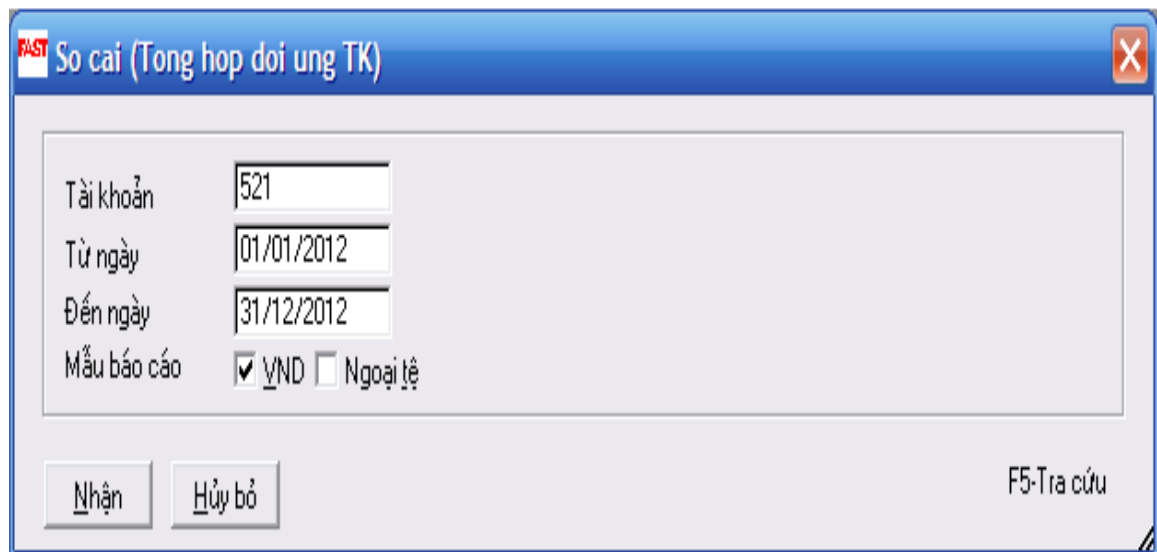
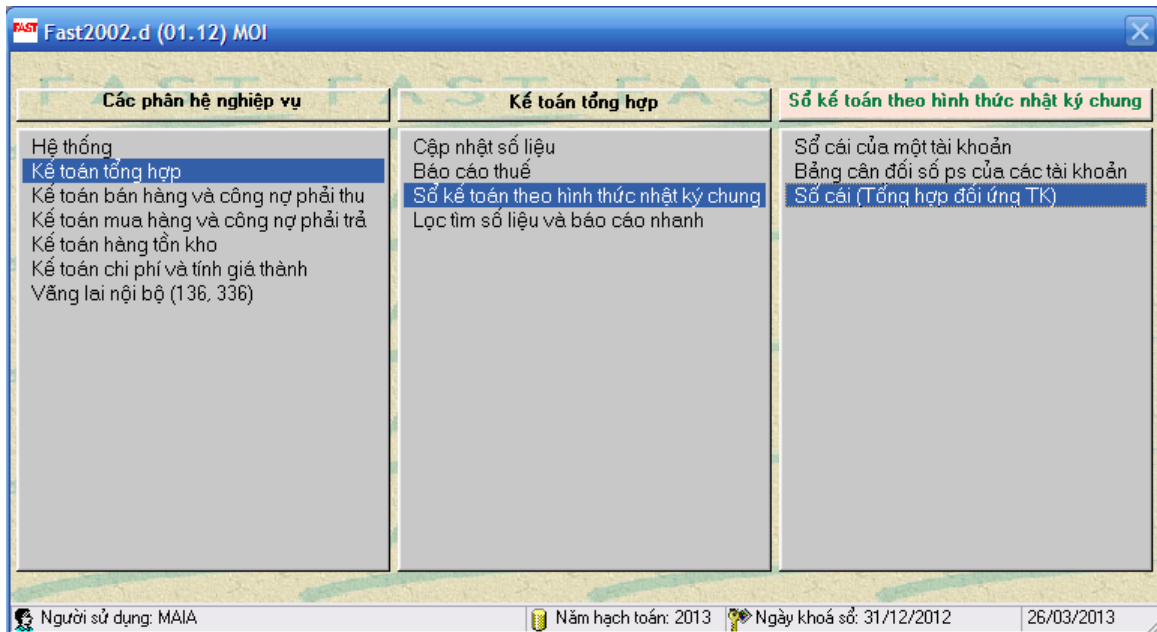


Màn hình giao diện vào phân hệ tiền mặt, tiền gửi, tiền vay



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 521



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Phiếu chi

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Số phiếu: 25
Tài khoản: 111
Tài khoản đối ứng: 521, 333

PHIẾU CHI

Ngày: 18/12/2012

Người nhận tiền:

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng

Về khoản: Chiết khấu thương mại

Số tiền: 11.662.504 đồng

Bằng chữ: Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm linh bốn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN THANH TOÁN

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm linh bốn đồng chẵn

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

THỦ QUỸ

NGƯỜI NHẬN TIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|------------|-------------|---|-----------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi tiếp khách | | | 141 | 61,950,000 | |
| | | | | | | 111 | | 61,950,000 |
| 05/10 | PC03 | 05/10 | Thanh toán chi phí đi công tác | | | 642 | 1,600,000 | |
| | | | | | | 111 | | 1,600,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HD 0000278 | 15/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP XM Vicem Bút | | | 632 | 131,100,060 | |
| | | | | | | 155 | | 131,100,060 |
| | | | | | | 112 | 256,099,844 | |
| | | | | | | 511 | | 232,818,040 |
| | | | | | | 333 | | 23,281,804 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | PC25 | 18/12 | Chiết khấu thương mại | | | 521 | 10,602,276 | |
| | | | | | | 333 | 1,060,228 | |
| | | | | | | 111 | | 11,662,504 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CKTM | | | 511 | 2,397,603,624 | |
| | | | | | | 521 | | 2,397,603,624 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Trích SỔ CÁI TK 521

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|-----------------------|----------|---------------|---------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số PS trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 17/10 | PC15 | 17/10 | Chiết khấu thương mại | 131 | 15,246,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | PC25 | 18/12 | Chiết khấu thương mại | 111 | 10,602,276 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CKTM | 511 | | 2,397,603,624 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 2,397,603,624 | 2,397,603,624 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KTTKTC
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

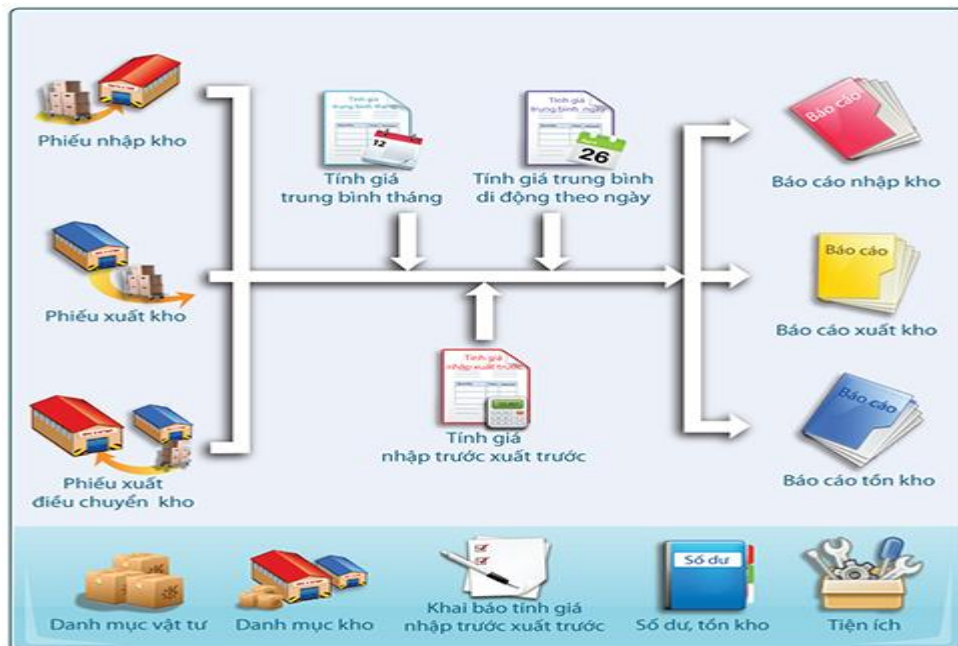
Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

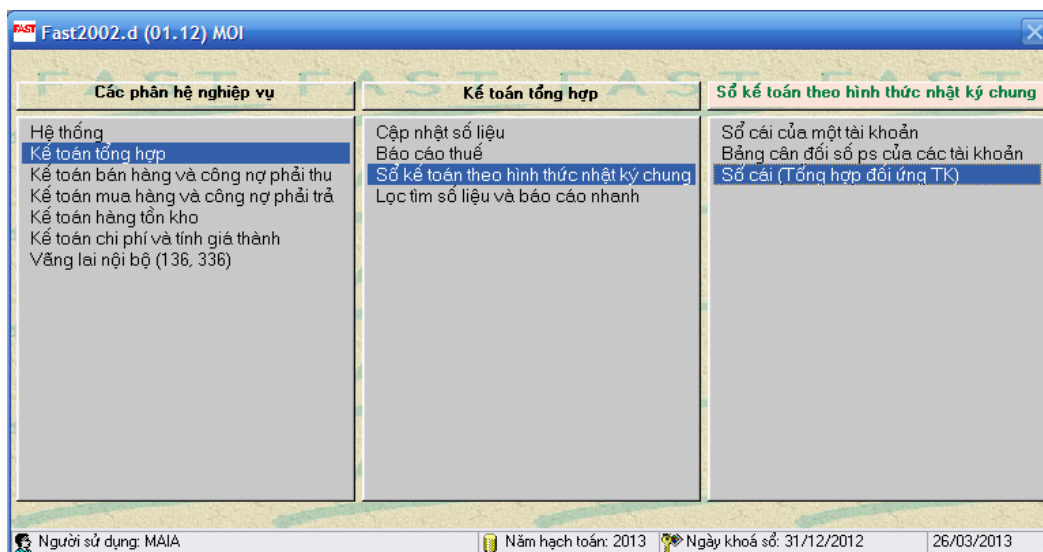
❖ **Ví dụ:** Ngày 28/12/2012, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn trả lại 10 tấn xi măng bao PCB40 có giá bán là 895.454 đồng/tấn, giá vốn là 504.231 đồng/tấn do kém chất lượng mua ngày 15/12/2012 theo HĐGTGT 0000807. Công ty đã nhập kho đủ theo PN15 và thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào **Hóa đơn GTGT 0000807 (Biểu số 2.11)** vào máy lập **Phiếu nhập 15 (Biểu số 2.12)** và **Phiếu chi 32 (Biểu số 2.13)**. Từ đó, hệ thống vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14)**, **Sổ Cái TK 531 (Biểu số 2.15)**.

Màn hình phân hệ kế toán hàng tồn kho



Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 531



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: TR/12P

Số: 0000807

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BỨT SƠN

Mã số thuế: 0700577579

Địa chỉ: Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0351.3851323

Fax: 0351.3851323

Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng

Mã số thuế: 0200155219

Địa chỉ: Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------|---------------------------------|-------------|----------|----------|------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | Xi măng PCB40 (Hàng trả lại) | Tấn | 10 | 895,454 | 8,954,540 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Cộng tiền hàng: 8,954,540

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 895,454

Tổng cộng tiền thanh toán: 9,849,994

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bốn

đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12: Phiếu nhập kho

Đơn vị:
Bộ phận:

Mẫu số 01-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 12 năm 2012
Số: 15

Nhập của: Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn
Theo hóa đơn số 0000807 ngày 28 tháng 12 năm 2012
Biên bản kiểm nghiệm ngày 28 tháng 12 năm 2012

Nguồn nhập: HĐ số 32/XMHP-KH nhập vào kho: Thành phẩm
Mã số thuế Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng: 0200155219

| NỢ | CÓ |
|-----|-----|
| 155 | 632 |

| TT | TÊN NHÃN HIỆU QUY CÁCH VẬT TƯ | ĐVT | Mã vật tư | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|----|-------------------------------------|-----|-----------------|------------------|--------------|---------|------------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Xi măng PCB40 | Tấn | | 10 | 10 | 504,231 | 5,042,310 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | 5,042,310 |

Cộng thành tiền (bằng chữ): Năm triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm mười
nghìn đồng chẵn.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

P. Phụ trách đơn vị

Kế toán

Người giao

Tổng kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Phiếu chi

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Số phiếu: 32
Tài khoản: 111
Tài khoản đối ứng: 531, 333

PHIẾU CHI

Ngày: 28/12/2012

Người nhận tiền:

Địa chỉ: Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn

Về khoản: Hàng bán bị trả lại

Số tiền: 9.849.994 đồng

Bằng chữ: Chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN THANH TOÁN

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng chẵn

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

THỦ QUỸ

NGƯỜI NHẬN TIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------------|---------------|----------------|---|-----------------|-------------|---------------------------------|----------------------------|--|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi phí tiếp khách | | | 141 111 | 61,950,000 | 61,950,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HD 0000278 | 15/12 | Xuất bán thành phẩm cho công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn | | | 632 155 112 511 333 | 131,100,060 256,099,844 | 131,100,060 232,818,040 23,281,804 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/12 | PN15 | 28/12 | Nhập kho HBBTL | | | 155 632 | 5,042,310 | 5,042,310 |
| 28/12 | PC32 | 28/12 | Hàng bán bị trả lại | | | 531 333 111 | 8,954,540 895,454 | 9,849,994 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển HBBTL | | | 511 531 | 408,266,800 | 408,266,800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Trích SỔ CÁI TK 531

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|---------------------|----------|-------------|-------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số PS trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/09 | PC12 | 15/09 | Hàng bán bị trả lại | 111 | 5,681,820 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/12 | PC32 | 28/12 | Hàng bán bị trả lại | 111 | 8,954,540 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển HBBTL | 511 | | 408,266,800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 408,266,800 | 408,266,800 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG
KTTKTC
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.2.3. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng bao gồm:

- Lãi cho vay vốn, lãi tiền gửi Ngân hàng.
- Lãi bán hàng trả chậm, trả góp.
- Lãi ĐT trái phiếu, tín phiếu
- Chiết khấu thanh toán, lãi cho thuê tài chính

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng:*

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” trong đó:

- TK 5151 “Lãi cho vay vốn”
- TK 5152 “Lãi tiền gửi Ngân hàng”
- TK 5153 “Lãi bán hàng trả chậm, trả góp”
- TK 5154 “Lãi ĐT trái phiếu, tín phiếu”
- TK 5155 “Chiết khấu thanh toán”
- TK 5156 “Lãi cho thuê tài chính”

❖ *Chứng từ sử dụng:*

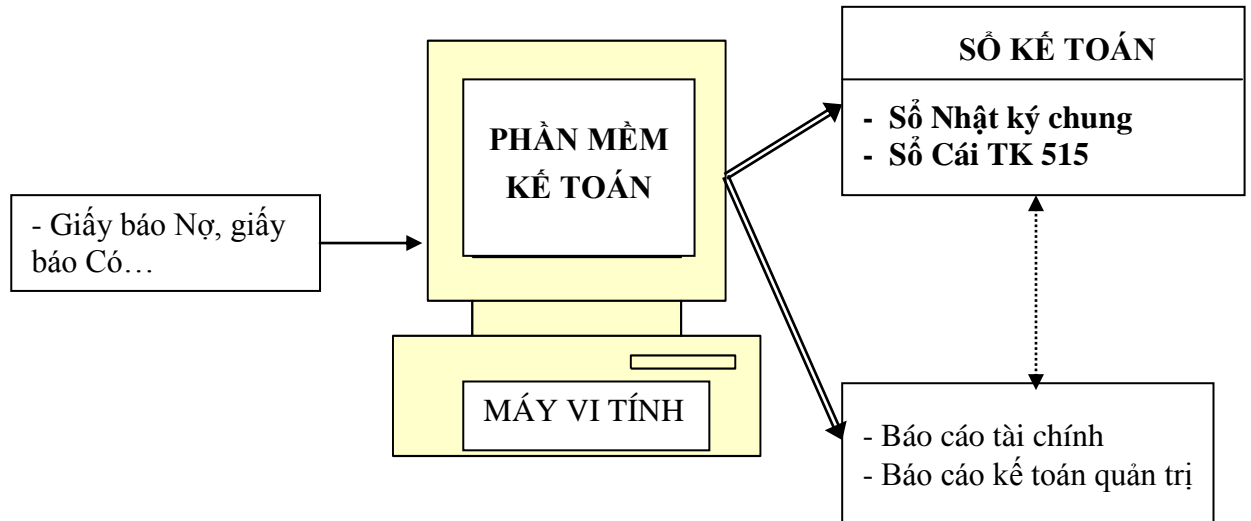
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515

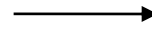
❖ *Quy trình hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú:

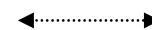
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



❖ ***Ví dụ:*** Ngày 12/12/2012 Công ty nhận lãi suất tiền gửi Ngân hàng Techcombank với số tiền là: 8.565.662 đồng. (**Giấy báo có số 102** của Ngân hàng Techcombank).

Căn cứ vào **Giấy báo có** kế toán vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.16)**, **Sổ Cái TK 515 (Biểu số 2.17)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÂN HÀNG KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG - TCB HAI PHONG
MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK

Theo công văn số 21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 12 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
Địa chỉ: TRĂNG KÊNH, MINH ĐỨC, THỦY NGUYÊN, HP
Mã số thuế: 0200155219
Số ID khách hàng: 10901871

Số tài khoản: **109.10901871.01.3**

Loại tiền: **VND**

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: FT1035500338/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|--|------------------|
| Lãi tiền gửi tại Ngân hàng Techcombank | 8.565.662 |
| Tổng số tiền | 8.565.662 |

Số tiền bằng chữ: **Tám triệu, năm trăm sáu mươi năm nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng chẵn.**

Trích yếu: LAI TIEN GUI

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|---------------|-------------|--|-----------|----------|---------------------------------|----------------------------|--|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi phí tiếp khách | | | 141 111 | 61,950,000 | 61,950,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 12/12 | GBC102 | 12/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng | | | 112 515 | 8,565,662 | 8,565,662 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HD 0000278 | 15/12 | Xuất bán thành phẩm cho công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn | | | 635 155 112 511 333 | 131,100,060 256,099,844 | 131,100,060 232,818,040 23,281,804 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển DT hoạt động tài chính | | | 515 911 | 2,133,699,692 | 2,133,699,692 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Trích SỔ CÁI TK 515

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|----------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 12/12 | GBC102 | 12/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng | 112 | | 8,565,662 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/12 | GBC98 | 20/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng | 112 | | 1,981,495 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển DT hoạt động TC | 911 | 2,133,699,692 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 2,133,699,692 | 2,133,699,692 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG
KTTKTC
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.2.4. *Kế toán thu nhập khác*

Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Nội dung cụ thể các khoản thu nhập khác của Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Tiền thu được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ
- Nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng
- Các khoản được biếu, tặng
- Phát hiện thu nhập của năm trước bỏ sót lại
- Thu nhập khác

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 711 “Thu nhập khác” trong đó:

- TK 7111 “Thu nhượng bán, thanh lý vật tư, tài sản”
- TK 7112 “Thu phạt vi phạm hợp đồng”
- TK 7113 “Các khoản thuế được NSNN hoàn lại”
- TK 7114 “Thu các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ”
- TK 7115 “Nợ phải trả không xác định được chủ”
- TK 7116 “Các khoản tiền thưởng của khách hàng”
- TK 7117 “Các khoản được biếu, tặng”
- TK 7118 “Phát hiện thu nhập của năm trước bỏ sót lại”
- TK 7119 “Thu nhập khác”

❖ *Chứng từ sử dụng:*

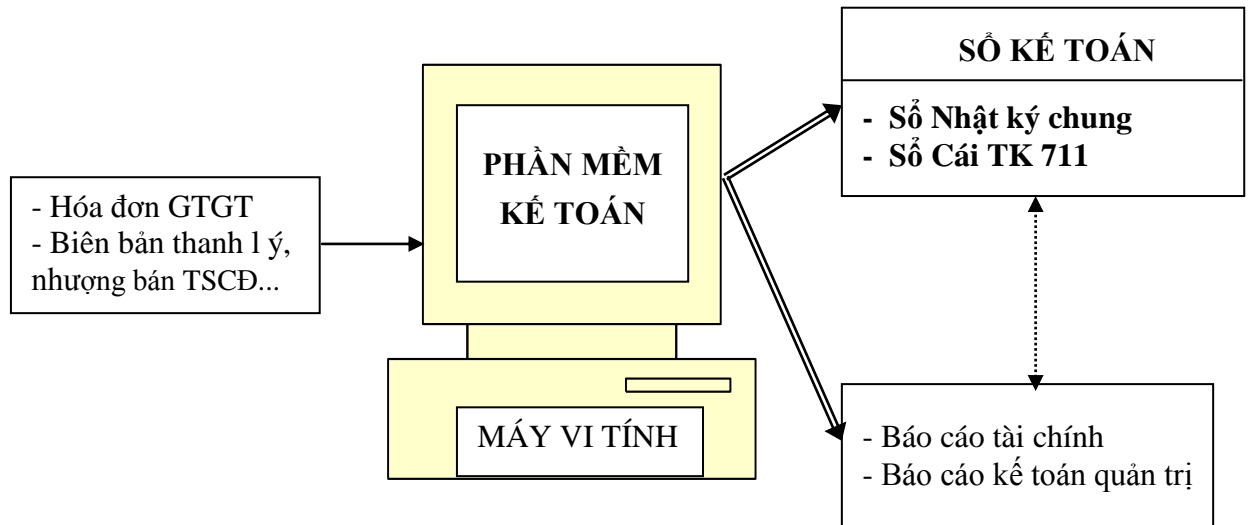
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 711

❖ *Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú:

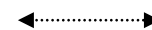
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

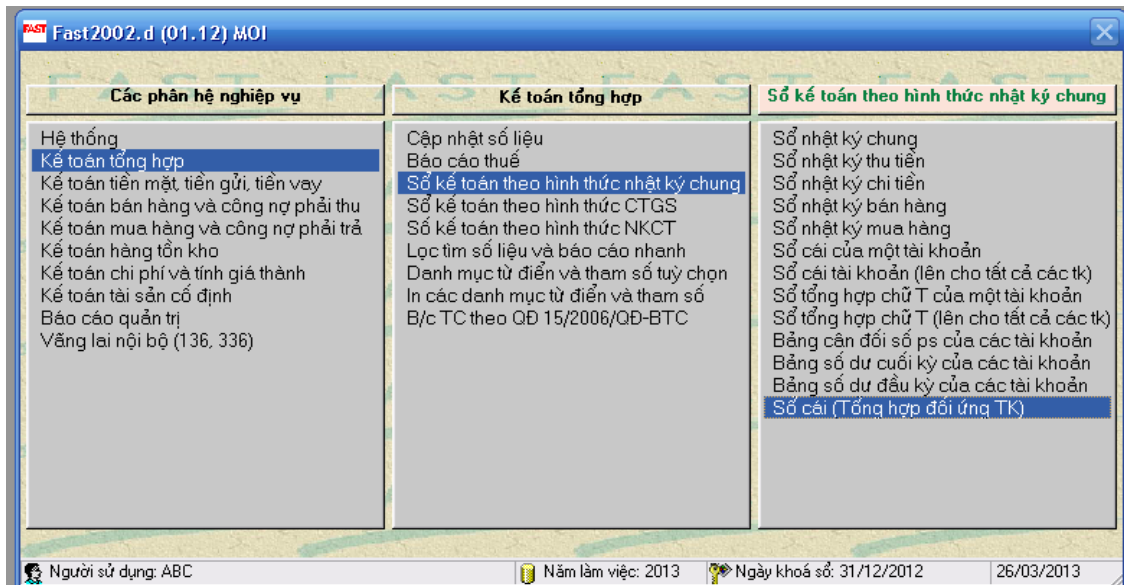


❖ ***Ví dụ:*** Ngày 15/12 công ty thanh lý một máy uôn ống, thu nhập từ thanh lý là 3.000.000 đồng (chưa VAT 10%), giá trị còn lại của TSCĐ là 5.695.117 đồng.

Căn cứ vào **Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 2.18)**, **Hóa đơn GTGT 0000279 (Biểu số 2.19)**, thủ quỹ vào máy lập **Phiếu thu (Biểu số 2.20)**, vào **sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21)** và **sổ Cái TK 711 (Biểu số 2.22)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 711



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH MTV xi măng Vicem HP
Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu 02 - TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Số 1/12

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số 1 ngày 15 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

I. BAN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GỒM

- Ông Lê Văn Thành chức vụ: Giám đốc Trưởng ban
- Ông Phạm Đăng Lợi chức vụ: Kế toán trưởng Ủy viên

II. TIẾN HÀNH THANH LÝ TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ **Máy uôn ống**
- Số hiệu TSCĐ 1.2.2.353
- Nước sản xuất(xây dựng): Nhật Bản
- Năm sản xuất: 2000
- Năm đưa vào sử dụng: 2004 Số thẻ TSCĐ: 15
- Nguyên giá TSCĐ: 20.680.258
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 14.985.141
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 5.695.117

III. KẾT LUẬN CỦA BAN THANH LÝ TSCĐ

Máy uôn ống đã lạc hậu không phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện tại bán thanh lý để mua máy mới.

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. KẾT QUẢ THANH LÝ TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ :
- Giá trị thu hồi: 3.300.000 (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.
- Đã ghi giảm thẻ TSCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2012

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: 0000279

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0200155219

Địa chỉ: TRÀNG KÊNH, THỊ TRẤN MINH ĐỨC, HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG

Điện thoại: 031.3875356

Fax: 031.3875356

Số tài khoản:..... Tại:.....

Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Kỳ

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Số TK:.....

| STT | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|-----|------------------------|-------------|----------|-----------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4x5 |
| 1 | Máy uốn ống (thanh lý) | cái | 1 | 3,000,000 | 3,000,000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Cộng tiền hàng: 3,000,000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 300,000

Tổng cộng tiền thanh toán: 3,300,000

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: Phiếu thu

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Số phiếu: 10
Tài khoản: 111
Tài khoản đối ứng: 711, 333

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người nộp: Bùi Văn Kỳ
Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Về khoản: Thanh lý máy uôn ống cũ ở xưởng cơ khí-động lực
Số tiền: **3.300.000 đồng**
Bằng chữ: *Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.*
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN THANH TOÁN

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn.*

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI NỘP

THỦ QUỸ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|----------------------------|-----------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi phí tiếp khách | | | 141 | 61,950,000 | |
| | | | | | | 111 | | 61,950,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 12/12 | GBC102 | 12/12 | Lãi tiền gửi Ngân hàng | | | 112 | 8,565,662 | |
| | | | | | | 515 | | 8,565,662 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | PT10 | 15/12 | Thu nhập từ thanh lý | | | 111 | 3,300,000 | |
| | | | | | | 711 | | 3,000,000 |
| | | | | | | 333 | | 300,000 |
| 15/12 | BBTL | 15/12 | Ghi giảm TSCĐ | | | 214 | 14,985,141 | |
| | | | | | | 811 | 5,695,117 | |
| | | | | | | 211 | | 20,680,258 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển thu nhập khác | | | 711 | 7,873,367,232 | |
| | | | | | | 911 | | 7,873,367,232 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22: Trích SỔ CÁI TK 711

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 711 - Thu nhập khác
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|-------------|--------------|------------------------------|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10/10 | PT08 | 10/10 | Thu nhập từ nhượng bán | 111 | | 6,500,000 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 15/12 | PT10 | 15/12 | Thu nhập từ thanh lý | 111 | | 3,000,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển thu nhập khác | 911 | 7,873,367,232 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 7,873,367,232 | 7,873,367,232 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KTTKTC
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng

2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Để phản ánh tình hình hiện có và biến động của hàng hoá cần xác định trị giá hàng nhập kho, xuất kho. Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ của công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

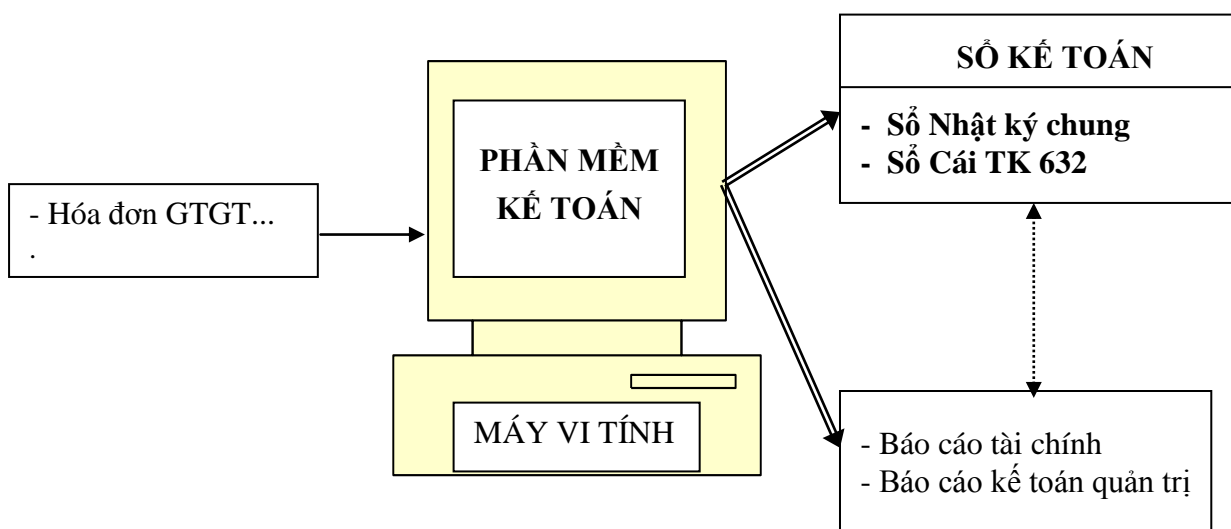
❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 632

❖ **Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:**

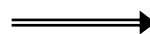


Ghi chú:

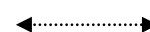
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

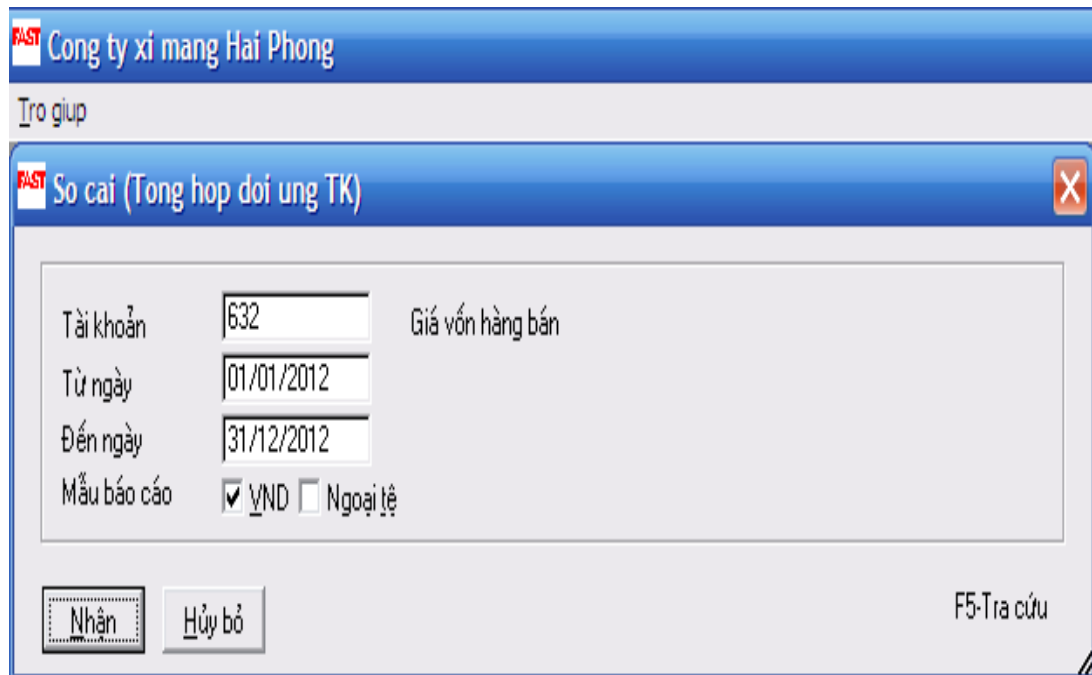
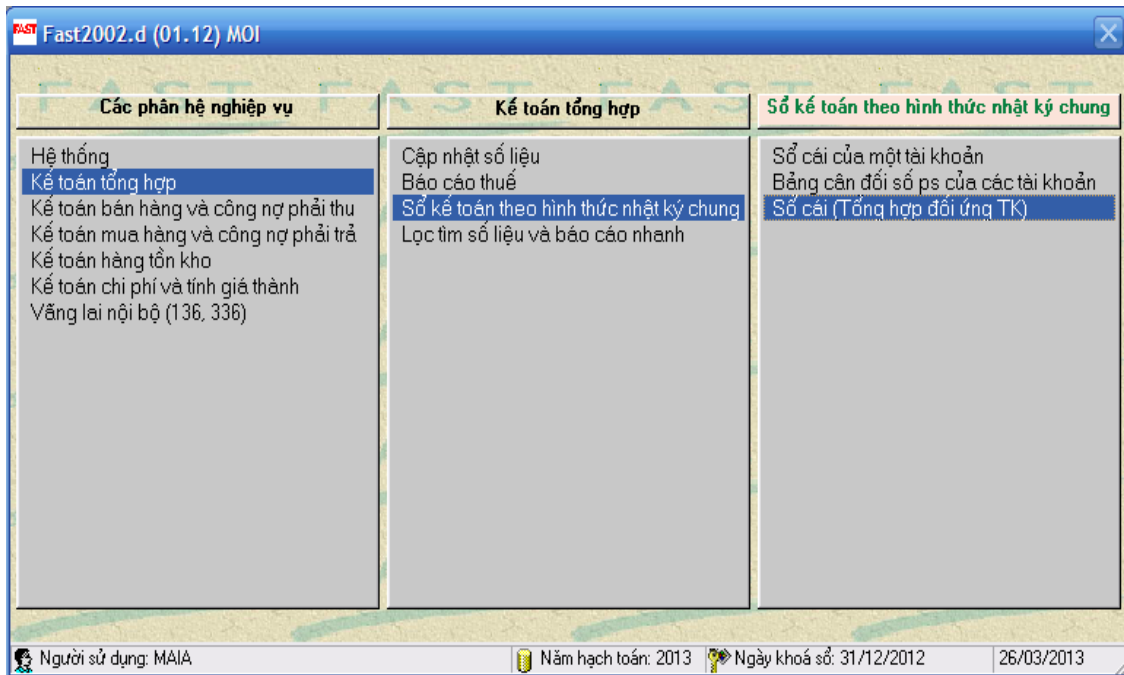


- ❖ **Ví dụ:** Ngày 06/12/2012, xuất bán xi măng bao đen PCB30 cho Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng số lượng 299 tấn, đơn giá 1.136.364 đồng/ tấn (chưa có VAT 10%), chưa thu tiền của Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng. Giá vốn của xi măng đen PCB30 là 845.807 đồng/ tấn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT 0000221 (Biểu số 2.23) lập Phiếu xuất kho (Biểu số 2.24), lên Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.25), Sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu số 2.26), Sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.27).

Màn hình nhập Sổ Cái TK 632



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24: Phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

Bộ phận:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Số: 09

Họ và tên người nhận hàng: Công ty CP phát triển kỹ thuật xây dựng

Địa chỉ: 243A La Thành - Đống Đa - Hà Nội

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: Thành phẩm

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

| Nợ | Có |
|-----|-----|
| 632 | 155 |

| STT | TÊN NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------------------|-----|----------|-----------|---------|--------------------|
| | | | Theo CT | Thực xuất | | |
| 1 | Xi măng bao đen PCB30 | Tấn | 299 | 299 | 845,807 | 252,896,293 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | Cộng | x | x | x | x | 252,896,293 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng chẵn

Ngày 06 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Phụ trách kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
 Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|------------|-------------|---|-----------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi phí tiếp khách | | | 141 | 61,950,000 | |
| | | | | | | 111 | | 61,950,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HD 0000221 | 06/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP PT kỹ thuật XD | | | 632 | 252,896,293 | |
| | | | | | | 155 | | 252,896,293 |
| | | | | | | 131 | 373,750,120 | |
| | | | | | | 511 | | 339,772,836 |
| | | | | | | 333 | | 33,977,284 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | PT10 | 15/12 | Thu nhập từ thanh lý | | | 111 | 3,300,000 | |
| | | | | | | 711 | | 3,000,000 |
| | | | | | | 333 | | 300,000 |
| 15/12 | BBTL | 15/12 | Ghi giảm TSCĐ | | | 214 | 14,985,141 | |
| | | | | | | 811 | 5,695,117 | |
| | | | | | | 211 | | 20,680,258 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển GVHB | | | 911 | 1,368,842,907,367 | |
| | | | | | | 632 | | 1,368,842,907,367 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỐ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.26: Trích Sổ chi tiết tài khoản 632

**TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG**

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 632261 - Giá vốn xi măng bột PCB30
Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Số dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|----------|------|------------------------------------|-----------------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | PX09 | Công ty CP phát triển kỹ thuật XD | Xuất bán thành phẩm | 155 | 252,896,293 | |
| 06/12 | PX10 | Công ty CP LILAMA | Xuất bán thành phẩm | 155 | 131,100,085 | |
| 06/12 | PX11 | Công ty TNHH Quyết Tiến | Xuất bán thành phẩm | 155 | 202,993,680 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 18/12 | PX74 | Công ty TNHH MTV xây lắp sông Hồng | Xuất bán thành phẩm | 155 | 263,045,977 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 17,013,407,805 |
| | | | Tổng cộng | | 17,013,407,805 | 17,013,407,805 |

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

Nguyễn Thị Thu Trang

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27: Trích SỔ CÁI TK 632

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|-------------|--------------|----------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10/10 | PX10 | 10/10 | Xuất bán thành phẩm | 155 | 1,319,970,906 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 09/11 | PX14 | 09/11 | Xuất bán thành phẩm | 155 | 847,684,215 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | PX09 | 06/12 | Xuất bán thành phẩm | 155 | 252,896,293 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển GVHB | 911 | | 1,368,842,907,367 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng phát sinh | | 1,368,842,907,367 | 1,368,842,907,367 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính của công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng bao gồm:

- Trả lãi tiền vay vốn
- Chiết khấu thanh toán dành của khách hàng.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 635 “Chi phí tài chính” trong đó:

- TK 6351 “Chi phí lãi vay”
- TK 6352 “Chiết khấu thanh toán của khách hàng”

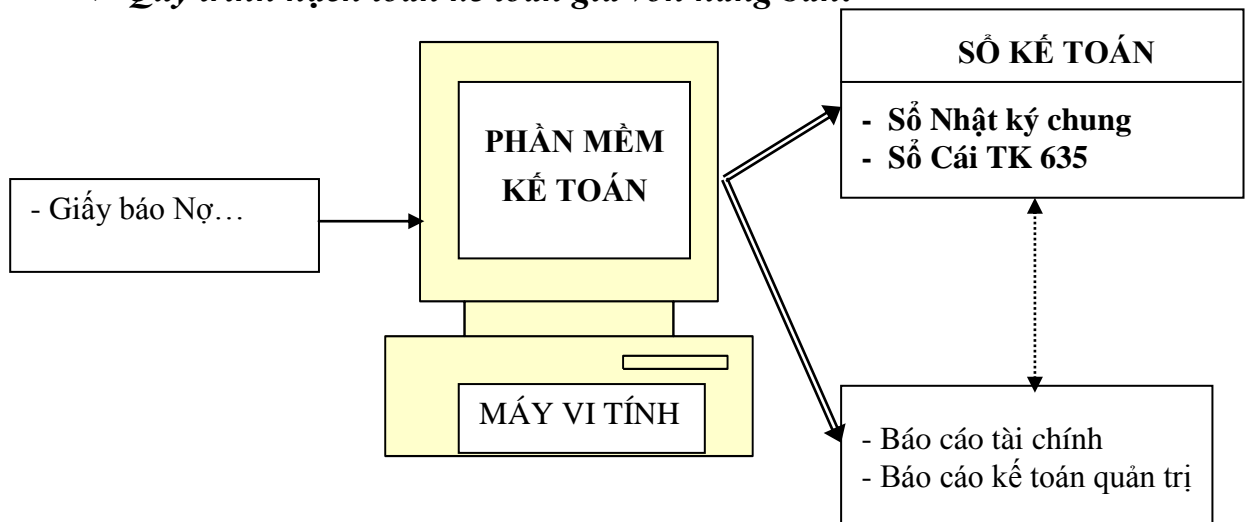
❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Nợ
- Phiếu Chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng:

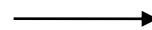
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635

❖ Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:

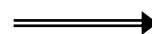


Ghi chú:

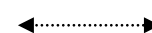
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ ***Ví dụ:*** Ngày 19/12/2012 công ty trả lãi tiền vay Ngân hàng TMCP Á Châu Hải Phòng số tiền 25.000.000 đồng.

Kế toán nhận được **Giấy báo Nợ (Biểu số 2.28)** của Ngân hàng thông báo về khoản tiền mà công ty đã trả. Kế toán căn cứ vào Giấy báo Nợ nhập số liệu vào phần mềm máy tính. Theo chương trình được cài đặt sẵn, phần mềm máy tính xử lý dữ liệu vào **Sổ Nhật ký Chung (Biểu số 2.29)**, **Sổ Cái TK 635 (Biểu số 2.30)** và các sổ khác có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

***Biểu số 2.28:* Giấy báo Nợ**
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
HẢI PHÒNG

Mã GDV:

Mã KH:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Kính gửi công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: **TK 3407719**

Số tiền bằng số: **25,000,000**

Số tiền bằng chữ: **Hai mươi năm triệu đồng chẵn.**

Nội dung: Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng trả
lãi tiền vay.

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

Mẫu số S03a-DN

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|---------------|-------------|---|-----------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 04/10 | PC02 | 04/10 | Tạm ứng chi phí tiếp khách | | | 141 | 61,950,000 | |
| | | | | | | 111 | | 61,950,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/12 | HD 0000221 | 06/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP PT kỹ thuật XD | | | 632 | 252,896,293 | |
| | | | | | | 155 | | 252,896,293 |
| | | | | | | 131 | 373,750,120 | |
| | | | | | | 511 | | 339,772,836 |
| | | | | | | 333 | | 33,977,284 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | HD 0000278 | 15/12 | Xuất bán thành phẩm cho Công ty CP XM Vicem Bút | | | 632 | 131,100,085 | |
| | | | | | | 155 | | 131,100,085 |
| | | | | | | 112 | 256,099,844 | |
| | | | | | | 511 | | 232,818,040 |
| | | | | | | 333 | | 23,281,804 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 19/12 | GBC21 | 19/12 | Công ty CP PT kỹ thuật XD thanh toán tiền hàng | | | 112 | 373,750,120 | |
| | | | | | | 131 | | 373,750,120 |
| 19/12 | GBN68 | 19/12 | Trả lãi tiền vay | | | 635 | 25,000,000 | |
| | | | | | | 112 | | 25,000,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP tài chính | | | 911 | 118,455,868,008 | |
| | | | | | | 635 | | 118,455,868,008 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30: Trích SỔ CÁI TK 635

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|--------------|----------------|----------------------------|----------------|------------------------|------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu tháng | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | GBN24 | 25/10 | Trả lãi tiền vay ngân hàng | 112 | 131,265,685 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 19/12 | GBN68 | 19/12 | Chi phí lãi vay | 112 | 25,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 22/12 | GBN20 | 22/12 | Trả lãi tiền vay ngân hàng | 112 | 64,906,700 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP tài chính | 911 | | 118,455,868,008 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng số phát sinh | | 118,455,868,008 | 118,455,868,008 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.3.3. *Kế toán chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng tại Công ty là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chủ yếu sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, các khoản trích theo lương...)
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ đồ dùng khâu bán hàng
- Chi phí KHCB, sửa chữa TSCĐ khâu bán hàng
- Chi phí bảo hành
- Chi phí DV mua ngoài khâu bán hàng
- Chi phí bán hàng khác như: chi phí tiếp khách, chi phí quảng cáo,...

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 641 “Chi phí bán hàng” trong đó:

- TK 6411 “Chi phí nhân viên”
- TK 6412 “Chi phí vật liệu, bao bì”
- TK 6413 “Chi phí dụng cụ đồ dùng khâu bán hàng”
- TK 6414 “Chi phí KHCB, sửa chữa TSCĐ khâu bán hàng”
- TK 6415 “Chi phí bảo hành”
- TK 6417 “Chi phí DV mua ngoài khâu bán hàng”
- TK 6418 “Chi phí bán hàng khác”

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

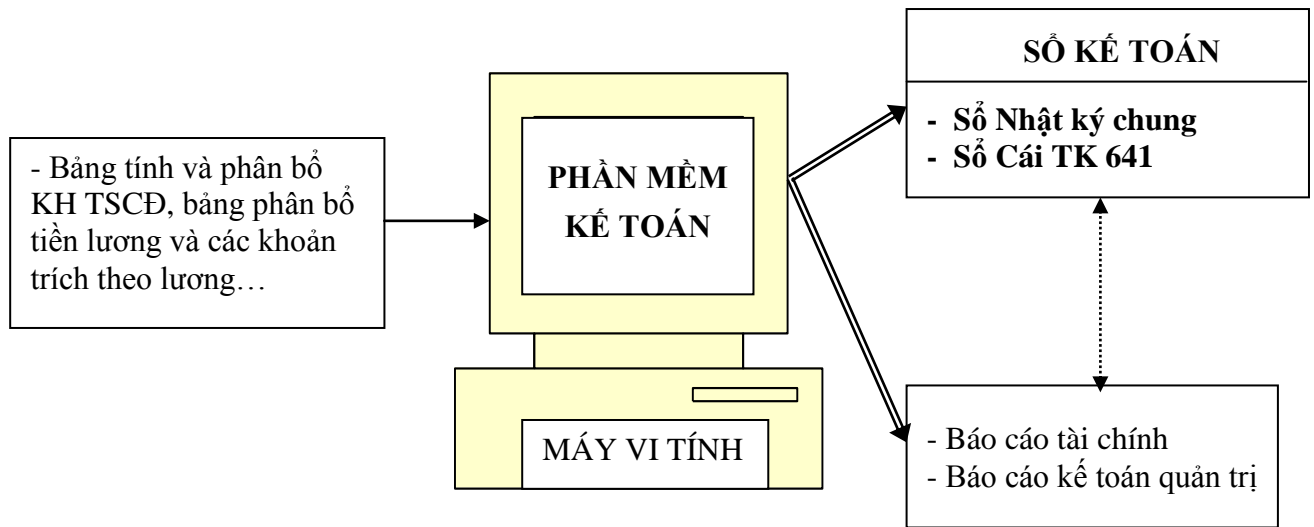
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu Chi, ...

❖ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 641

❖ *Quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng:*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

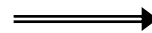


Ghi chú:

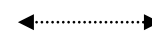
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

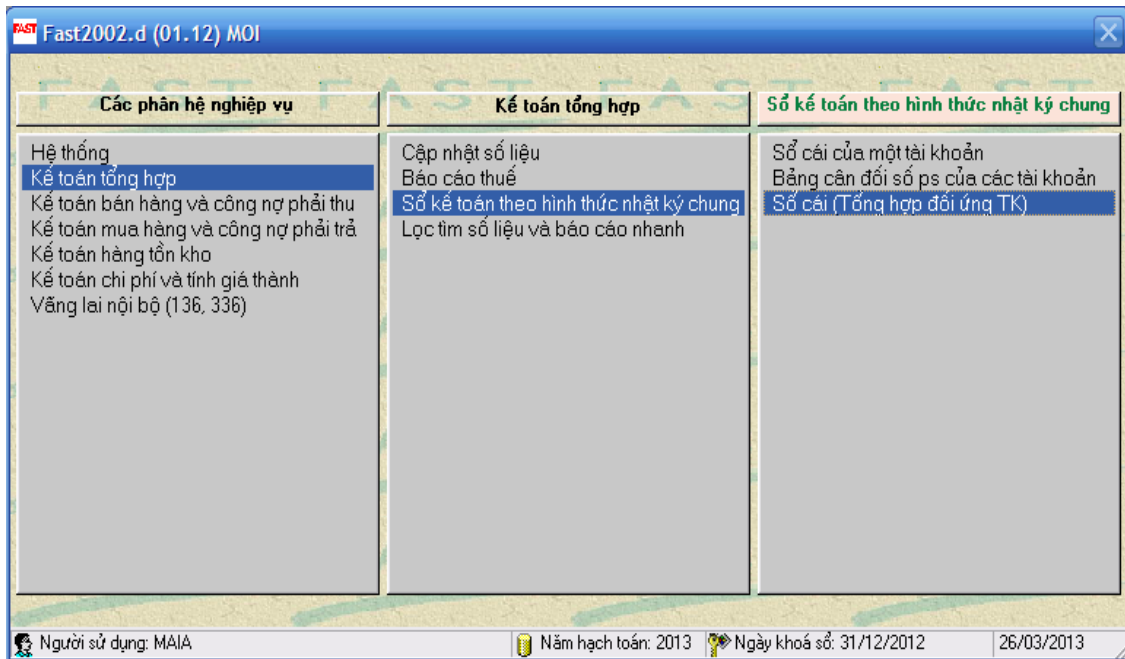


❖ ***Ví dụ:*** Ngày 25/12/2012, công ty chi tiếp khách ở bộ phận bán hàng 1.100.000 đồng, nhận **hóa đơn GTGT số 0000067 (Biểu số 2.31)** ngày 25/12/2012 đã trả bằng tiền mặt cho toàn bộ số tiền nêu trên bao gồm thuế GTGT.

Kế toán công ty căn cứ vào Hóa đơn GTGT thực hiện lập **Phiếu Chi (Biểu số 2.32)**, vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.33)**, **Sổ Cái TK 641 (Biểu số 2.34)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 641



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.31: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: PE/12P

Số: 0000067

Đơn vị bán hàng: **Nhà hàng Gia Viên**

Mã số thuế:

Địa chỉ: **2B Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng**

Điện thoại: **031.3842908**

Fax:.....

Tài khoản:..... Tại:.....

Họ tên người mua hàng: **Mai Phương Thảo**

Tên đơn vị: **Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng**

Mã số thuế: **0200155219**

Địa chỉ: **Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng**

Hình thức thanh toán: TM

Số TK:.....

| STT | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|-----|--------------------------|-----------|-------------|------------|------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | Chi tiếp khách | | | 1,000,000 | 1,000,000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Cộng tiền hàng: 1,000,000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 100,000

Tổng cộng tiền thanh toán: 1,100,000

Số tiền viết bằng chữ: **Một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.**

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.32: Phiếu chi

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Số phiếu: 30
Tài khoản: 641
Tài khoản đối ứng: 111

PHIẾU CHI

Ngày: 25/12/2012

Người nhận tiền: Mai Phương Thảo

Địa chỉ:

Về khoản: Chi tiếp khách.

Số tiền: 1.100.000 đồng

Bằng chữ: Một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN THANH TOÁN

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

THỦ QUỸ

NGƯỜI NHẬN TIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.33: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG **Năm 2012**

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|-----------------------------------|-----------|----------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10/10 | UNC26 | 10/10 | Lãi TGNG có kỳ hạn 1 tuần | | | 112 515 | 5,833,333 | 5,833,333 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 01/11 | PN01 | 01/11 | Nhập kho TP từ SX | | | 155 154 | 1,996,396,372 | 1,996,396,372 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/11 | PKT | 30/11 | Chi tiền lương nhân viên bán hàng | | | 641 334 | 258,422,796 | 258,422,796 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/12 | PC30 | 25/12 | Chi tiếp khách | | | 641 133 111 | 1,000,000 100,000 | 1,100,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP bán hàng | | | 911 641 | 128,920,580,800 | 128,920,580,800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.34: Trích SỔ CÁI TK 641

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|-------------|----------------|------------------------------|----------------|------------------------|------------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/10 | PX10 | 15/10 | Xuất NL phục vụ cho bán hàng | 152 | 1,280,552 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/10 | PKT | 31/10 | Hao mòn tài sản cố định | 214 | 76,913,618 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/11 | PKT | 30/11 | Chi tiền lương NV bán hàng | 334 | 258,422,796 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/12 | PC30 | 25/12 | Chi tiếp khách | 111 | 1,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP bán hàng | 911 | | 128,920,580,800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng số phát sinh | | 128,920,580,800 | 128,920,580,800 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty bao gồm:

- Chi phí quản lý nhân viên
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ khâu QLDN
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khâu QLDN
- Chi phí bằng tiền khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong đó:

- + TK 6421 “Chi phí quản lý nhân viên”
- + TK 6422 “Chi phí vật liệu quản lý”
- + TK 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- + TK 6424 “Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ khâu QLDN”
- + TK 6425 “Thuế, phí và lệ phí”
- + TK 6426 “Chi phí dự phòng”
- + TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài khâu QLDN”
- + TK 6428 “Chi phí bằng tiền khác”

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

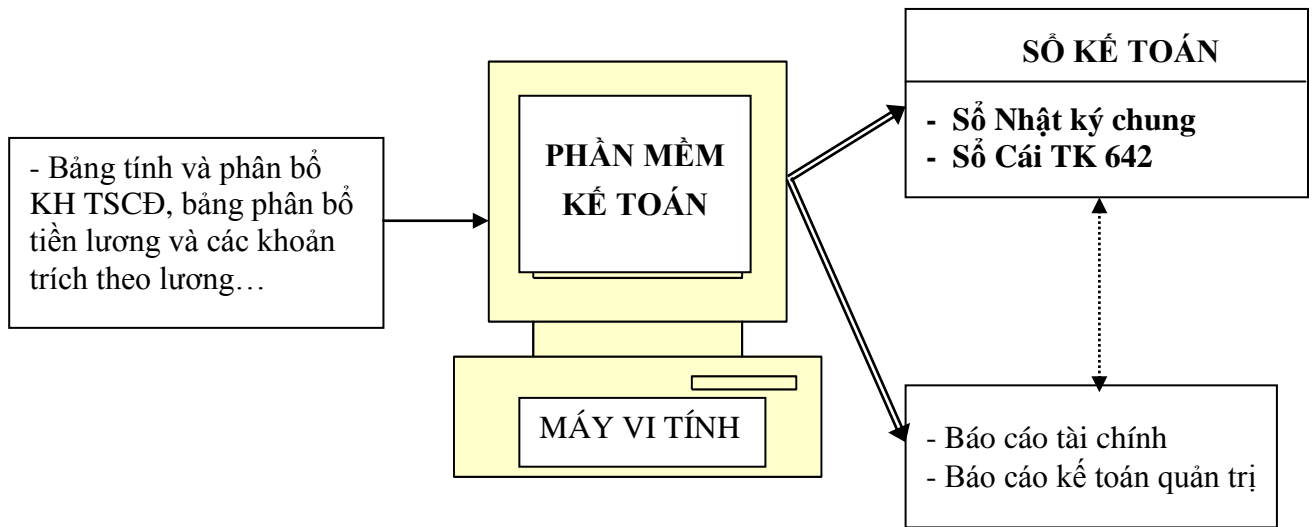
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu Chi,...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 642

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

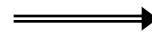


Ghi chú:

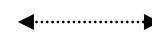
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



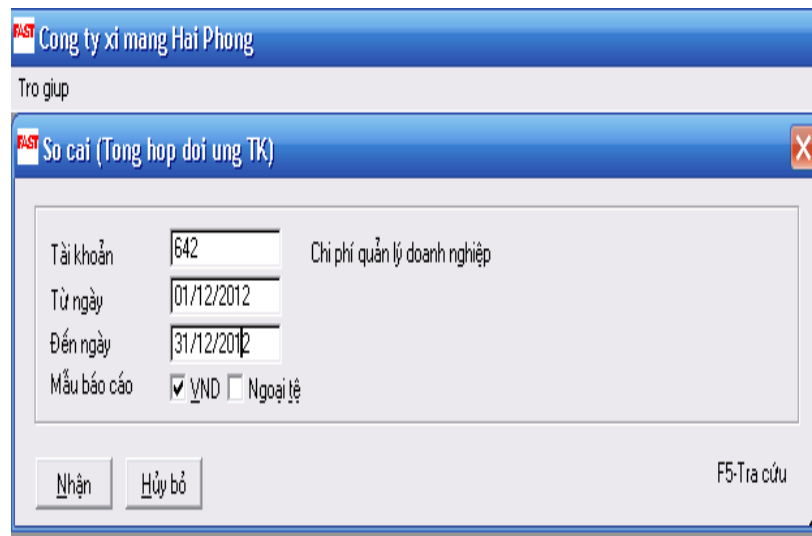
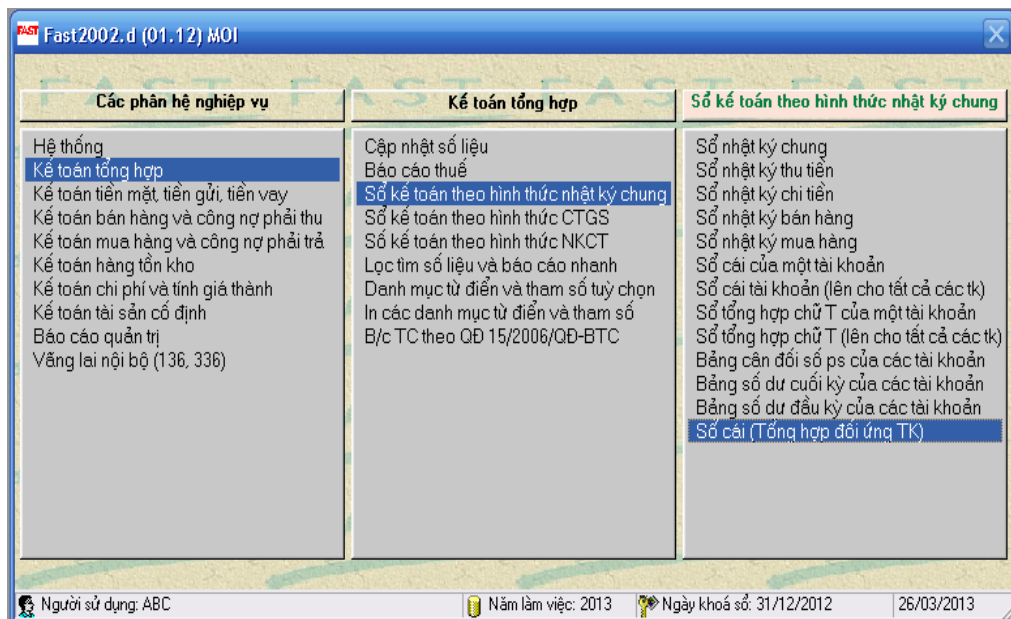
Đối chiếu, kiểm tra



❖ **Ví dụ:** Căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2012, kế toán tính tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho bộ máy quản lý ở doanh nghiệp và trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tiền lương nhân viên quản lý theo quy định.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 642



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.35 : Trích Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2012

| STT | Đối tượng sử dụng (ghi Nợ các TK) | TK 334 - Phải trả người lao động | | | | TK 338 - Phải trả, phải nộp khác | | | | |
|----------|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|----------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| | | Lương chính | Lương phụ | Khoản khác | Cộng Có TK 334 | KPCĐ (3382) | BHXH (3383) | BHYT (3384) | BHTN (3389) | Cộng Có TK 338 |
| 1 | TK 622 | 724,560,388 | 120,544,622 | 21,793,400 | 866,898,410 | 17,337,968 | 138,703,746 | 26,006,952 | 8,668,984 | 190,717,650 |
| | Xưởng mỏ | 28,976,542 | 28,456,123 | 8,630,103 | 66,062,768 | 1,321,255 | 10,570,043 | 1,981,883 | 660,628 | 14,533,809 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 2 | TK 627 | 700,524,138 | 115,864,799 | 23,591,987 | 839,980,924 | 16,799,618 | 134,396,948 | 25,199,428 | 8,399,809 | 184,795,803 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 3 | TK 641 | 118,945,688 | 120,422,534 | 29,114,564 | 268,482,786 | 5,369,656 | 42,957,246 | 8,054,484 | 2,684,828 | 59,066,213 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 4 | TK 642 | 285,499,568 | 134,766,522 | 27,689,324 | 447,955,414 | 8,959,108 | 71,672,866 | 13,438,662 | 4,479,554 | 98,550,191 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 5 | TK 334 | | | | | | 110,522,488 | 24,522,866 | 18,784,112 | 153,829,466 |
| | Cộng | 1,829,529,782 | 491,598,477 | 102,189,275 | 2,423,317,534 | 48,466,351 | 498,253,293 | 97,222,392 | 43,017,287 | 686,959,323 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.36: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
 Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|------------------------------------|-------------|-----------------------------------|-----------|----------|--------------------------|--------------------------|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10/10 | UNC26 | 10/10 | Lãi TGNG có kỳ hạn 1 tuần | | | 112 515 | 5,833,333 | 5,833,333 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 01/11 | PN01 | 01/11 | Nhập kho TP từ SX | | | 155 154 | 1,996,396,372 | 1,996,396,372 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/11 | PKT | 30/11 | Chi tiền lương nhân viên bán hàng | | | 641 334 | 258,422,796 | 258,422,796 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | BPBTL & các khoản trích theo lương | 31/12 | Chi tiền lương nhân viên QLDN | | | 642 334 642 338 | 447,955,414 | 447,955,414 98,550,191 98,550,191 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP QLDN | | | 911 642 | 71,254,851,876 | 71,254,851,876 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.37: Trích SỔ CÁI TK 642

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|----------|----------------|---|----------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 07/10 | PC17 | 07/10 | Công tác phí | 111 | 1,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 06/11 | PC31 | 06/11 | Thanh toán kinh phí s/c khu nhà vệ sinh văn phòng và nhà ăn cty | 111 | 10,677,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | BPBTL | 31/12 | Chi phí tiền lương nhân viên QLDN | 334 | 447,955,414 | |
| | | | | 338 | 98,550,191 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLDN | 911 | | 71,254,851,876 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng số phát sinh | | 71,254,851,876 | 71,254,851,876 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.3.5. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ Tài khoản sử dụng:

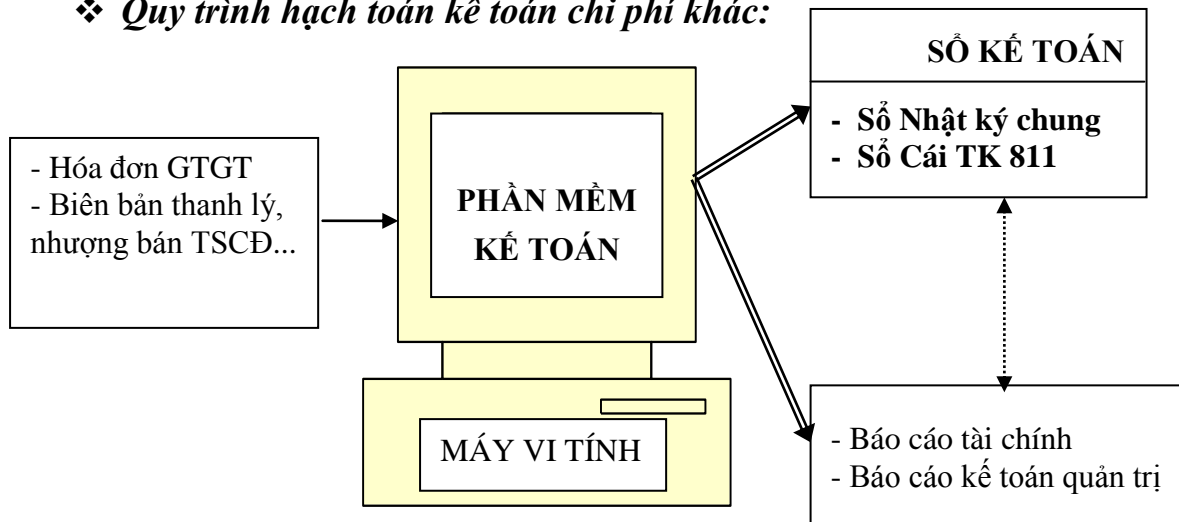
TK 811 “Chi phí khác” trong đó:

- TK 8111 “Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản”
- TK 8112 “Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế”
- TK 8113 “Bị phạt thuế, truy nộp thuế”
- TK 8115 “Chi phí tiêu thụ các loại phế liệu, phế phẩm”
- TK 8116 “Chi thưởng cho khách hàng”
- TK 8117 “KH TSCĐ chưa dùng, không dùng, hư hỏng thanh lý”
- TK 8118 “Các khoản chi bỏ sót từ năm trước”
- TK 8119 “Chi phí khác”

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ...

❖ Quy trình hạch toán kế toán chi phí khác:

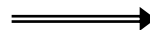


Ghi chú:

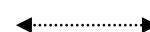
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



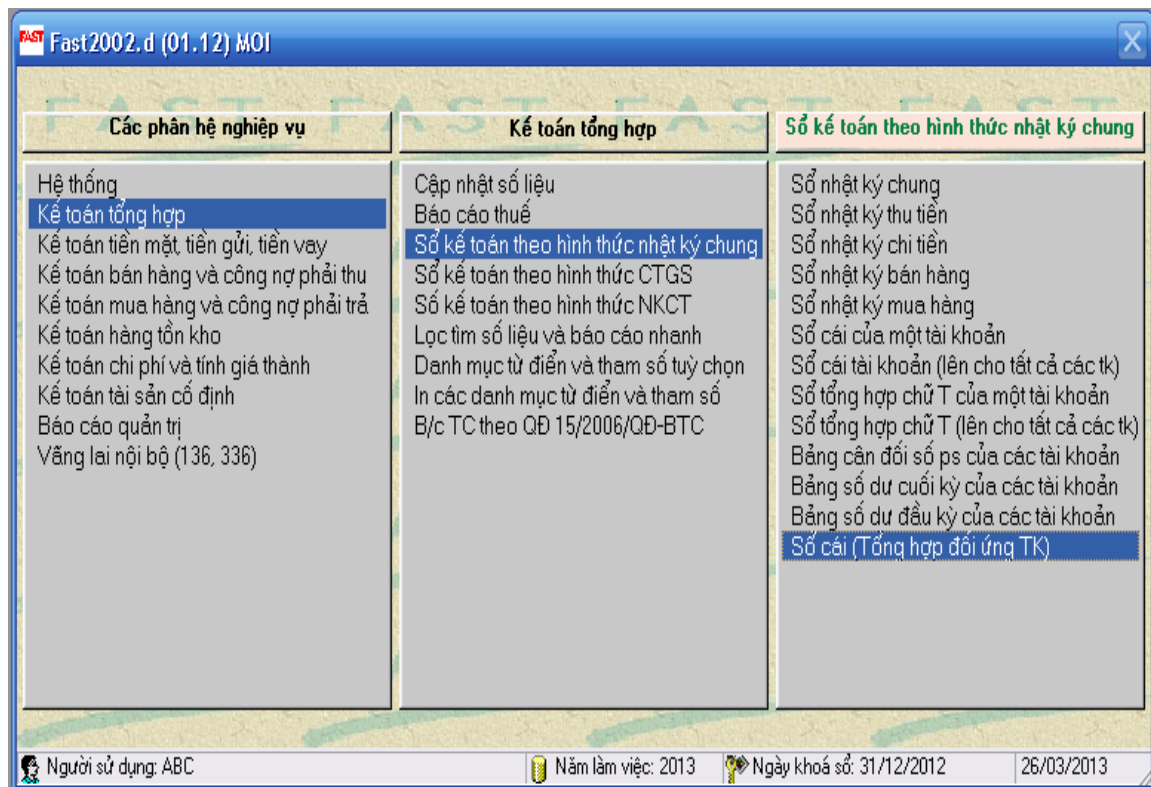
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Ví dụ:* Ngày 15/12 công ty thanh lý một máy uốn ống, thu nhập từ thanh lý là 3.000.000 đồng (chưa VAT 10%), giá trị còn lại của TSCĐ là 5.695.117 đồng.

Căn cứ vào **Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 2.38)**, kế toán vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.39)**, **Sổ Cái (Biểu số 2.40)**.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình nhập vào Sổ Cái TK 811



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.38: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH MTV xi măng Vicem HP
Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu 02 - TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Số 1/12

Nợ:

Có:

Căn cứ quyết định số 1 ngày 15 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

V. BAN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GỒM

- Ông Lê Văn Thành chức vụ: Giám đốc Trưởng ban
- Ông Phạm Đăng Lợi chức vụ: Kế toán trưởng Ủy viên

VI. TIẾN HÀNH THANH LÝ TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ **Máy uôn ống**
- Số hiệu TSCĐ 1.2.2.353
- Nước sản xuất(xây dựng): Nhật Bản
- Năm sản xuất: 2000
- Năm đưa vào sử dụng: 2004 Số thẻ TSCĐ: 15
- Nguyên giá TSCĐ: 20.680.258
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 14.985.141
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 5.695.117

VII. KẾT LUẬN CỦA BAN THANH LÝ TSCĐ

Máy uôn ống đã lạc hậu không phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện tại bán thanh lý để mua máy mới.

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

VIII. KẾT QUẢ THANH LÝ TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ :
- Giá trị thu hồi: 3.300.000 (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.
- Đã ghi giảm thẻ TSCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2012

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.39: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT đồng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|------------------------------------|-----------|----------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 07/10 | PC18 | 07/10 | Công tác phí | | | 642 111 | 1,140,000 | 1,140,000 |
| 07/10 | PC19 | 07/10 | Tạm ứng CP mua vật tư | | | 141 111 | 1,700,000 | 1,700,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/11 | PX170 | 25/11 | Xuất thạch cao cho SX xi măng PC40 | | | 621 152 | 145,268,514 | 145,268,514 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | PT10 | 15/12 | Thu nhập từ thanh lý | | | 111 711 333 | 3,300,000 | 3,000,000 300,000 |
| 15/12 | BBTL | 15/12 | Ghi giảm TSCĐ | | | 214 811 211 | 14,985,141 5,695,117 | 20,680,258 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển CP khác | | | 911 811 | 2,828,709,356 | 2,828,709,356 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Lê Văn Thành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.40: Trích SỔ CÁI TK 811

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 811 - Chi phí khác
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|--------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/11 | PC33 | 25/11 | Chi phí từ thanh lý | 111 | 4,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 15/12 | BBTL | 15/12 | Ghi giảm TSCĐ | 211 | 5,695,117 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | | 2,828,709,356 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng số phát sinh | | 2,828,709,356 | 2,828,709,356 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

2.2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ là phần lợi ích mà doanh nghiệp nhận được hoặc tổn thất mà doanh nghiệp phải gánh chịu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí tương ứng của doanh nghiệp trong kỳ đó:

$$\text{Kết quả HĐKD} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí}$$

Công ty thực hiện xác định kết quả vào cuối mỗi tháng. Khi có các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng phát sinh, kế toán tiến hành ghi sổ, kết chuyển xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911, kết chuyển doanh thu bán hàng, thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính vào bên Có TK 911 để xác định lãi lỗ.

Phần chênh lệch giữa bên Có và bên Nợ TK 911 sẽ được chuyển sang TK 421.

❖ Tài khoản sử dụng:

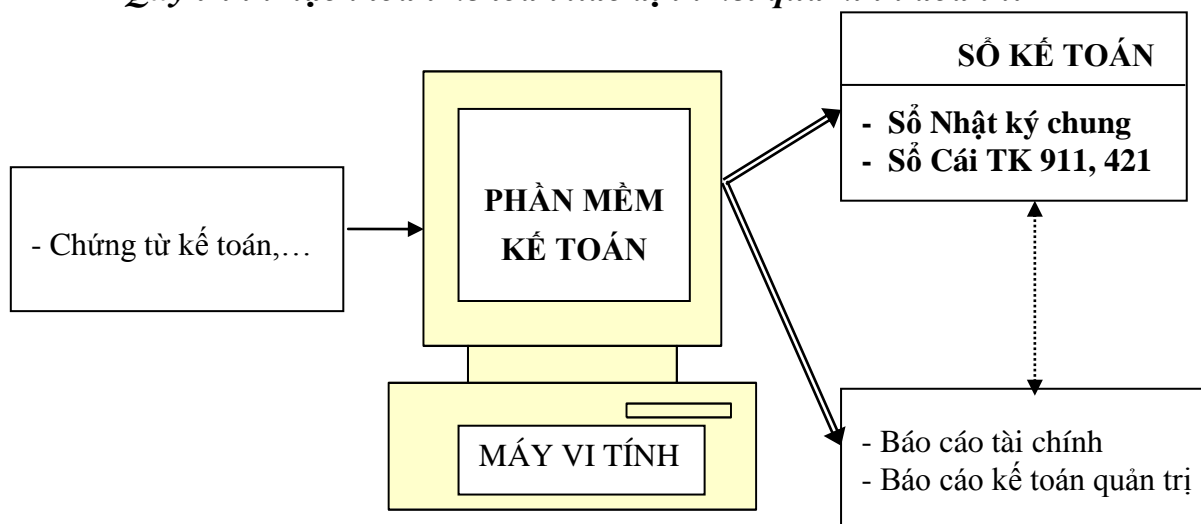
TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 911, Sổ Cái TK 421

❖ Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh:



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

❖ **Ví dụ:** Trích số liệu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012:

- + Doanh thu thuần: 1,698,524,698,366 đồng
- + Chiết khấu thương mại: 2,397,603,624 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 408,266,800 đồng
- + Doanh thu hoạt động tài chính: 2,133,699,692 đồng
- + Thu nhập khác: 7,873,367,232 đồng
- + Giá vốn hàng bán: 1,368,842,907,367 đồng
- + Chi phí tài chính: 118,455,868,008 đồng
- + Chi phí bán hàng: 128,920,580,800 đồng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 71,254,851,876 đồng
- + Chi phí khác: 2,828,709,356 đồng

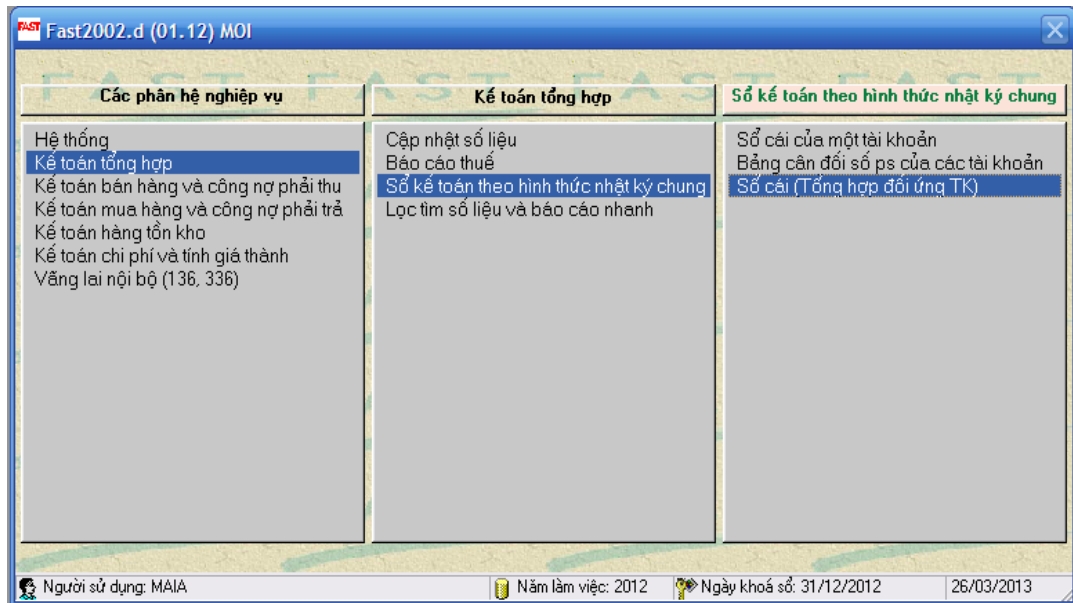
Từ đó, kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2012. Kế toán lập **Phiếu kế toán (Biểu số 2.41, Biểu số 2.42, Biểu số 2.43, Biểu số 2.44)**, rồi vào **Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.45), Sổ Cái TK 911 (Biểu số 2.46), Sổ Cái TK 821 (Biểu số 2.47), Sổ Cái TK 421 (Biểu số 2.48)**.

Màn hình đăng nhập vào phiếu kế toán



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình đăng nhập vào Sổ Cái TK 911, Sổ Cái TK 421



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.41: Phiếu kế toán

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số phiếu: PKT367

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|----------------------------------|-------|-------|----------------------|
| 1 | Kết chuyển chiết khấu thương mại | 521 | 511 | 2,397,603,624 |
| 2 | Kết chuyển hàng bán bị trả lại | 531 | 511 | 408,266,800 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | Tổng cộng | | | 2,805,870,424 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

Biểu số 2.42: Phiếu kế toán

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
MST: 0200155219

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số phiếu: PKT368

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|--|-------|-------|--------------------------|
| 1 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | 911 | 1,695,718,827,942 |
| 2 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 2,133,699,692 |
| 3 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | 911 | 7,873,367,232 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Tổng cộng | | | 1,705,725,894,866 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

.....

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.43: Phiếu kế toán

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

MST: 0200155219

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số phiếu: PKT369

| STT | Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|-----|---|-------|-------|--------------------------|
| 1 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 1,368,842,907,367 |
| 2 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | 641 | 128,920,580,800 |
| 3 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 635 | 118,455,868,008 |
| 4 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | 642 | 71,254,851,876 |
| 5 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | 811 | 2,828,709,356 |
| 6 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 3,855,744,365 |
| 7 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | 911 | 421 | 11,567,233,094 |
| | Tổng cộng | | | 1,705,725,894,866 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

Biểu số 2.44: Phiếu kế toán

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

MST: 0200155219

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số phiếu: PKT370

| Nội dung | TK Nợ | TK Có | Số tiền |
|------------------------------|-------|-------|----------------------|
| Chi phí thuế TNDN | 821 | 333 | 3,855,744,365 |
| Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 3,855,744,365 |
| | | | |
| | | | |
| Tổng cộng | | | 7,711,488,730 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.45: Trích Sổ Nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

Mẫu số S03a-DN

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | SH TK | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|--------------------------|-----------|----------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | Số TT chuyển sang | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển DT | | | 511 | 1,698,524,698,366 | |
| | | | | | | 911 | | 1,698,524,698,366 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển CKTM | | | 521 | 2,397,603,624 | |
| | | | | | | 511 | | 2,397,603,624 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển HBBTL | | | 531 | 408,266,800 | |
| | | | | | | 511 | | 408,266,800 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển DTTC | | | 515 | 2,133,699,692 | |
| | | | | | | 911 | | 2,133,699,692 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển TN khác | | | 711 | 7,873,367,232 | |
| | | | | | | 911 | | 7,873,367,232 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển GVHB | | | 911 | 1,368,842,907,367 | |
| | | | | | | 632 | | 1,368,842,907,367 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển CPTC | | | 911 | 118,455,868,008 | |
| | | | | | | 635 | | 118,455,868,008 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển CPBH | | | 911 | 128,920,580,800 | |
| | | | | | | 641 | | 128,920,580,800 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển CPQL | | | 911 | 71,254,851,876 | |
| | | | | | | 642 | | 71,254,851,876 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển CP khác | | | 911 | 2,828,709,356 | |
| | | | | | | 811 | | 2,828,709,356 |
| 31/12 | PKT367 | 31/12 | Chi phí thuế TNDN | | | 821 | 3,855,744,365 | |
| | | | | | | 333 | | 3,855,744,365 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển CP thuế TNDN | | | 911 | 3,855,744,365 | |
| | | | | | | 821 | | 3,855,744,365 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Xác định KQKD | | | 911 | 11,567,233,094 | |
| | | | | | | 421 | | 11,567,233,094 |
| | | | Tổng cộng | | | | 3,550,899,688,700 | 3,550,899,688,700 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.46: Trích SỔ CÁI TK 911

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|--------------------------------|----------|--------------------------|--------------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | | 1,695,718,827,942 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu tài chính | 515 | | 2,133,699,692 |
| 31/12 | PKT368 | 31/12 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | | 7,873,367,232 |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 1,368,842,907,367 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 635 | 118,455,868,008 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 641 | 128,920,580,800 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLDN | 642 | 71,254,851,876 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển chi phí khác | 811 | 2,828,709,356 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | 3,855,744,365 | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Xác định KQKD | 421 | 11,567,233,094 | |
| | | | Tổng số phát sinh | | 1,705,725,894,866 | 1,705,725,894,866 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.47: Trích SỔ CÁI TK 821

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|----------|----------------|------------------------------|----------------|----------------------|----------------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT370 | 31/12 | Chi phí thuế TNDN | 333 | 3,855,744,365 | |
| 31/12 | PKT370 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | | 3,855,744,365 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | Tổng số phát sinh | | 3,855,744,365 | 3,855,744,365 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.48: Trích SỔ CÁI TK 421

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG
Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|----------|----------------|------------------------|----------------|---------|----------------|
| | SH | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | 10,630,164,965 |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT369 | 31/12 | Kết chuyển LN sau thuế | 911 | - | 11,567,233,094 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | Tổng số phát sinh | | - | 11,567,233,094 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | - | 22,197,398,059 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

.....

Nguyễn Thị Thu Trang

Phạm Đăng Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TÔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.25 | 1,698,524,698,366 | 1,374,470,689,256 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 2,805,870,424 | 2,180,268,866 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 1,695,718,827,942 | 1,371,990,420,390 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.27 | 1,368,842,907,367 | 1,063,836,805,499 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 326,875,920,575 | 308,153,614,891 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.26 | 2,133,699,692 | 2,015,331,871 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.28 | 118,455,868,008 | 99,434,663,259 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 6,291,117,548 | 8,479,688,766 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 128,920,580,800 | 155,899,645,688 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 71,254,851,876 | 46,868,707,063 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 + (21 -22) - (24 + 25)} | 30 | | 10,378,319,583 | 7,965,930,752 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 7,873,367,232 | 7,430,288,567 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2,828,709,356 | 1,222,666,033 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32) | 40 | | 5,044,657,876 | 6,207,622,534 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 +40) | 50 | | 15,422,977,459 | 14,173,553,286 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.30 | 3,855,744,365 | 3,543,388,322 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.30 | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 11,567,233,094 | 10,630,164,965 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | | |

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Phạm Đăng Lợi

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Lê Văn Thành

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng

3.1.1. Ưu điểm

* Thứ nhất, về bộ máy quản lý:

Công ty có một bộ máy quản lý chặt chẽ từ cấp cao cho đến các bộ phận nhỏ nhất, đảm bảo được chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận. Bộ máy quản lý chặt chẽ của công ty là giữa các phòng ban giữa các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc. Các phòng ban, bộ phận trong công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy móc và các phương tiện vật chất hỗ trợ nên năng suất lao động của nhân viên rất cao. Việc phân công, phân nhiệm, điều lệ chặt chẽ đã khiến cho nhân viên trong công ty làm việc nghiêm túc với ý thức chấp hành tốt các quy định của công ty. Đồng thời bộ máy kiểm soát của công ty cũng làm việc có hiệu quả cao, phát hiện được những sai sót trong hoạt động của công ty để báo cáo lên cấp trên và có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

* Thứ hai, về bộ máy kế toán:

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách chặt chẽ và hợp lý.

Thể hiện như sau:

+ Sự phân công lao động kế toán: số lượng nhân viên kế toán trong công ty và công việc của từng người được sắp xếp phù hợp với khả năng, trình độ và được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc. Vì vậy luôn đạt hiệu quả cao.

+ Bộ máy kế toán: Để công tác đạt hiệu quả cao, phù hợp với quy mô lớn, các đơn vị phụ thuộc phân tán trên địa bàn rộng, đồng thời thực hiện phân cấp quản lý kinh tế tài chính, giao quyền tự chủ tài chính, giao vốn và bảo toàn vốn, thực hiện hạch toán độc lập hạn chế cho các đơn vị phụ thuộc. Nên công ty xi măng Hải Phòng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, tất cả đều chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo trực tiếp từ trưởng phòng kế toán. Đây là một ưu điểm lớn và có tính chất ảnh hưởng rõ rệt tới sự phát triển của công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Tổng công ty đã trang bị cho bộ phận kế toán của công ty một hệ thống máy vi tính hiện đại và phần mềm kế toán FAST được cài đặt sẵn. Các phần hành kế toán nhờ có sự hỗ trợ của kế toán máy được thực hiện một cách khoa học, chính xác, theo đúng quy định của pháp luật, chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống kế toán máy đã giúp cho các phần hành kế toán được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hữu ích cho công tác quản trị nội bộ. Nhờ có sự hỗ trợ của phần mềm kế toán nên việc tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TKĐU bên Nợ, kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản), kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép theo hình thức Nhật ký chung được phát huy cao độ. Sự chính xác của hệ thống kế toán máy làm cho nhân viên không mất thời gian đối chiếu giữa hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp mà hệ thống sổ sách vẫn được kiểm soát chặt chẽ.

+ Công tác tổ chức kiểm tra kế toán, kiểm tra quá trình hạch toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh... được tiến hành ngay tại phòng kế toán của xí nghiệp. Các nhân viên kế toán có mối quan hệ kiểm tra, đối chiếu, so sánh với nhau trong việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm nên có thể phát hiện kịp thời các sai sót về số liệu, về quy trình hạch toán.

- Về công tác kế toán nói chung:

Qua số liệu kế toán và đặc biệt là các báo cáo kế toán tài chính (như bảng tổng kết tài sản, báo cáo tăng giảm vốn kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh) cho thấy công tác tổ chức kế toán tốt, đã giúp cho ban quản lý nắm được số vốn hiện có cả về mặt giá trị và hiện vật, nguồn hình thành và các biến động tăng giảm vốn trong kỳ, mức độ đảm bảo vốn lưu động, tình hình và khả năng thanh toán... Nhờ đó mà công ty đề ra các biện pháp đúng đắn, xử lý kịp thời các vấn đề tài chính nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành thuận lợi theo các chương trình, kế hoạch đề ra như: huy động vốn bổ sung, xử lý vốn thừa, thu hồi các khoản nợ, thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả...

Điều đó được thể hiện cụ thể ở các mặt sau:

+ Về hệ thống chứng từ kế toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ kế toán vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chế độ chứng từ kế toán được công ty chấp hành nghiêm chỉnh. Quy trình luân chuyển chứng từ được kiểm tra chặt chẽ, an toàn. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán phục vụ riêng cho ngành một cách kịp thời, chính xác.

Sau khi luân chuyển, chứng từ được lưu trữ ở hồ sơ từng bộ phận riêng biệt tạo thuận lợi cho công việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

+ Về hệ thống tài khoản kế toán:

Tổ chức tài khoản kế toán là việc thiết lập chế độ kế toán cho đối tượng hạch toán nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về từng loại tài sản, nguồn vốn, quá trình kinh doanh. Hệ thống tài khoản kế toán của công ty là một hệ thống đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với quản lý, đảm bảo phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những tài khoản kế toán của công ty đã tuân theo những quy định thống nhất chế độ chung và chế độ riêng của ngành. Đặc biệt công ty đã vận dụng một cách sáng tạo hệ thống tài khoản, có các tài khoản nhiều cấp chi tiết theo dõi từng đối tượng cụ thể. Điều này rất quan trọng vì giúp việc quản lý các đối tượng dễ dàng, tiện lợi và không ảnh hưởng đến khả năng xử lý thông tin.

+ Về hệ thống sổ sách kế toán:

Với trang bị của hệ thống máy vi tính, ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán đã giúp cho việc cập nhật thông tin kế toán được thực hiện nhanh chóng. Sổ sách kế toán được in bằng máy từng tờ rời và được đóng lại nên đảm bảo tính rõ ràng, không tẩy xóa. Đối chiếu và theo dõi tình hình biến động tăng giảm của các loại tài sản, nguồn vốn của công ty được dễ dàng. Cung cấp thông tin quản lý cụ thể, kịp thời theo yêu cầu của lãnh đạo.

+ Về hệ thống báo cáo kế toán:

Nhìn chung, công ty đã tuân thủ một cách chặt chẽ các quy định của chế độ kế toán về cách thức lập báo cáo tài chính, đặc biệt đối với các báo cáo bắt buộc: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này được công ty lập và gửi đúng thời hạn cho cơ quan quản lý Nhà nước và Tổng công ty theo đúng quy định. Ngoài ra công ty còn có những báo cáo để phục vụ cho công tác quản lý rất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hữu hiệu như: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo chi tiết công nợ... Các báo cáo này có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra giúp kế toán đảm bảo tính kịp thời trong công việc cung cấp thông tin cho quản lý cũng như cho các đối tượng sử dụng thông tin khác. Các khoản mục trên báo cáo này cũng đơn giản, dễ đọc, dễ hiểu, dễ phân tích làm cho báo cáo này có thể cung cấp thông tin cho các đối tượng cả trong và ngoài công ty. Công ty không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo phục vụ cho công tác quản lý.

**** Thứ ba, về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đã đảm bảo theo dõi sát sao tình hình tiêu thụ, đồng thời phản ánh chính xác, kịp thời doanh thu cùng với các khoản giảm trừ doanh thu.

Kế toán về chi phí hạch toán kịp thời các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác... phát sinh trong kỳ đều được theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán. Với những khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào những thời kỳ phát sinh nhiều không tương xứng với doanh thu trong kỳ thì Công ty đã kết chuyển vào TK142 “Chi phí trả trước ngắn hạn”. Việc làm này có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đánh giá đúng kết quả kinh doanh, thêm vào đó việc hạch toán này đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán, tức là tất cả các chi phí được xác định để tính lỗ lãi phải phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ và phải được phân chia rõ ràng trong kỳ hạch toán.

Để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng. Khách hàng có thể trả tiền ngay hoặc trả theo ký kết hợp đồng. Ngoài ra Công ty còn sử dụng phương thức trả chậm đối với những khách hàng thường xuyên, những khách hàng có độ tin cậy cao.

3.1.2. Nhược điểm

Trong thời gian thực tập tại Công ty em đã nhận thấy một số điểm tồn tại trong công tác kế toán đó là:

Một là, đội ngũ nhân viên phòng kế toán tài chính nhìn chung đều là người có trình độ kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng, song vẫn còn một số ít cá nhân mới chưa có kinh nghiệm và hiệu quả chưa cao.

Hai là, mô hình kế toán tập trung tại Công ty tuy thuận tiện cho hoạt động kiểm tra của Tổng công ty nhưng lại cần một số lượng nhân viên kế toán

động, khối lượng làm việc nhiều, áp lực công việc lớn vì xí nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh cho cả trong và ngoài ngành xi măng. Vì vậy, một số nhân viên kế toán nhiều kinh nghiệm của công ty phải kiêm nhiệm nhiều công việc cùng một lúc.

Ba là, mặc dù công ty đã ứng dụng máy vi tính vào phục vụ công tác kế toán nhưng phần mềm sử dụng lại không phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty nên vẫn còn nhiều hạn chế.

Bốn là, công ty là một doanh nghiệp có quy mô và khối lượng giao dịch tương đối lớn, nên số lượng đối tác cũng như khách hàng của công ty là không nhỏ. Việc đảm bảo một cách chắc chắn rằng những khách hàng này không bị mất khả năng thanh toán trong tương lai là điều thật khó. Tuy nhiên hiện tại công ty chưa trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Đây là nguồn tài chính quan trọng nhằm bù đắp những tổn thất có thể xảy ra giúp cho công ty chủ động đối phó tình hình xấu và tiếp tục sản xuất kinh doanh bình thường.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng.

** Giải pháp thứ nhất: Về tổ chức bộ máy hạch toán kế toán của công ty*

+ Để có thể tồn tại được trước điều kiện cạnh tranh gay gắt trên thị trường, công ty phải luôn luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

+ Tuyển dụng các cán bộ thông qua hệ thống thi tuyển, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận đảm đương các nhiệm vụ theo yêu cầu mới của Công ty.

+ Sắp xếp bố trí cán bộ giỏi vào các vị trí chủ chốt, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Khuyến khích phát huy khả năng sáng tạo của cán bộ, công nhân viên trong toàn công ty.

+ Công ty nên áp dụng mô hình kế toán vừa phân tán - vừa tập trung, hoặc có nhân viên phụ trách công tác kế toán riêng cho từng bộ phận, chịu trách nhiệm giám sát, thu thập thông tin, số liệu liên quan các nghiệp vụ phát sinh tại bộ phận đó.

Điều này sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời giảm bớt những cá nhân làm việc kém hiệu quả, hình thành đội ngũ cán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

bộ có trách nhiệm, năng động, sáng tạo có trình độ phù hợp với công việc và các cơ chế mới. Xây dựng quy chế phù hợp trong kinh doanh là làm sao gắn trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn, lợi ích của cán bộ kinh doanh.

Việc áp dụng mô hình kế toán mới để giảm áp lực công việc cho các nhân viên phòng kế toán, đồng thời giúp việc hạch toán được nhanh chóng, đầy đủ hơn những nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các bộ phận như: Xưởng nghiên cứu đóng bao, xưởng mỏ,...

*** Giải pháp thứ hai: Việc ứng dụng phần mềm máy vi tính**

Công ty nên cập nhật thông tin mới nhất về các phiên bản mới của phần mềm kế toán máy để phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty, nếu có thể công ty áp dụng phần mềm kế toán mới nhất hiện nay là FAST ACCOUNTING phiên bản 11.

Việc ứng dụng phần mềm mới sẽ phù hợp với xu thế mới của thời đại như: có thể làm việc trên các thiết bị di động (như máy xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh...) và chỉ cần kết nối với internet là có thể truy cập làm việc trên các ứng dụng được ngay, không đòi hỏi phải cài đặt sẵn phần mềm trên máy. Và FAST ACCOUNTING 11 là sản phẩm duy nhất mới có tính năng này.

Phần mềm kế toán mới này không quá rối rắm, phức tạp, không dư thừa quá nhiều tính năng, chỉ đáp ứng vừa đủ các nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Phiên bản mới cho phép người sử dụng có 4 lựa chọn tương ứng với 4 loại hình doanh nghiệp thông dụng trên thị trường (dịch vụ, thương mại, xây lắp và sản xuất).

Ví dụ: Đối với FAST ACCOUNTING “dịch vụ” sẽ không cần đến các phân hệ quản lý hàng tồn kho và tính giá thành.

Đặc biệt, mức giá đưa ra cũng tương ứng với từng dòng sản phẩm. Do đó, khách hàng không phải trả tiền cho những chức năng mà mình không dùng đến. Có thể thấy, phiên bản mới mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng: giá phù hợp, ứng dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi - theo nhịp phát triển công nghệ thông tin và làm việc di động của người dùng hiện nay.

*** Giải pháp thứ ba: Kiểm soát các khoản nợ phải thu và các biện pháp thu hồi nợ**

- Mở sổ theo dõi nợ phải thu và tình hình thanh toán với khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Thường xuyên nắm vững, kiểm soát được tình hình nợ phải thu và tình hình thu hồi nợ đối với khách hàng. Thường xuyên theo dõi và phân tích cơ cấu nợ phải thu theo thời gian, thực hiện tốt các biện pháp thu hồi nợ đặc biệt là đối với các khoản nợ đến hạn.

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán ,mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn...thì công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện như sau: vào cuối niên độ kế toán công ty xác định số nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, kế toán tính toán xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích

lập. Hiện nay để phản ánh khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, kế toán sử

dụng TK139: Dự phòng phải thu khó đòi

Bên Nợ:

- Các khoản phải thu khó đòi đã xử lý
- Hoàn nhập dự phòng cuối niên độ kế toán

Bên Có:

- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số dư bên Có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi còn lại cuối kỳ

Trình tự hạch toán một số nghiệp vụ kế toán chủ yếu:

1. Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

2. Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

3. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139- Dự phòng nợ phải thu khó đòi(nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

Hoặc Có TK 138- Phải thu khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Nợ TK 004- Nợ khó đòi đã xử lý.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xóa nợ, Công ty vẫn phải theo dõi riêng trong sổ sách trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, Công ty hạch toán vào thu nhập khác.

- Đối với khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi được kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111,112:

Có TK 711- Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Có TK 004- Nợ khó đòi đã xử lý, và theo dõi tiếp trong 5 năm.

- Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ. Khi Công ty hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ TK 111, 112: số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 139: dự phòng phải thu khó đòi (số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có TK 131,138: (chi tiết từng đối tượng)

Ví dụ: Cuối năm 2011, căn cứ vào thực tế số Nợ phải thu khó đòi là 60.000.000 đ, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi, số tiền 40.000.000 đ

- Dựa vào số trích lập, kế toán ghi:

Nợ TK 642: 40.000.000 đ

Có TK 139: 40.000.000 đ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Cuối năm 2012, mức trích lập được xác định là 30.000.000 đ, kế toán ghi:

Nợ 139: 10.000.000 đ

Có TK 711: 10.000.000 đ

3. Sau một số năm, Công ty xác định không đòi được Nợ nên đã xóa nợ, được cấp có thẩm quyền đồng ý, số nợ được xóa là 30.000.000 đ và kế toán ghi:

Nợ TK 139: 30.000.000 đ

Có TK 131: 30.000.000 đ

Đồng thời kế toán ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã được xử lý”

4. Giả định, sau đó Công ty lại đòi được số Nợ đã xóa nói trên, kế toán ghi:

Nợ TK 111: 30.000.000 đ

Có TK 711: 30.000.000 đ

Trên đây là một số giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng mà em đưa ra sau quá trình nghiên cứu thực tế tại công ty. Để nâng cao hiệu quả công tác kế toán công ty cần phát huy những ưu điểm đã đạt được đồng thời không ngừng hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại. Do đó, đòi hỏi không chỉ sự cố gắng nỗ lực của phòng kế toán tài chính mà còn đòi hỏi sự quan tâm chỉ đạo của ban lãnh đạo của công ty. Có như vậy, Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng mới khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng phải được thay đổi và hoàn thiện cho phù hợp tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong đó có công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng về cơ bản đã góp được một phần vào nhu cầu quản lý trong điều kiện mới. Tuy nhiên nếu công ty có những biện pháp tích cực hơn nữa nhằm hoàn thiện hơn nữa một số tồn tại trong công tác kế toán thì vai trò, tác dụng kế toán của công ty còn được phát huy hơn nữa trong quá trình phát triển của công ty.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết, chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình kinh doanh để thu lợi nhuận. Trong chiến lược kinh doanh này kế toán giữ một vị trí hết sức quan trọng, cung cấp những thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của Ban giám đốc. Vì vậy, tổ chức công tác kế toán phải được tổ chức khoa học và hợp lý đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Trong bất kỳ một doanh nghiệp nào, mối quan hệ giữa ba yếu tố doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một hệ thống có quan hệ nhân quả. Doanh thu và chi phí thể hiện nguyên nhân và thu nhập thể hiện kết quả. Mối quan hệ đó thể hiện ở chỗ nếu nguồn thu cao nhưng chi phí mà vượt quá doanh thu thì doanh nghiệp cũng không thể kinh doanh có lãi. Thấy được tầm quan trọng và tính logic đó, Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng rất chú trọng việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do sự hạn chế về hiểu biết và thời gian nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại công ty có hạn nên khóa luận này còn nhiều vấn đề chưa đề cập đến hay mới chỉ lướt qua cùng với những thiếu sót là khó tránh khỏi. Do vậy, em rất mong

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

được sự đóng góp ý kiến của các quý thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Phạm Văn Tường đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các cô chú, anh chị trong Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng đã giúp em thực hiện đề tài này. Xin mọi người nhận từ em lòng biết ơn sâu sắc nhất và lời chúc sức khỏe chân thành!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính (2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Bộ Tài chính (2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- GS.TS Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thùy 2007, *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản tài chính, 711 trang.
- Các tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán tham khảo tại phòng kế toán của Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng.